

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VIỆC BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC HỦY BỎ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TỪ KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2023

Tổng số văn bản KTNN kiến nghị 198 văn bản gồm: 01 Luật; 08 Nghị định; 05 Quyết định Thủ tướng Chính phủ; 27 Thông tư và 157 văn bản khác.

TT	Cơ quan, tổ chức được kiến nghị	Loại văn bản	Loại kiến nghị	Kết quả kiểm toán	Nội dung kiến nghị	Trích từ BCKT
I	Luật (01)					
1	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Luật Lâm nghiệp	Sửa đổi, bổ sung	<p>Bất cập trong quy định về thẩm quyền chuyển loại rừng đặc dụng và chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng tại Luật Lâm Nghiệp 2017:</p> <p>- Tại Điều 20 Luật Lâm nghiệp quy định về thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng chỉ thuộc về Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ như sau: 2. “Quốc hội quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới từ 50 ha trở lên...”; 3 “ Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng dưới 50 ha; ...”.</p> <p>-Tại khoản 2 Điều 18 Luật Lâm nghiệp về thẩm quyền chuyển loại rừng:</p> <p>+ Điểm a “Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển loại rừng đối với khu rừng do Thủ tướng Chính phủ thành lập theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>+Điểm b “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển loại rừng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương chuyển loại rừng”</p> <p>- Quy định tại Điều 25 Luật Lâm nghiệp 2017 về thẩm quyền thành lập khu rừng đặc dụng, khu rừng phòng hộ:</p> <p>+ Khoản 1 “ Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập khu rừng đặc dụng, khu rừng phòng hộ có tầm quan trọng quốc gia hoặc nằm trên địa bàn nhiều tỉnh”</p> <p>+ Khoản 2. “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập khu rừng đặc dụng, khu rừng phòng hộ tại địa phương không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này”.</p> <p>Như vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 25</p>	Xem xét báo cáo Chính phủ bổ sung quy định cụ thể về thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong chuyển loại rừng đặc dụng sang rừng khác tương ứng với thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng sang mục đích khác quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp để tránh quy định của pháp luật chưa chặt chẽ, thống nhất.	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hải Dương

				Luật Lâm nghiệp 2017 thì: Chủ tịch UBND cấp tỉnh được quyền chuyển loại rừng đặc dụng do chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập sang loại rừng khác (rừng phòng hộ, rừng sản xuất) khi đáp ứng các tiêu chí chuyển loại, được HĐND cấp tỉnh quyết định chủ trương; từ đó tiếp tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng mà không cần báo cáo Thủ tướng hoặc Quốc hội như quy định tại khoản 2, khoản 2 Điều 20 Luật Lâm nghiệp 2017.		
II Nghị định (08)						
1	Bộ Tài chính	Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017	Sửa đổi, bổ sung	<p>- Báo cáo tài chính tại thời điểm chuyển thể của EVNGENCO3 chưa ghi nhận giá trị cổ tức được chia bằng tiền có nguồn gốc từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 trở về trước của tổ chức nhận vốn góp nhưng có “Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên” sau thời điểm EVNGENCO3 chính thức chuyển thành công ty cổ phần là 145,87 tỷ đồng. Ngoài ra, qua nghiên cứu báo cáo tài chính của các doanh nghiệp do EVNGENCO3 góp vốn cho thấy một số “tổ chức nhận góp vốn” có lợi nhuận chưa phân phối khá lớn, phát sinh từ kết quả sản xuất kinh doanh từ năm 2017 trở về trước (từ 140,31 tỷ đồng đến 576,62 tỷ đồng) và năm 2018 (từ 22,77 tỷ đồng đến 301,75 tỷ đồng).</p> <p>- Tại Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ không quy định về việc xử lý tài chính đối với các khoản lợi nhuận, cổ tức được chia từ hoạt động đầu tư tài chính mà đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần chưa có “Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên tại tổ chức nhận góp vốn” có nguồn gốc của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ, trước thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần. Vấn đề này dẫn đến lợi nhuận còn lại, giá trị thực tế doanh nghiệp chưa được phản ánh đầy đủ trên Báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần .</p>	Căn cứ khoản 3 Điều 6 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP về xử lý tài chính thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần đối với các khoản lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền có nguồn gốc của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ nhưng đến thời điểm chuyển thể chưa có “Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên tại tổ chức nhận góp vốn” nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của nhà nước, doanh nghiệp nhà nước.	Quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty CP của Công ty mẹ - Tổng công ty phát điện 3

2	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019	Sửa đổi, bổ sung	Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, trong đó quy định xử phạt đối với hành vi chưa nộp, chậm nộp tiền dịch vụ môi trường rừng, xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về trồng rừng thay thế, nhưng không có quy định xử phạt đối với hành vi chậm nộp tiền trồng rừng thay thế	Tham mưu cho Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 35/2019/NĐ-CP; lưu ý trong đó quy định rõ việc xử phạt đối với hành vi chậm nộp tiền trồng rừng thay thế; nhằm tránh đối tượng chây ì trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ BV&PTR tỉnh	Chuyên đề Việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Lâm Đồng, Điện Biên, Phú Thọ; Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La tại tỉnh Điện Biên, tỉnh Sơn La; Ngân sách địa phương; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Phú Thọ
3	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nghị định số 78/2021/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung	Tại khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP quy định Quỹ PCTT hoạt động theo mô hình công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; tại Điều 5 của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP quy định Hội đồng Quản lý quỹ PCTT trung ương sử dụng bộ máy của cơ quan thường trực PCTT làm cơ quan quản lý Quỹ; tại Điều 11 của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP quy định Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh đặt tại cơ quan phòng, chống thiên tai; sử dụng bộ máy của cơ quan thường trực phòng, chống thiên tai theo hình thức biệt phái hoặc kiêm nhiệm tham gia Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh. Với các quy định này cho thấy việc cán bộ, công chức của cơ quan thường trực phòng, chống thiên tai thực hiện kiêm nhiệm chức danh tại Hội đồng quản lý Quỹ PCTT là chưa phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 của Luật Phòng, chống tham nhũng quy định người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị không được "...b) Thành lập, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, trừ trường hợp luật có quy định khác".	Tham mưu cho Chính phủ xem xét sửa đổi quy định về mô hình hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai: Lưu ý sửa khoản 4 Điều 3 quy định về bộ máy của Quỹ tại trung ương và cấp tỉnh tại Điều 5, Điều 11 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP tránh tình trạng các công chức kiêm nhiệm sẽ không phù hợp với quy của Luật Phòng, chống tham nhũng	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Yên Bái, Điện Biên, Thành phố Hồ Chí Minh
4	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018	Sửa đổi, bổ sung	Theo quy định tại khoản 6 Điều 57 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, đối tượng phải trả dịch vụ môi trường rừng là doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản hoặc doanh nghiệp liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản; tuy nhiên, chưa quy định đối tượng phải trả dịch vụ môi trường rừng cơ sở nuôi trồng thủy sản là các hợp tác xã theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp 2017. Như vậy, Quỹ BV&PTR cấp tỉnh không có căn cứ để thu tiền dịch vụ môi trường rừng đối với đối tượng cơ sở nuôi trồng thủy sản là các Hợp tác xã.	Tham mưu cho Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định cụ thể đối với đối tượng phải trả dịch vụ môi trường rừng cơ sở nuôi trồng thủy sản là các hợp tác xã làm căn cứ để Quỹ BV&PTR cấp tỉnh thu tiền	Chuyên đề Việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Sơn La; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La tại tỉnh Sơn La

					dịch vụ môi trường rừng	
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018	Sửa đổi, bổ sung	Quy định về thời điểm xác định, chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng tại điểm a khoản 2 Điều 69, điểm a khoản 2 Điều 71 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ chưa phù hợp với địa phương có mức chi thấp đối với 01 đối tượng được hưởng.		Báo cáo Chính phủ xem xét bổ sung quy định về thời gian chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng tại điểm a khoản 2 Điều 69, điểm a khoản 2 Điều 71 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bắc Giang
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018	Sửa đổi, bổ sung	<p>- Nghị định quy định đối tượng thu tiền DVMTR là cơ sở sản xuất công nghiệp (tại khoản 3 Điều 57) có sử dụng nước từ nguồn nước phục vụ sản xuất công nghiệp nhưng không đề cập, hướng dẫn thu tiền DVMTR đối với trường hợp các cơ sở vừa sản xuất công nghiệp, vừa sản xuất nông nghiệp hoặc sản xuất, kinh doanh ngành nghề khác, ... gây khó khăn cho việc xác định, thu tiền của các đối tượng này. Giai đoạn 2020-2022 Quỹ tỉnh Lâm Đồng chi xác định đưa vào đối tượng thu được 05 cơ sở sản xuất công nghiệp.</p> <p>- Nghị định quy định thời gian thông báo số tiền dự kiến và thời gian xác định số tiền điều phối theo điểm b khoản 1 Điều 68 và khoản 1 Điều 69 nhưng không quy định thời gian điều phối tiền DVMTR từ Quỹ trung ương cho các Quỹ địa phương; quy định nhiệm vụ, trách nhiệm báo cáo tình hình thu chi tiền DVMTR của địa phương hằng năm, báo cáo tình hình thu, chi tiền DVMTR hằng năm của cả nước, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng quỹ cho cấp có thẩm quyền theo điểm i, điểm g khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 76 và điểm c khoản 2 Điều 78 nhưng chưa quy định mẫu biểu, thời điểm và thời hạn báo cáo; điểm k khoản 2 Điều 76 chưa quy định thời hạn và thời điểm lập, gửi báo cáo hằng năm về tình hình thu chi tiền DVMTR của Quỹ địa phương về Quỹ trung ương theo mẫu số 16 Phụ lục VI.</p> <p>- Theo báo cáo của Quỹ BVPTTR tỉnh Lâm Đồng, việc thực hiện chi trả trực tiếp còn vướng mắc do phần lớn Công ty kinh doanh du lịch vừa là bên sử dụng (chủ rừng) vừa là bên cung ứng DVMTR nên khó khăn trong khi ký hợp đồng hoặc không ký được hợp đồng do tính pháp lý của hợp đồng chưa đảm bảo, Quỹ cũng chưa có biện pháp kiểm soát về mặt nghiệp vụ chuyên môn để đảm bảo được việc các Công ty du lịch thực hiện hình thức tự chi trả trực tiếp tiền DVMTR. Đồng thời tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP chưa có hướng dẫn trong trường hợp chi trả trực tiếp, bên cung ứng DVMTR phải báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng cho Quỹ BVPTTR và chưa có hướng dẫn việc ký hợp đồng chi trả DVMTR trực tiếp đối với Tổ chức, cá</p>		Tham mưu cho Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2022

				nhân kinh doanh dịch vụ du lịch vừa là bên cung ứng, vừa là bên sử dụng DVMTR.		
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018	Sửa đổi, bổ sung	Quá trình thực hiện còn những khó khăn, bất cập do việc chi trả theo nhiều lưu vực, nhiều đơn giá, đơn giá chênh lệch quá cao, nhiều hộ dân nhận được chỉ khoảng vài nghìn đồng, thậm chí vài trăm đồng nhưng lại cách xa các điểm nhận tiền, số tiền nhận được không đáp ứng được chi phí đi lại,... tạo tâm lý so sánh giữa các khu vực trên cùng một hoặc nhiều tỉnh. Các khó khăn, vướng mắc đã được các địa phương đề xuất phương án thực hiện nhưng lại không phù hợp với quy định hiện hành.	Tham mưu cho Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 156/2018/NĐ-CP trong việc sử dụng nguồn thu từ DVMTR để trả cho các diện tích cung ứng, tránh việc có quá nhiều đơn giá, đơn giá chênh lệch quá cao tạo xung đột, bất đồng lợi ích và khó khăn cho công tác xác định, chi trả trong quản lý, bảo vệ rừng chung trên địa bàn các tỉnh	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2022
5	(1) Bộ Tài chính; (2) Bộ Giao thông vận tải; (3) Bộ Khoa học và Công nghệ	Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018	Sửa đổi, bổ sung	<p>Nghị định số 70/2018/NĐ-CP còn bất cập, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa hướng dẫn về việc thẩm định, định giá đối với các sản phẩm được hình thành từ kết quả nhiệm vụ KHCN thuộc lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là các sản phẩm có tính chất đặc thù như: sinh vật sống, vật nuôi, (lợn, gà, ngan, ngỗng, ... có vòng đời ngắn), giống cây trồng, vi sinh vật, thủy lợi..., dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong việc định giá sản phẩm nông nghiệp - Chưa quy định về xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước chưa đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ. - Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi số 07/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội đã bổ sung quy định về quyền đăng kí sáng chế, thiết kế bố trí, kiểu dáng công nghiệp (Điều 86a); quy định về đăng kí quyền đối với giống cây trồng (Điều 164), vì vậy cần phải sửa đổi khoản 3, 4 Điều 1, Nghị định số 70/2018/NĐ-CP do Nghị định đang quy định “tài sản là kết quả của nhiệm vụ KHCN sử dụng toàn bộ NSNN; tài sản là kết quả của nhiệm vụ KHCN sử dụng một phần NSNN” vẫn bao gồm các tài sản trên. - Chưa có hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền, quy trình giao không bồi hoàn tài sản trang bị thuộc nhiệm vụ KHCN được NSNN hỗ trợ không quá 30% tổng số vốn; chưa có quy định việc giao quyền cho các đơn vị đặt hàng không thuộc tổ chức chủ trì hoặc giao quyền đối với tài sản là kết quả từ 02 đơn vị thực hiện trở lên để đảm bảo sau khi đề tài kết thúc sử dụng có hiệu quả tối ưu. - Tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP quy định về hình thức bán phần sở hữu của nhà nước 	Rà soát Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ trình Chính phủ sửa đổi: (i) Quy định liên quan đến xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước chưa đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định; (ii) Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao không bồi hoàn tài sản trang bị thuộc nhiệm vụ KHCN được NSNN hỗ trợ không quá 30% tổng số vốn; (iii) Quy định về cơ chế phân chia lợi nhuận đặc thù đối với các địa phương đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; (iv) Quy định về việc tổ chức bán, tổ chức thẩm định giá, tổ chức Hội đồng thẩm định giá (thành phần,	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ và tỉnh Hưng Yên

				<p>cho tổ chức, cá nhân chủ trì hoặc tổ chức, cá nhân khác hoặc giao quyền sử dụng tài sản thuộc về nhà nước và hoàn trả giá trị tài sản thông việc thương mại hóa kết quả nhiệm vụ; tuy nhiên, hiện chưa có văn bản quy định về việc tổ chức bán tài sản, tổ chức thẩm định giá, Hội đồng thẩm định giá (thành phần, phương thức hoạt động, trách nhiệm của Hội đồng).</p> <p>- Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20/02/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước, tuy nhiên thực tế còn nhiều khó khăn vướng mắc khi thực hiện trong việc xác định chi phí tạo lập, do Thông tư còn hướng dẫn chung chung; cùng một kết quả nhiệm vụ KHCN, nếu xác định theo cách khác nhau đưa đến kết quả khác nhau, dẫn đến rất khó quyết định xác định giá trị tài sản. Bên cạnh đó, dịch vụ định giá công nghệ trên thị trường hiện chưa có, một số đơn vị có chức năng thẩm định giá nhưng không thẩm định giá do thiếu văn bản hướng dẫn cụ thể.</p> <p>- Về cơ chế phân chia lợi nhuận: Khi thực hiện theo quy định khoản 3 Điều 28 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP: Mức hỗ trợ của nhà nước càng cao ở khu vực khó khăn thì phần lợi nhuận tương ứng phải trả cho nhà nước càng lớn, dẫn đến khó tạo động lực cho tổ chức chủ trì, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân khi thực hiện các nhiệm vụ KHCN đóng trên địa bàn khó khăn.</p>	<p>phương thức hoạt động, trách nhiệm của Hội đồng); (v) Quy định về giao quyền cho các đơn vị khác sở hữu, sử dụng có nhu cầu khi tổ chức chủ trì không nhận giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng; (vi) Quy định cụ thể phạm vi điều chỉnh đối với tài sản là kết quả của nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước thuộc trường hợp quy định tại Điều 86a, Điều 164 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2022.</p>	
6	UBND tỉnh Tiền Giang	Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010	Sửa đổi, bổ sung	<p>Liên quan các hạn chế trong hỗ trợ kinh phí cho các hội tại địa phương, qua kiểm toán nhận thấy quy định pháp luật hiện hành còn bất cập, cụ thể:</p> <p>+ Quy định tại Điều 35 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan chưa phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 8 Luật NSNN 2015.</p> <p>+ Khoản 2 Điều 35 quy định "<i>Việc cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao; bảo đảm kinh phí để thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao và hỗ trợ cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động; tư vấn, phân biện và giám định xã hội do Thủ tướng Chính phủ quyết định</i>". Tuy nhiên, chưa có quy định về việc giao biên chế cho các hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, xã (hiện tại, Thủ tướng Chính phủ chỉ quyết định và giao biên chế cho tổ chức hội có phạm vi cả nước, cụ thể biên chế giao cho các hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2022 theo Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 22/9/2021).</p>	<p>Báo cáo Chính phủ xem xét nội dung Điều 35 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội: "<i>Các hội có tính chất đặc thù được cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao</i>" để quy định, hướng dẫn thực hiện phù hợp hoặc kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, sửa đổi quy định liên quan để phù hợp, thống nhất với quy định tại khoản 8 Điều 8 Luật NSNN 2015 về nguyên tắc quản lý NSNN: "<i>Kinh phí</i></p>	<p>Ngân sách địa phương năm 2022 và chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Tiền Giang</p>

					<i>hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc tự bảo đảm; ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của Chính phủ”.</i>	
7	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021	Sửa đổi, bổ sung	Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Chưa tham mưu cho Bộ phê duyệt phương án tự chủ tài chính đối với các tổ chức KHCN công lập dẫn đến bất cập trong việc hướng dẫn các đơn vị xây dựng dự toán nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng; chưa ban hành văn bản hướng dẫn các Viện xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ,....trong đó hướng dẫn cụ thể tổng tiền công lao động thực hiện khoán chi được hoà vào chung vào quỹ lương của tổ chức chủ trì để trả lương theo quy chế.	Báo cáo cấp thẩm quyền các khó khăn vướng mắc đề kịp thời đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, nhằm tháo gỡ bất cập cơ chế chính sách, pháp luật trong quản lý sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học công nghệ	Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực Khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020	Sửa đổi, bổ sung	Việc thực hiện Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục, qua kiểm tra cho thấy còn bất cập: Điểm b khoản 4 Điều 8, chương IV, Nghị định số 84 quy định “Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học: Học bổng khuyến khích học tập được bố trí tối thiểu bằng 8% nguồn thu học phí đối với trường công lập”, tuy nhiên, đối tượng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập chỉ có sinh viên hệ chính quy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 ban hành quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy . Do vậy, việc phải bố trí học bổng trên toàn bộ số thu học phí bao gồm cả đối tượng sinh viên không phải hệ chính quy song chi để xét, cấp học bổng cho đối tượng sinh viên chính quy là chưa phù hợp.	Rà soát, tham mưu cho Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 8 chương IV Nghị định số 84/2020/NĐ-CP theo hướng quy định học bổng khuyến khích học tập chỉ cho sinh viên được bố trí tối thiểu bằng 8% nguồn thu học phí chính quy đối với trường công lập.	Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 và chuyên đề công tác lập, phân bổ vốn đầu tư Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; việc thực hiện các chính sách đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 tại Bộ Giáo dục và Đào tạo
III Nghị quyết của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (05)						
1	Bộ Tài chính	Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010	Sửa đổi, bổ sung	- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 về việc ban hành quy chế mẫu về quản lý, sử dụng quỹ phát triển đất căn cứ theo Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001, Luật Ngân sách nhà nước năm 2002, Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ	Tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg do đến nay các văn bản làm căn cứ ban hành quyết định này đã được bãi bỏ	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Yên Bái, Điện Biên, Cần Thơ, Hậu

			<p>trợ và tái định cư. Đến nay, các văn bản làm căn cứ ban hành Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg này đã được bãi bỏ, thay thế bởi Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ). Dẫn đến, quy định về nguồn vốn hoạt động của Quỹ tại khoản 1 Điều 10 của Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg “Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn nhà nước cấp và các nguồn vốn khác” trong đó việc cấp nguồn vốn hoạt động cho quỹ từ nguồn vốn Nhà nước cấp không còn phù hợp với quy định tại khoản 11 Điều 8 của Luật NSNN</p> <p>- Nhiệm vụ chi của Quỹ quy định tại Điều 11 Quy chế mẫu ban hành theo Quyết định 40/2010/QĐ-TTg không còn phù hợp với Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định liên quan của Chính phủ nên nhiệm vụ của Quỹ quy định tại Điều lệ không còn phù hợp quy định hiện hành</p>		Giang
			<p>(i) Theo khoản 3 Điều 12 Điều lệ về nguồn vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất “<i>Hàng năm, căn cứ vào nguồn thu tiền sử dụng, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác), Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn cho Quỹ phát triển đất (từ 30% đến 50% nguồn thu trên) vào dự toán ngân sách nhà nước.</i>” Quy định này phù hợp khoản 3 Điều 10 Quy chế mẫu ban hành theo Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg nhưng quy định tại Quy chế mẫu không còn phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 4 và khoản 11 Điều 8 Luật NSNN năm 2015, khoản 4 Điều 3 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đầu tư công;</p> <p>(ii) Hầu hết các nhiệm vụ chi của Quỹ quy định tại Điều lệ không còn phù hợp quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành (khoản 3 Điều 6 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định Quỹ Phát triển đất chỉ thực hiện ứng vốn cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để giao đất, cho thuê đất, nhưng Điều lệ Quỹ cho phép ứng vốn để thực hiện các nhiệm vụ khác như ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất hay ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư tạo quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo</p>	<p>Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ: Sửa đổi quy định về nguồn vốn hoạt động và quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ Phát triển đất tại Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất ban hành theo Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ để phù hợp quy định về quỹ phát triển đất tại Luật Đất đai và các Nghị định về đất đai;</p>	NSDP năm 2022 của tỉnh Bình Dương và các chuyên đề lồng ghép

				quy hoạch để thực hiện các dự án đầu tư công.)		
2	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18/02/2020	Ban hành văn bản	Quy hoạch BVMT thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Chưa ban hành theo tiến độ được giao tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ (Thời hạn lập quy hoạch không quá 24 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ lập Quy hoạch BVMT quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (từ ngày 18/02/2020 đến ngày 18/02/2022) và quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật BVMT năm 2020. Bộ TN&MT đang chủ trì, phối hợp với đơn vị tư vấn chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ Quy hoạch theo ý kiến của Hội đồng thẩm định.	Nghiên cứu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch BVMT thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Công tác quản lý, bảo vệ môi trường (BVMT) đối với các nhà máy nhiệt điện than (NMNĐT) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2022
3	Bộ Tài nguyên và Môi trường		Ban hành văn bản	Chưa lập, thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 109 Luật BVMT năm 2020. Hiện Bộ TN&MT đã lập và chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và địa phương tổ chức hội thảo lấy ý kiến.	Nghiên cứu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	Công tác quản lý, bảo vệ môi trường (BVMT) đối với các nhà máy nhiệt điện than (NMNĐT) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2022
4	Bộ Y tế	Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002	Hủy bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung	Quy KCBNN được ban hành theo quy định tại Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo không còn phù hợp với quy định tại Khoản 11 Điều 8 Luật NSNN năm 2015.	Xem xét tham mưu cho Chính phủ điều chỉnh hoặc hủy bỏ Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ	NSDP năm 2022 của TP Hồ Chí Minh và các chuyên đề lồng ghép
5	Bộ Y tế	Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/03/2012	Hủy bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung	Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ không còn phù hợp với quy định tại Khoản 11 Điều 8 Luật NSNN năm 2015.	Xem xét tham mưu cho Chính phủ điều chỉnh hoặc hủy bỏ Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ	NSDP năm 2022 của TP Hồ Chí Minh và các chuyên đề lồng ghép
IV	Thông tư (27)					
1	Bộ Công Thương	Thông tư số 36/2022/TT-BCT ngày 22/12/2022	Sửa đổi, bổ sung	Ngày 22/12/2022, Bộ Công Thương đã ban hành Bộ định mức dự toán chuyên ngành lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp tại Thông tư số 36/2022/TT-BCT thay thế Quyết định số 4970/QĐ-BCT, trong đó bổ sung định mức kéo rai cáp ngầm bằng máy kết hợp với thủ công tại các mã hiệu D4.2500 và D4.2700 nhưng thiết bị sử dụng kéo rai cáp là máy kéo cáp 0,9T không phù hợp thực tế thi công bằng máy kéo cáp loại 10T và 18T đối với công tác thi công các đường cáp điện ngầm 110kV (cáp ngầm loại XLPE 1200 mm2)	Đề nghị Bộ Công Thương nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung Thông tư số 36/2022/TT-BCT ngày 22/12/2022 đối với mã hiệu định mức công tác thi công kéo rai cáp ngầm bằng máy phù hợp với các loại máy thi công phổ biến tại các công trình cáp điện áp 110kV hiện nay, làm cơ	Chuyên đề Công tác quản lý đầu tư xây dựng của Công ty mẹ Tập đoàn Điện lực Việt Nam đối với các dự án Nhóm B, C giai đoạn 2019 - 2022 do Tổng công ty Điện lực miền Bắc, Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực miền Trung quản lý, thực hiện

					sở để quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình điện phù hợp, hiệu quả	
2	Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025	Thông tư 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính	Sửa đổi, bổ sung	1.1. Tại Điều 16 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính chỉ quy định về định mức chi giáo dục nghề nghiệp cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo, điều này dẫn đến còn bất cập chưa bao quát hết đối tượng được quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình, quy định tại Tiểu dự án 1, Dự án 4 đối tượng “Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp” không quy định địa bàn thực hiện là tỉnh có huyện nghèo mà quy định chung trên địa bàn cả nước dẫn đến có đối tượng thuộc diện hộ trợ nhưng trên địa bàn tỉnh không có huyện nghèo sẽ không thực hiện được; 1.2. Chi phí đi lại hỗ trợ từ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đến địa điểm đào tạo cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu đi làm việc tại nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính và tại khoản 1 Điều 25 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính trên cùng địa bàn, cùng đối tượng trong thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn còn chưa đồng nhất (khoản 1 Điều 17 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính không được hỗ trợ; khoản 1 Điều 25 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính lại được hỗ trợ).	Chỉ đạo các thành viên ban chỉ đạo và các bộ có liên quan khẩn trương xây dựng, ban hành, sửa đổi theo thẩm quyền để hướng dẫn thực hiện Chương trình theo nội dung tại mục IV Nghị quyết Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2023 số 74/NQ-CP ngày 7/5/2023, trong đó lưu ý các nội dung: Sửa đổi Thông tư 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương: Lào Cai, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Yên Bái, Cao Bằng, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Nam, Khánh Hòa, Bến Tre
3	Bộ Giao thông vận tải	Thông tư số 53/2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2019	Sửa đổi, bổ sung	Thông tư số 53/2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ GTVT quy định mức giá, khung giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam. Việc cung cấp dịch vụ cho thuê cầu dẫn khách của ACV cho các Hãng hàng không trên thực tế tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng cầu dẫn khách của các Hãng hàng không, cụ thể: có Hãng hàng không sử dụng cầu dẫn khách của ACV cả lượt đi (đưa hành khách từ nhà ga lên tàu bay) và lượt đến (đưa hành khách từ tàu bay xuống nhà ga) hoặc chỉ sử dụng 01 lượt (lượt đến hoặc lượt đi). Tuy nhiên, Điều 15 Thông tư số 53/2019/TT-BGTVT chỉ quy định khung giá tối đa, tối thiểu dịch vụ cho thuê cầu dẫn khách là VNĐ/lần chuyến hoặc USD/lần chuyến mà không quy định về mức thu đối với các chuyến bay chỉ sử dụng 01 lượt cầu dẫn khách cho 01 lần chuyến bay để áp dụng cho phù hợp với thực tế	Bộ Giao thông vận tải xem xét sửa đổi, bổ sung giá dịch vụ cho thuê cầu dẫn khách quy định tại Thông tư số 53/2019/TT-BGTVT theo hướng quy định rõ mức thu đối với các chuyến bay chỉ sử dụng 01 lượt cầu dẫn khách cho 01 lần chuyến bay để áp dụng thống nhất và phù hợp với thực tế	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP

4	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Thông tư 14/2015/TT-NHNN ngày 28/8/2015	Sửa đổi, bổ sung	Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) tính dự phòng rủi ro đối với dư nợ tại thời điểm 15/12/2022 để trích lập dự phòng rủi ro tại 31/12/2022 theo quy định tại điểm 2 khoản 33 Điều 1 Thông tư 14/2015/TT-NHNN Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN. Trường hợp sau ngày 15/12 đến cuối năm mà VAMC bán được khoản nợ đã tính dự phòng rủi ro thì sẽ không phản ánh đúng kết quả kinh doanh năm 2022 .	Sửa đổi điểm 2 khoản 33 Điều 1 Thông tư số 14/2015/TT-NHNN quy định trước ngày 15 tháng 12 Công ty Quản lý tài sản tiến hành định giá lại TSBĐ của từng khoản nợ thành ngày 31 tháng 12 hàng năm để số liệu Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh đúng kết quả kinh doanh của VAMC.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
5	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Thông tư số 01/2022/TT-NHNN ngày 28/01/2022	Sửa đổi, bổ sung	Thông tư 01/2022/TT-NHNN quy định “Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm đề nghị” khi duyệt cấp phép gây khó khăn trong việc thu thập số liệu đánh giá để xét duyệt khi thời điểm đề nghị cấp phép của các NHTM không phải là thời điểm lập báo cáo tổng kê (thời điểm cuối tháng/quý/năm).	Nghiên cứu, sửa đổi khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2022/TT-NHNN ngày 28/01/2022 theo hướng quy định rõ thời điểm phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của NHNN để đảm bảo việc thực hiện nhất quán trong hoạt động cấp phép.	BCKT Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

6	Bộ Tài chính	Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014	Sửa đổi, bổ sung	<p>Năm 2022, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quyết định truy thu 270.428.101.331 đồng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giai đoạn 2014-2021 đối với 05 mỏ đá của Công ty CP Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa (gồm truy thu số được nộp theo phân kỳ của UBND Tỉnh và truy thu theo số kiến nghị từ các năm trước của KTNN), Công ty đã nộp NSNN số tiền này và căn cứ quy định tại điểm 2.34 khoản 2 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi bởi Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015) về các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế “2.34. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vượt mức thực tế phát sinh của năm. Trường hợp nộp một lần, mức thực tế phát sinh của năm được xác định trên cơ sở tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phân bổ cho số năm khai thác còn lại. Trường hợp nộp hàng năm, mức thực tế phát sinh là số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của năm mà doanh nghiệp đã nộp Ngân sách Nhà nước” để hạch toán và xác định số truy thu trên là chi phí hợp lý tính thuế TNDN năm 2022. Thực tế đây là khoản truy thu các năm trước, không phải là khoản nộp một lần cho năm hiện tại và các năm về sau và cũng không phải số nộp hàng năm theo phân kỳ của năm; các văn bản hiện hành chưa hướng dẫn rõ việc xác định chi phí được trừ/không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong trường hợp này.</p> <p>Theo văn bản số 2571/TCT-CS ngày 20/7/2022 về việc tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN, Tổng cục Thuế đã đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến chi phí tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại khoản 2.34 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC. Đến thời điểm hiện nay, Bộ Tài chính chưa ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung để các doanh nghiệp thực hiện</p>	Sớm hoàn thiện và ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung điểm 2.34 khoản 2 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC để khắc phục những tồn tại, bất cập liên quan đến chi phí tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mà Tổng cục Thuế đã nêu và xin ý kiến các địa phương, đơn vị tại Công văn số 2571/TCT-CS ngày 20/7/2022	Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai
7	Bộ Thông tin và truyền thông	Thông tư 14/2022/TT-BTTTT ngày 28-10-2022	Sửa đổi, bổ sung	Thông tư 14/2022/TT-BTTTT chưa quy định trách nhiệm về thời gian của Bộ TT&TT trong công tác phê duyệt quyết toán, chưa có quy định về thời gian thẩm tra quyết toán và thời gian phê duyệt quyết toán của Bộ TT&TT.	Chỉnh sửa, bổ sung Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT: Bổ sung thời gian thẩm tra quyết toán và thời gian phê duyệt quyết toán của Bộ TT&TT theo đúng quy định hiện hành; bổ sung chế tài đối với việc chậm thực hiện lập, phê duyệt kế hoạch, dự toán, quyết toán	Việc quản lý và sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam năm 2022
8	Bộ Tài chính	Thông tư số 96/2015/TT-	Sửa đổi, bổ	Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính có quy định về điều kiện áp dụng ưu đãi thuế TNDN	Xem xét, nghiên cứu sửa đổi quy định tại: Khoản 3	Hoạt động quản lý, công tác xử lý nước thải, rác thải;

		BTC ngày 22/6/2015	sung	đối với dự án đầu tư mới, theo đó: Dự án được hưởng ưu đãi đầu tư phải có Giấy chứng nhận đầu tư, ngoại trừ trường hợp dự án đầu tư trong nước gắn với việc thành lập doanh nghiệp mới có vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam. Khoản 2 Điều 36 Luật Đầu tư năm 2014, khoản 2 Điều 37 Luật Đầu tư năm 2020 quy định dự án của nhà đầu tư trong nước không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư (không phân biệt mức vốn đầu tư là 15 tỷ đồng như quy định tại Điều 45 Luật Đầu tư năm 2005). Tuy nhiên, Thông tư số 96/2015/TT-BTC chưa được sửa đổi, bổ sung để cập nhật quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Đầu tư năm 2020.	Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 quy định về điều kiện hưởng ưu đãi thuế TNDN cho phù hợp với quy định tại Điều 17 và Điều 37 Luật Đầu tư năm 2020; sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC, khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2015/TT-BTC cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.	Chuyên đề việc chấp hành các quy định pháp luật về đầu tư, việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN đối với các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và doanh nghiệp hoạt động trong KCN giai đoạn 2018-2022 tại tỉnh Long An
9	Bộ Tài chính	Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính	Sửa đổi, bổ sung	Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính được ban hành trước Luật NSNN năm 2015 nên nhiều nội dung chưa phù hợp với quy định của Luật NSNN năm 2015: Cụ thể, tại Điều 3 Thông tư số 69/2013/TT-BTC có quy định vốn hoạt động của Quỹ là từ ngân sách nhà nước gồm vốn chủ sở hữu và vốn nhận ủy thác từ Nhà nước, nhưng không quy định rõ vốn điều lệ của Quỹ, trong khi Luật NSNN năm 2015 không có quy định việc cấp vốn ủy thác cho Quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước.	Sửa đổi Điều 3 Thông tư số 69/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các Quỹ hỗ trợ nông dân thuộc hệ thống Hội Nông dân Việt Nam liên quan đến vốn hoạt động, vốn điều lệ cho phù hợp với Luật NSNN năm 2015.	Chuyên đề Việc quản lý, sử dụng các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại thành phố Cần Thơ, Hậu Giang
10	Bộ Tài chính và Bộ Y tế	Thông tư liên tịch số 33/2013/TT-LT-BYT-BTC ngày 18/10/2013	Sửa đổi, bổ sung	Ngân sách tỉnh chi hỗ trợ phần cùng chi trả thuốc kháng HIV theo quy định tại Thông tư số 22/2020/TT-BYT ngày 02/12/2020 của Bộ Y tế và hỗ trợ chi phí cùng chi trả BHYT cho người nghèo theo Quyết định số 3393/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của UBND tỉnh Bình Dương (Căn cứ Thông tư liên tịch số 33/2013/TTLT-BYT-BTC ngày 18/10/2013 của Bộ Y tế và Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức thực hiện quyết định số 14/2012/QĐ-TTG ngày 01/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo (hiện nay vẫn có hiệu lực) và Thông tư số 22/2020/TT-BYT ngày 02/12/2020 của Bộ Y tế quy định về quản lý thuốc kháng HIV được mua sắm tập trung cấp quốc gia sử dụng nguồn quỹ bảo hiểm y tế và hỗ trợ chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng HIV cho người nhiễm HIV có thẻ bảo hiểm y tế).	Bộ Tài chính và Bộ Y tế rà soát đề sửa đổi Thông tư liên tịch số 33/2013/TTLT-BYT-BTC cho phù hợp với quy định tại khoản 11 Điều 8 Luật NSNN năm 2015 và các chế độ tài chính, kế toán hiện hành.	NSDP năm 2022 của tỉnh Bình Dương và các chuyên đề lồng ghép
11	Bộ Tài chính	Thông tư số 11/2017/TT-	Sửa đổi, bổ	Thông tư số 11/2017/TT-BTC cũng chưa có quy định cụ thể về việc gia hạn vốn ủy thác giữa địa phương với NHCSXH để làm cơ sở thu	Bổ sung hoặc sửa đổi Thông tư số 11/2017/TT-	NSDP năm 2022 của tỉnh Bình Dương và các chuyên đề

		BTC ngày 08/02/2017	sung	hồi vốn ủy thác, cũng như việc xử lý và phản ánh vào NSNN đối với tiền lãi thu được và Quỹ dự phòng rủi ro chưa sử dụng hết đã được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác.	BTC để phù hợp với quy định của Luật NSNN, đối với các nội dung: (i) việc gia hạn hợp đồng ủy thác của địa phương với NHCSXH; (ii) việc phản ánh khoản bổ sung nguồn vốn ủy thác từ tiền lãi thu được hàng năm; (iii) việc xử lý nguồn vốn ủy thác từ tiền lãi thu được và Quỹ dự phòng rủi ro khi hợp đồng ủy thác đến hạn hoặc hết hạn phải tất toán.	lồng ghép
12	Bộ Khoa học và Công nghệ	Thông tư số 03/2015/TT-BKHCN ngày 09/3/2015	Sửa đổi, bổ sung	Thông tư số 03/2015/TT-BKHCN quy định: Quỹ là đơn vị sự nghiệp hoạt động không vì mục đích lợi nhuận và được NSNN cấp kinh phí cho các hoạt động quản lý Quỹ, chưa phù hợp quy định tại Khoản 11 Điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 quy định “Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách”	Xem xét, điều chỉnh khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2015/TT-BKHCN ngày 09/3/2015 của Bộ Khoa học và công nghệ	NSDP năm 2022 của TP Hồ Chí Minh và các chuyên đề lồng ghép
13	Bộ Tài chính	Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014	Sửa đổi, bổ sung	Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 76/2014/TT-BTC quy định Hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số được giảm tiền sử dụng đất phải có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi có đất được cấp Giấy chứng nhận, được công nhận quyền sử dụng đất, được chuyển mục đích sử dụng đất. Cục thuế Lạng Sơn đang áp dụng việc giảm 50% tiền sử dụng đất theo Công văn số 3581/TCT-CS ngày 10/8/2016 trong đó hướng dẫn “hộ khẩu thường trú nơi có đất được xác định là cấp huyện” số tiền 3.188tr tại 06 huyện. Trong khi, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP quy định giảm 50% tiền sử dụng đất trong hạn mức đối với hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo tại địa bàn không thuộc phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP.	Sửa đổi khoản 1 Điều 14 Thông tư số 76/2014/TT-BTC phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Cư trú năm 2020 và khoản 2 Điều 4 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015	NSDP năm 2022 của tỉnh Lạng Sơn
14	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019	Sửa đổi, bổ sung	Bộ GDĐT chưa xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cấp Bộ theo Điểm b khoản 2 Điều 1 Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng tại Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT. Các cơ sở giáo dục đào tạo phần lớn chưa triển khai thực hiện, đến thời điểm kiểm toán có 03/52 cơ sở đào tạo thuộc Bộ (Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Mở Hà Nội, Trường ĐH Tây Bắc) ban hành định mức kinh tế kỹ thuật và báo cáo về Bộ. Nội dung này đã được Đoàn KTNN về kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2021 phản ánh và kiến nghị Bộ chỉ đạo các trường đại học trực thuộc, tuy nhiên so với năm 2021	Rà soát sửa đổi, bổ sung đối với các văn bản hết hiệu lực, những nội dung cần hướng dẫn chi tiết trong quá trình xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật quy định tại Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT	Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 và chuyên đề công tác lập, phân bổ vốn đầu tư Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; việc thực

				<p>thì năm 2022 chỉ tăng thêm 01 trường xây dựng.</p> <p>Kiểm toán chi tiết: Một số trường đã xây dựng, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật nhưng chưa áp dụng, báo cáo về Bộ; một số khoản chi xây dựng chưa có cơ sở tính toán, chưa thực hiện theo định mức kinh tế kỹ thuật đã ban hành. Một số ngành xác định chi phí của một số mục chi vượt tỷ lệ so với hướng dẫn tại Phụ lục của Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT (Trường ĐH Mở TPHCM).</p> <p>Theo báo cáo của các đơn vị, việc triển khai xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật gặp một số khó khăn vướng mắc như: (i) Một số văn bản áp dụng để xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật đều đã hết hiệu lực; (ii) Quy định về quy mô lớp chuẩn 40 Sinh viên theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT không phù hợp với nhiều ngành nghề đào tạo liên quan đến nghệ thuật, ngôn ngữ; (iii) Một số hướng dẫn xây dựng định mức chi đặc thù chưa cụ thể như chi phí tuyển sinh, chi phí phát triển chương trình đào tạo, kiểm định chương trình đào tạo.</p>		<p>hiện các chính sách đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 tại Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>
15	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thông tư số 11/2016/TT-BGDĐT ngày 11/4/2016	Sửa đổi, bổ sung	<p>Thông tư 11/2016/TT-BGDĐT ngày 11/4/2016 còn một số bất cập:</p> <p>+ Thông tư chưa quy định rõ nguyên tắc, trình tự, nội dung làm việc của Tổ thẩm định nội dung và thẩm định kinh phí; chưa quy định thời gian Chủ nhiệm đề tài gửi tiếp thu ý kiến của thành viên Hội đồng tư vấn tuyển chọn, chưa có quy định bộ phận có trách nhiệm rà soát ý kiến tiếp thu, chỉnh sửa nội dung của Chủ nhiệm đề tài để có cơ sở cho Tổ thẩm định kinh phí thẩm định và kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Chưa quy định thời gian Chủ nhiệm đề tài gửi tiếp thu ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí để thực hiện ký Hợp đồng KHCN;</p> <p>+ Tại khoản 2, Điều 22 Thông tư số 11/2016/TT-BGDĐT hiện chỉ quy định “<i>Điều chỉnh thời gian thực hiện đề tài cấp bộ chỉ được thực hiện một lần</i>”; chưa quy định về số lần gia hạn và thẩm quyền phê duyệt trong trường hợp đặc biệt.</p> <p>+ Tại Điều 19 “Hợp đồng thực hiện đề tài cấp Bộ” còn giao Thủ trưởng tổ chức chủ trì đề tài ký hợp đồng thực hiện đề tài cấp bộ với chủ nhiệm đề tài chưa phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 27 Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và khoản 2 Điều 26 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014. Mặt khác, theo Mẫu số 13 “Hợp đồng thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ” và mẫu 29 “Biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ” được ký giữa bên đặt hàng (GDĐT) và bên nhận đặt hàng (đại diện Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài), do đó việc giao cho Thủ trưởng tổ chức chủ trì đề tài ký hợp đồng thực hiện đề tài cấp bộ với chủ nhiệm đề tài là chưa phù hợp.</p>	<p>- Đối với Thông tư số 11/2016/TT-BGDĐT ngày 11/4/2016: Sửa đổi Điều 19 phù hợp với Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn Luật; sửa đổi, bổ sung Điều 22 về số lần gia hạn và thẩm quyền phê duyệt trong trường hợp đặc biệt. Bổ sung quy định đối với: Trách nhiệm của Hội đồng, Vụ Khoa học, công nghệ và môi trường trong việc kiểm tra, rà soát việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng tư vấn, tuyển chọn đề tài; nguyên tắc, trình tự, nội dung làm việc của Tổ thẩm định nội dung và thẩm định kinh phí; thời gian Chủ nhiệm đề tài gửi tiếp thu ý kiến của thành viên Hội đồng tư vấn tuyển chọn và Tổ thẩm định kinh phí.</p>	<p>Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 và chuyên đề công tác lập, phân bổ vốn đầu tư Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; việc thực hiện các chính sách đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 tại Bộ Giáo dục và Đào tạo</p>

				+ Không quy định trách nhiệm của Hội đồng, Vụ KHCN&MT trong việc kiểm tra, rà soát việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng tư vấn, tuyển chọn đề tài.		
16	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thông tư số 56/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012	Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế	Thông tư số 56/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 ban hành quy định quản lý nhiệm vụ hợp tác song phương về KHCN cấp bộ của GDĐT đến thời điểm kiểm toán (năm 2023) vẫn còn hiệu lực, tuy nhiên các văn bản căn cứ của Thông tư đã hết hiệu lực từ năm 2014, cụ thể: Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ đã hết hiệu lực vào tháng 3/2014. Mặt khác, Luật Khoa học công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 và Nghị định số 08/2014/NĐ-CP chưa có quy định giao cho các Bộ, ngành thực hiện các nhiệm vụ hợp tác song phương về Khoa học Công nghệ cấp Bộ và Thông tư số 10/2019/TT-BKHCN ngày 29/10/2019 quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nghị định thư do Bộ KHCN chủ trì.	Rà soát tính pháp lý các văn bản làm căn cứ sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 56/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 quy định quản lý nhiệm vụ hợp tác song phương về KH&CN cấp bộ của Bộ GDĐT phù hợp với quy định hiện hành.	Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 và chuyên đề công tác lập, phân bổ vốn đầu tư Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; việc thực hiện các chính sách đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 tại Bộ Giáo dục và Đào tạo
17	Bộ Y tế	Thông tư số 37/2010/TT-BYT ngày 16/8/2010	Bổ sung văn bản hướng dẫn	Công tác tham mưu, xây dựng ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung chưa kịp thời để phù hợp với quy định văn bản quy phạm pháp luật đã thay thế, sửa đổi, cụ thể: Từ năm 2010-2013, ban hành Thông tư số 37/2010/TT-BYT ngày 16/8/2010 quy định về việc quản lý đề tài nghiên cứu khoa học và dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ Y tế; Từ năm 2014 cho đến nay (tháng 3/2023), Bộ Y tế chưa kịp thời ban hành Thông tư hướng dẫn thay thế, bãi bỏ Thông tư số 37/2010/TT-BYT không còn phù hợp với các Thông tư đã được sửa đổi để làm căn cứ cho việc triển khai thực hiện.	Kịp thời ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý nhiệm vụ KHCN thuộc trách nhiệm của Bộ Y tế. đồng thời khẩn trương ban hành Thông tư mới để thay thế Thông tư số 37/2010/TT-BYT ngày 16/8/2010 quy định về việc quản lý đề tài nghiên cứu khoa học và dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ Y tế do không còn phù hợp với quy định hiện hành.	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại Bộ Y tế và Chuyên đề công tác lập, phân bổ vốn đầu tư chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; việc thực hiện các chính sách đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 tại Bộ Y tế
18	Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Tài chính	Thông tư liên tịch số 27/2015/TT-LT-BTC-BKHCN ngày 30/12/2015	Sửa đổi, bổ sung	Việc thực hiện phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ KHCN, Bộ Tài chính còn hạn chế: - Hiện tại, phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng mới chỉ triển khai đối với nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản tài trợ thông qua Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, còn các lĩnh vực khác thực tế chưa áp dụng được do quy định về hồ sơ, chứng từ quyết toán lưu trữ tại tổ chức chủ trì (Điều 15) vẫn phải theo các quy định hiện hành (do vẫn chịu sự điều chỉnh của Luật Kế toán, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu).	Phối hợp với Bộ Tài chính Sửa đổi văn bản về các quy định cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng; Sửa đổi Điều 15, Điều 16 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 30/12/2015 của Bộ Tài chính, Bộ KHCN về cơ chế khoán	Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022; chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai

				- Mục b khoản 2 Điều 16 quy định đối với các nhiệm vụ KHCN không hoàn thành, hoàn trả NSNN tối thiểu 40% tổng kinh phí NSNN đã sử dụng đúng quy định; và không được điều chỉnh sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ (theo quy định tại khoản 2 Điều 6); Trong khi tại bước đề xuất nhiệm vụ, các yêu cầu, thông số kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng... của sản phẩm chưa xác định được chính xác nhưng đang được coi như là sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ và khi nghiệm thu phải đảm bảo các sản phẩm như đã đăng ký trong thuyết minh đã phê duyệt; do đó chưa khuyến khích các cá nhân, tổ chức đề xuất thực hiện nhiệm vụ KHCN theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.	chi, kiểm soát chi trong thực hiện nhiệm vụ KHCN theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng (Văn bản hành chính Thông tư liên tịch ngày 30/12/2015)	đoạn 2020-2022 tại Bộ Khoa học và Công nghệ
19	Bộ Khoa học và Công nghệ	Thông tư số 04/2015/TT-KHCN ngày 11/3/2015	Sửa đổi, bổ sung	Việc điều chỉnh thời gian (gia hạn): Theo quy định Điều 12 của Thông tư số 04/2015/TT-KHCN ngày 11/3/2015 của Bộ KHCN “ <i>Trường hợp không theo quy định do Bộ chủ trì nhiệm vụ quyết định</i> ” dẫn đến tình trạng: + Gia hạn để làm căn cứ chuyển nguồn đối với đề tài kết thúc thời gian nghiên cứu vào thời điểm cuối năm đã nghiệm thu cấp cơ sở, không phù hợp với quy định tại mục III Điều 12 Thông tư số 04/2015/TT-KHCN ngày 11/3/2015 của Bộ KHCN “ <i>điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ</i> ” và quy định tại điểm e khoản 3 Điều 64 Luật NSNN, điểm e khoản 1 Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính “ <i>Kinh phí nghiên cứu khoa học bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện</i> ”. + Tình trạng gia hạn lần 02, lần 03 vượt quá thời gian quy định (thời gian gia hạn bằng hoặc hơn thời gian nghiên cứu đề tài), hiện do “ <i>...Bộ chủ trì nhiệm vụ quyết định</i> ”, tuy nhiên chưa quy định điều kiện ràng buộc (về khối lượng công việc phải thực hiện, biên bản kiểm tra tiến độ để làm căn cứ gia hạn vì lý do khách quan hay chủ quan để đảm bảo đề tài gia hạn có tính khả thi.	Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2015/TT-KHCN ngày 11/3/2015 của Bộ KHCN: Quy định tại Điều 12 của Thông tư số 04/2015/TT-KHCN đối với “ <i>Trường hợp gia hạn không theo quy định do Bộ chủ trì nhiệm vụ quyết định</i> ” phải quy định rõ điều kiện của những trường hợp gia hạn; bổ sung quy trình thực hiện và các mẫu biểu đánh giá, nhận xét nhiệm vụ không hoàn thành. (Văn bản hành chính Thông tư số 04/2015/ ngày 11/03/2015)	Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022; chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2022 tại Bộ Khoa học và Công nghệ
20	Bộ Khoa học và Công nghệ	Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017	Sửa đổi, bổ sung	Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ KHCN: Quy định về hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia bao gồm "Báo cáo tài chính của 02 đến 03 năm gần nhất của tổ chức chủ trì đã nộp các cơ quan quản lý theo quy định" (khoản 9 Điều 5); tuy nhiên, yêu cầu này không cần thiết trong trường hợp nhiệm vụ KHCN được NSNN tài trợ toàn bộ kinh phí; Tại Điều 5 chưa quy định biểu mẫu Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia để chứng minh năng lực, kinh nghiệm của đơn vị phối hợp.	Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định (i) Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ KHCN: quy định về danh mục hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022; chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai

					cấp quốc gia được ngân sách nhà nước tài trợ toàn bộ; biểu mẫu tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.	đoạn 2020-2022 tại Bộ Khoa học và Công nghệ
21	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/08/2019	Sửa đổi, bổ sung	<p>Kết quả kiểm toán (tại Trung tâm Hỗ trợ đăng ký kinh doanh thuộc Cục QLĐKKD) cho thấy: Các chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí so với số phí thu được căn cứ số liệu thực tế thực hiện thấp hơn đáng kể so với tỷ lệ để lại đang áp dụng, cụ thể: Trung tâm thực hiện thu phí cung cấp thông tin doanh nghiệp theo quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019. Trung tâm được trích 85% số tiền phí cung cấp thông tin doanh nghiệp thu được để chi cho các nội dung về chi thường xuyên thực hiện chế độ tự chủ và các khoản chi khác có tính chất không thường xuyên liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí. Nộp 15% còn lại vào NSNN theo chương, tiêu mục tương ứng của Mục lục ngân sách hiện hành. Qua xem xét số liệu về thu phí, chi phí cần thiết cho các hoạt động thu phí từ giai đoạn 2020-2022 (Chi tiết tại Phụ lục số 10/BCKT-NSBN) cho thấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số thu để lại hàng năm của đơn vị đều rất cao so với nhu cầu đảm bảo các nội dung chi theo quy định, cụ thể: Năm 2020 gấp 1,4 lần (23.506trđ/16.946trđ); năm 2021 gấp 2,4 lần (33.158trđ/14.066trđ); năm 2022 gấp 1,9 lần (40.231trđ/20.722trđ). - Tỷ lệ để lại nếu tính theo chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (không bao gồm khoản trích các quỹ) so với số phí thu được căn cứ số liệu thực tế thực hiện thấp hơn đáng kể so với tỷ lệ để lại đang áp dụng, cụ thể tỷ lệ tính lại các năm 2020, 2021, 2022 lần lượt là 13%, 19%, 11%; nếu tính bao gồm cả khoản trích lập các quỹ thì tỷ lệ này lần lượt là 61%, 36%, 44% vẫn thấp hơn so với tỷ lệ đang áp dụng (85%). - Mức phí được để lại tính cho bình quân lao động tại Trung tâm Hỗ trợ Đăng ký kinh doanh các năm 2020, 2021, 2022 lần lượt là 784 trđ/lao động, 947trđ/lao động, 1.219trđ/lao động; cao hơn nhiều so với định mức phân bổ chi thường xuyên cho từng biên chế tại Cục QLĐKD năm 2020, 2021, 2022 lần lượt là 25trđ/biên chế, 25trđ/biên chế, 35trđ/biên chế (định mức phân bổ chi thường xuyên căn cứ theo quyết định giao dự toán của Bộ KH&ĐT cho Cục, không tính các chi 	Làm việc với Bộ Tài chính để nghiên cứu điều chỉnh tỷ lệ để lại phí cung cấp thông tin doanh nghiệp cho Trung tâm Hỗ trợ Đăng ký kinh doanh quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/08/2019 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

				<p>phí phát sinh thực tế trong năm).</p> <p>- Số tồn Quỹ phát triển hoạt động cũng như số dư tiền và các khoản tương đương tiền lớn, cụ thể số dư Quỹ phát triển hoạt động cuối năm 2020, 2021, 2022 lần lượt là 99.948trđ, 115.367trđ, 138.029trđ; số dư tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm 2020, 2021, 2022 lần lượt là 117.547trđ, 208.552trđ, 253.536trđ.</p> <p>Như vậy, tỷ lệ để lại phí cung cấp thông tin doanh nghiệp hiện đang áp dụng tại Trung tâm cao hơn khá nhiều mức chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí của đơn vị.</p>		
22	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thông tư 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017	Sửa đổi, bổ sung	<p>Thông tư 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ KHCN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia sử dụng NSNN chưa quy định biểu mẫu tóm tắt hoạt động KHCN của tổ chức đăng ký tham gia thực hiện phối hợp để chứng minh năng lực và kinh nghiệm</p>	Báo cáo cấp thẩm quyền các khó khăn vướng mắc đề kịp thời đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, nhằm tháo gỡ bất cập cơ chế chính sách, pháp luật trong quản lý sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học công nghệ	Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực Khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
23	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018	Ban hành văn bản	<p>Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 15/3/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang quy định về giá các loại rừng và giá cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được ban hành căn cứ vào Nghị định số 48/2007/NĐ-CP ngày 28/3/2007 của Chính phủ về nguyên tắc và phương pháp xác định giá các loại rừng và Thông tư liên tịch số 65/2008/TTLT-BNN-BTC ngày 26/5/2008 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 48/2007/NĐ-CP, tại các văn bản này không có quy định liên quan đến tính giá cho thuê môi trường rừng. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 15/3/2016 quy định áp dụng để tính tiền thuê rừng (hay còn gọi là thuê môi trường rừng), từ đó Vườn Quốc gia Phú Quốc đã áp dụng quy định này để tính tiền cho thuê môi trường rừng đặc dụng là không phù hợp do theo quy định hiện hành thì việc cho thuê rừng và cho thuê môi trường rừng là 02 hoạt động khác nhau.</p>	Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn việc quản lý và sử dụng tiền cho thuê môi trường rừng đặc dụng, cho thuê môi trường rừng phòng hộ và cho thuê môi trường rừng sản xuất để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được quy định tại khoản 6 Điều 14, khoản 6 Điều 23 và khoản 3 Điều 32 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP	NSDP năm 2022 của tỉnh Kiên Giang; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Kiên Giang
24	Bộ Tài chính	Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 6/01/2017	Ban hành văn bản	<p>Hiện nay Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành cơ chế ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển, quỹ tài chính khác của địa phương đối với trường hợp không thành lập Quỹ phát triển đất hoạt động độc lập (được quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 6/01/2017 của Chính phủ)</p>	Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ: Ban hành quy định về cơ chế ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển, quỹ tài chính khác của địa phương đối	Chuyên đề Việc quản lý, sử dụng các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại thành phố Cần Thơ, Hậu Giang

					với trường hợp không thành lập Quỹ phát triển đất hoạt động độc lập	
25	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thông tư 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015	Sửa đổi, bổ sung	Thông tư 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ KHCN quy định về việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng, nhưng chưa có quy định cụ thể về quy trình thực hiện và các mẫu biểu đánh giá, nhận xét đối với nhiệm vụ không hoàn thành.	Báo cáo cấp thẩm quyền các khó khăn vướng mắc đề kịp thời đề xuất, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, nhằm tháo gỡ bất cập cơ chế chính sách, pháp luật trong quản lý sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học công nghệ	Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực Khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
26	Bộ Tài nguyên và Môi trường		Ban hành văn bản hướng hướng dẫn	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 không quy định thời gian tối đa đối với chủ dự án trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép.	Nghiên cứu, xây dựng và ban hành quy định về thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường.	Công tác quản lý, bảo vệ môi trường (BVMT) đối với các nhà máy nhiệt điện than (NMNĐT) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2022
27	Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tư pháp	Thông tư liên tịch số 14/2015/TT-LT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015	Sửa đổi, bổ sung	Đối với công tác quản lý thu tiền sử dụng đất: Thời gian ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất thông qua đấu giá theo quy định khoản 1 Điều 13 của Thông tư liên tịch số 14/2015/TT-LT-BTNMT-BTP ngày 4/4/2015 của liên Bộ TN&MT - Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất, chưa phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Thông tư số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên Bộ Tài chính - Bộ TN&MT quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất và theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên Bộ Tài chính - Bộ TN&MT.	Khi sửa đổi Thông tư liên tịch số 14/2015/TT-LT-BTNMT-BTP ngày 4/4/2015 của Bộ TN&MT - Bộ Tư pháp lưu ý xem xét sửa đổi khoản 1 Điều 13 cho phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Thông tư số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên Bộ Tài chính - Bộ TN&MT và theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên Bộ tài chính - Bộ TN&MT về việc ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất thông qua đấu giá.	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Phú Thọ

V. Văn bản khác (157)						
1	Bộ Xây dựng		Bổ sung văn bản hướng dẫn	<p>Theo quy định tại điểm 5.4 Phụ lục VI Phương pháp đo bóc khối lượng công trình tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình quy định “Khối lượng bê tông được đo bóc là toàn bộ kết cấu bê tông kể cả các phần nhô ra, không trừ thể tích cốt thép có hàm lượng < 2% so với thể tích cấu kiện bê tông, dây buộc, bản mã, các bộ phận ứng suất trước (ngoại trừ ống luồn cáp, ống siêu âm), các lỗ rỗng trên bề mặt kết cấu bê tông có thể tích nhỏ hơn 0,1m³ nằm trong bê tông”. Tuy nhiên Thông tư này không quy định đo bóc khối lượng bê tông đối với các trường hợp cấu kiện bê tông có “cốt thép có hàm lượng ≥ 2% so với thể tích cấu kiện bê tông” dẫn đến Đoàn kiểm toán chưa đủ cơ sở tính toán khối lượng bê tông đối với các cấu kiện bê tông có “thể tích cốt thép có hàm lượng ≥ 2% so với thể tích cấu kiện bê tông” (Tương ứng với toàn bộ thể tích chiếm chỗ của thép trong bê tông tại các cấu kiện có “cốt thép có hàm lượng ≥ 2% so với thể tích cấu kiện bê tông”</p>	<p>Đề nghị Bộ Xây dựng khẩn trương nghiên cứu, bổ sung hướng dẫn cụ thể việc đo bóc khối lượng bê tông khi cấu kiện bê tông có “thể tích cốt thép có hàm lượng ≥ 2% so với thể tích cấu kiện bê tông” do hiện nay điểm 5.4 Phụ lục VI Phương pháp đo bóc khối lượng công trình tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây chỉ quy định đo bóc khối lượng bê tông đối với cấu kiện bê có “thể tích cốt thép có hàm lượng < 2% so với thể tích cấu kiện bê tông”</p>	<p>Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu Bến Rừng nói huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh</p>
2	Bộ Xây dựng		Bổ sung văn bản hướng dẫn	<p>Dự toán thiết kế, hợp đồng và nghiệm thu sử dụng dung dịch Bentonit trong quá trình thi công cọc khoan nhồi nhưng theo quy định tại Mã hiệu định mức AC.32800, Chương III, Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng thì “Định mức bơm dung dịch Bentonit chỉ sử dụng khi không sử dụng được dung dịch Polymer để chống sụt thành hố khoan”. Trong hồ sơ thiết kế, dự toán chưa làm rõ được cơ sở của việc không lựa chọn dung dịch Polymer. Mặt khác, hiện tại, cũng chưa có quy định cụ thể về điều kiện sử dụng cũng như tiêu chuẩn sử dụng riêng cho dung dịch Polymer để chống sụt thành hố khoan</p>	<p>Đề nghị Bộ Xây dựng ban hành hoặc bổ sung tiêu chuẩn kỹ thuật về sử dụng riêng dung dịch Polymer để chống sụt thành hố khoan, làm cơ sở cho việc thực hiện quy định đã nêu trong định mức dự toán ban hành kèm theo Thông tư 10/2019/TT-BXD (hiện nay là Thông tư 12/2021/TT-BXD)</p>	<p>Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu Vĩnh Tuy – giai đoạn 2</p>

3	Bộ Y tế		Bổ sung văn bản hướng dẫn	<p>Bộ tiêu chí xã NTM về y tế (chỉ tiêu 5.4) quy định “tỷ lệ dân số có sổ khám bệnh điện tử >50%”; Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao về y tế: Chỉ tiêu 14.2 quy định "tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$"; (chỉ tiêu 14.3) quy định “tỷ lệ người dân tham gia sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa $\geq 40\%$”; chỉ tiêu chỉ 14.4 quy định “tỷ lệ dân số có sổ khám bệnh điện tử >70%”. Tuy nhiên do điều kiện cơ sở hạ tầng khác nhau, nền tảng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, chưa có ứng dụng chính thức về sổ sức khỏe điện tử, Bộ Y tế đang trong lộ trình xây dựng các quy định cụ thể về hồ sơ sức khỏe cá nhân, sổ sức khỏe điện tử, khám chữa bệnh từ xa theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh sửa đổi tại thời điểm hiện nay. Mặt khác tại văn bản số 438/KCB-QLCL&CDT ngày 14/4/2023 của Cục quản lý khám, chữa bệnh – Bộ Y tế có nêu tại một số địa phương báo cáo nền tảng công nghệ thông tin chưa đồng bộ nên gặp khó khăn trong quá trình thực hiện và lấy ý kiến Sở Y tế các địa phương về việc tạm dừng thực hiện hai tiêu chí 14.2 và 14.3 trong giai đoạn 2021-2025 và chuyển thực hiện trong giai đoạn sau 2025. Đến thời điểm hiện nay Bộ Y tế chưa có thông báo chính thức về việc tạm dừng thực hiện hai tiêu chí này. Do vậy, các địa phương đang vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí trên.</p>	Bộ Y tế xem xét, thông báo, hướng dẫn cụ thể đối với bộ tiêu chí xã NTM về y tế	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
4	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn		Bổ sung văn bản hướng dẫn	<p>Tại khoản 3 Điều 1, Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, quy định như sau: “Có ít nhất 01 mô hình thôn thông minh, do UBND cấp tỉnh quy định cụ thể” tuy nhiên Chính phủ, các bộ ngành liên quan chưa ban hành các hướng dẫn cụ thể dẫn đến các tỉnh còn lúng túng khi thực hiện xây dựng các tiêu chí và không đồng nhất về số lượng và nội dung các tiêu chí.</p>	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn tham mưu, báo cáo Thủ tướng chính phủ chỉ đạo các Bộ ngành liên quan xây dựng ban hành tiêu chí về thôn thông minh theo hướng quy định một số tiêu chí cụ thể để thực hiện chung trên phạm vi cả nước.	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

5	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn		Bổ sung văn bản hướng dẫn	Chương V Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự xét, thu hồi Quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn theo các bước tổ chức đánh giá, lấy ý kiến (UBND cấp có thẩm quyền sẽ tổ chức xây dựng báo cáo kết quả đánh giá mức độ đạt chuẩn, gửi lấy ý kiến của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, các địa phương bị xét thu hồi, công khai kết quả báo cáo đến nhân dân...), hoàn thiện hồ sơ và gửi cơ quan cấp trên tổ chức thẩm định, xét thu hồi quyết định công nhận. Tuy nhiên, không quy định về trường hợp các địa phương đã được các cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra phát hiện những tồn tại mà theo quy định phải thu hồi Quyết định công nhận đạt chuẩn NTM.	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn rà soát bổ sung trình Thủ tướng chính phủ xem xét ban hành hướng dẫn về trình tự thu hồi quyết định đã công nhận theo kết luận của các cơ quan kiểm tra	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
6	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn		Bổ sung văn bản hướng dẫn	Theo Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trong đó có giao nhiệm vụ hoàn thành xây dựng huyện NTM kiểu mẫu tuy nhiên đến nay chưa ban hành bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn rà soát bổ sung trình Thủ tướng chính phủ ban hành bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 để các địa phương làm căn cứ thực hiện.	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

7	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn		Bổ sung văn bản hướng dẫn	<p>Bộ tiêu chí liên quan tới nước sạch: Chỉ tiêu 17.1 (thuộc bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM) yêu cầu tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 55\%$ ($\geq 30\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung); đối với xã NTM nâng cao: Chỉ tiêu 18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống CNTT $\geq 65\%$, Chỉ tiêu 18.3. Tỷ lệ công trình CNTT có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 40\%$; đối với huyện NTM: Chỉ tiêu 8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống CNTT $\geq 34\%$, Chỉ tiêu 8.2. Tỷ lệ công trình CNTT có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 35\%$; đối với huyện NTM nâng cao: Chỉ tiêu 8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống CNTT $\geq 48\%$, Chỉ tiêu 8.3. Tỷ lệ công trình CNTT trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 40\%$. Qua kiểm toán cho thấy, một số tỉnh báo cáo, tại địa phương loại hình cấp nước nhỏ lẻ, hộ gia đình chiếm ưu thế, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ, hạ tầng cấp nước tập trung còn khá thấp, nếu đầu tư thì số vốn lớn, thời gian xây dựng lâu nên rất khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Ngày 27/4/2023 Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn có Văn bản số 441/TL-NS v/v rà soát và đề xuất điều chỉnh tiêu chí nước sạch trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 gửi Văn phòng điều phối nông thôn mới trung ương trong đó có đề xuất bổ sung đối với chỉ tiêu 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn: Không áp dụng chỉ tiêu tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đối với xã không có nhu cầu, điều kiện đầu tư xây dựng hệ thống nước tập trung để phù hợp với thực tế triển khai tại một số huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa.</p>	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn rà soát bổ sung trình Thủ tướng chính phủ ban hành hướng dẫn về bộ tiêu chí liên quan nước sạch để các địa phương làm căn cứ thực hiện	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
8	Bộ Thông tin và truyền thông	Văn bản hướng dẫn Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022	Bổ sung văn bản hướng dẫn	<p>Thực hiện tiêu chí “100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ”, theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022. Ngày 03/4/2023 Bộ thông tin và Truyền thông có công văn số 1096/BTTTT-KHTC đề nghị các địa phương tạm dừng thực hiện tiêu chí này cho đến khi Bộ Thông tin và Truyền thông có hướng dẫn mới thay thế, đến nay chưa có hướng dẫn mới. Do đó các tỉnh đang vướng mắc về việc thực hiện và xét công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.</p>	Bộ Thông tin và truyền thông xem xét, hướng dẫn cụ thể để địa phương làm căn cứ thực hiện	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

9	Bộ Tài nguyên và Môi trường		Bổ sung văn bản hướng dẫn	<p>Chủ đầu tư hạ tầng CCN trên địa bàn tỉnh Phú Yên là các Ban quản lý CCN cấp huyện (đơn vị sự nghiệp công lập) được giao nhiệm vụ trong quá trình thành lập, mở rộng CCN theo Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017. Các Ban quản lý này không thuộc trường hợp được cho thuê đất để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 149 Luật Đất đai 2013, việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng CCN đều sử dụng nguồn vốn NSNN. Địa phương đang gặp khó khăn trong việc cho thuê đất đối với các dự án đầu tư vào CCN do chủ đầu tư hạ tầng CCN không được cho thuê đất để cho thuê lại đất</p>	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, hướng dẫn địa phương thực hiện thủ tục cho thuê đất đối với dự án đầu tư trong CCN, trong trường hợp CCN được NSNN đầu tư cơ sở hạ tầng, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư không thuộc trường hợp được cho thuê đất để cho thuê lại đất theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 149 Luật Đất đai 2013 để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương</p>	<p>Chuyên đề đánh giá tính hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư và việc đầu tư xây dựng dự án đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2020-2022</p>
10	Bộ Tài chính		Bổ sung văn bản hướng dẫn	<p>Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ còn chưa quy định rõ ràng và chưa thống nhất với quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ dẫn đến không có cơ quan nào chịu trách nhiệm tính và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai với trường hợp các đơn vị không có dự án đầu tư trong khu kinh tế (không thuộc Danh mục các dự án đầu tư do Ban Quản lý KKT Vân Phong quản lý). Bên cạnh đó, Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn Luật Quản lý thuế cũng chưa có hướng dẫn Điều 13 của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.</p>	<p>Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn đối với việc tính và thông báo nghĩa vụ tài chính về đất đai phát sinh của các đơn vị không có dự án đầu tư trong khu kinh tế (không thuộc Danh mục dự án đầu tư do Ban quản lý khu kinh tế quản lý) do Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 hướng dẫn Luật Quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành chưa điều chỉnh tới nội dung này</p>	<p>Chuyên đề đánh giá tính hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư và việc đầu tư xây dựng dự án đối với Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2020-2022</p>

11	Bộ Tài chính	Bổ sung hướng dẫn Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022	Bổ sung văn bản hướng dẫn	Thông tư số 53/2022/TT-BTC chưa có hướng dẫn, quy định cụ thể về đối tượng áp dụng, nội dung chi, mức chi, chi các nội dung đặc thù...đối với đối tượng sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn NSĐP. Như vậy chưa đảm bảo sự thống nhất trong việc sử dụng kinh phí sự nghiệp (gồm NSTW và NSĐP) thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 tại các tỉnh thực hiện Chương trình, nhất là tại các tỉnh không được phân bổ NSTW thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025	Bộ Tài Chính xem xét, hướng dẫn bổ sung quy định đối với đối tượng sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn NSĐP để đảm bảo sự thống nhất trong việc sử dụng các nguồn vốn NSNN để thực hiện các nội dung thuộc Chương trình	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
12	Bộ Tài chính	Bổ sung hướng dẫn Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021	Bổ sung văn bản hướng dẫn	Thông tư 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán. Tuy nhiên, đối với phần thông tin số liệu quyết toán vốn đầu tư công nguồn NSĐP (cấp tỉnh, huyện, xã) của chương trình MTQG quy định tại thông tư và hệ thống mẫu biểu đính kèm Thông tư (mẫu số 04/QTND dành cho cơ quan báo cáo và mẫu số 08/QTND dành cho cơ quan kiểm soát thanh toán của các địa phương) không quy định tách mục riêng về số liệu quyết toán chương trình MTQG đối với phần vốn đầu tư nguồn NSĐP (hiện chỉ quy định tách theo ngành, lĩnh vực). Ảnh hưởng: Các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý chương trình khó khăn trong việc tổng hợp số liệu về tình hình sử dụng và quyết toán toàn bộ nguồn kinh phí cho chương trình tại địa phương cũng như trên toàn quốc theo niên độ ngân sách và toàn chương trình khi hoàn thành/ kết thúc giai đoạn. Hiện nhiều địa phương thực hiện chương trình không thực hiện quyết toán riêng nguồn vốn ngân sách của chương trình, nhiều địa phương không tổng hợp được số liệu quyết toán kinh phí (của tất cả các cấp ngân sách) bố trí cho Chương trình theo niên độ ngân sách.	Bộ Tài chính xem xét, sửa đổi, hướng dẫn (mẫu số 04/QTND dành cho cơ quan báo cáo và mẫu số 08/QTND dành cho cơ quan kiểm soát thanh toán của các địa phương) quy định tách mục riêng về số liệu quyết toán chương trình MTQG đối với phần vốn đầu tư nguồn NSĐP (hiện chỉ quy định tách theo ngành, lĩnh vực).	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

13	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	Bổ sung hướng dẫn Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022	Bổ sung văn bản hướng dẫn	Tại điểm a Khoản 4 Tiêu dự án 1 - Dự án 4 phần III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định “người lao động có thu nhập thấp” tuy nhiên tại Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể như thế nào là người có thu nhập thấp để hỗ trợ chính sách.	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể tiêu chí xác định “ <i>người lao động có thu nhập thấp</i> ” theo quy định tại điểm a khoản 4 Tiêu dự án 1 - Dự án 4 phần III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương: Lào Cai, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Yên Bái, Cao Bằng, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Nam, Khánh Hòa, Bến Tre
14	Cục đường bộ Việt Nam	Văn bản hướng dẫn Quyết định số 883/QĐ-BGTVT ngày 08/4/2013	Bổ sung văn bản hướng dẫn	Theo khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 883/QĐ-BGTVT ngày 08/4/2013 của Bộ GTVT ban hành hướng dẫn thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất xây dựng các dự án đầu tư xây dựng giao thông thì “Cấm cọc mốc chỉ giới GPMB là việc xác định ngoài thực địa giới hạn phạm vi đất cần giải tỏa, thu hồi để thực hiện dự án đầu tư, do đơn vị tư vấn thực hiện theo hồ sơ thiết kế được Chủ đầu tư dự án phê duyệt hoặc theo thiết kế hình học tổng thể công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm phê duyệt đề cương, dự toán và tổ chức lập hồ sơ cắm mốc chỉ giới GPMB và bàn giao cho Chủ đầu tư dự án thành phần GPMB quản lý và tổ chức thực hiện các bước tiếp theo của công tác GPMB”. Hiện nay chưa có văn bản nào hướng dẫn về qui cách cọc và cách xác định vị trí cắm mốc GPMB theo mặt cắt ngang tuyến và theo chiều dọc tuyến (Trước đây, tại Điều 4 Quyết định số 3037/QĐ-BGTVT ngày 14/10/2003 của Bộ GTVT ban hành quy định và hướng dẫn trình tự thực hiện công tác đền bù GPMB phục vụ xây dựng các dự án xây dựng công trình giao thông có qui định về qui cách và cách xác định vị trí cắm mốc GPMB. Tuy nhiên, Quyết định số 3037/QĐ-BGTVT đã hết hiệu lực từ ngày 27/7/2006 mà không có văn bản thay thế) dẫn đến việc xác định số lượng mốc GPMB và qui cách mốc GPMB phụ thuộc phần lớn vào chủ quan của chủ đầu tư và tư vấn lập đề cương, dự toán.	Cục Đường bộ Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu, bổ sung qui định chi tiết về qui cách mốc GPMB và cách xác định vị trí cắm mốc GPMB để làm cơ sở cho các Ban quản lý dự án và các Chủ đầu tư thực hiện trong các dự án sau	Các Dự án và hạng mục sử dụng vốn dự của Dự án quản lý tài sản đường bộ Việt Nam (VRAMP)

15	UBND tỉnh Lạng Sơn		Bổ sung văn bản hướng dẫn	UBND tỉnh Lạng Sơn chưa ban hành Quy chuẩn địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt đảm bảo có hiệu lực trước ngày 01/7/2021 theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 (sau điều chỉnh tại Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021)	UBND tỉnh Lạng Sơn chỉ đạo các ngành có liên quan trong việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021	Chuyên đề Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc, tiểu dự án tại tỉnh Lạng Sơn
16	UBND tỉnh Hà Giang		Bổ sung văn bản hướng dẫn	UBND tỉnh Hà Giang chưa ban hành Quy chuẩn địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt đảm bảo có hiệu lực trước ngày 01/7/2021 theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 (sau điều chỉnh tại Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021)	UBND tỉnh Hà Giang chỉ đạo các ngành có liên quan trong việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021	Chuyên đề Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc, tiểu dự án tại tỉnh Hà Giang
17	HĐND tỉnh Thái Bình	Nghị quyết HĐND	Sửa đổi, bổ sung	Nghị quyết số 16/NQ- HĐND ngày 14/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình áp dụng trong thời kỳ 2022- 2025 còn có nội dung chưa phù hợp, cụ thể: Tại Điểm c Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết quy định “Trích một phần nguồn thu tiền sử dụng đất để bố trí cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo quy định của cấp có thẩm quyền” trong khi tại Mục 1 Điểm đ Chi thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định "Bố trí đủ kinh phí từ NSDP, bảo đảm dành tối thiểu 10% tổng số thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên".	Xem xét điều chỉnh Điểm c Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025 phù hợp với Chi thị số 1474/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Chuyên đề việc điều tiết, quản lý, sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư phát triển kinh tế xã hội năm 2022 theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân của tỉnh Thái Bình

18	UBND tỉnh Bình Phước	Nghị quyết HĐND	Sửa đổi, bổ sung	Tỉnh Bình Phước ban hành Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND quy định mức hỗ trợ và nguồn NSNN thực hiện Chương trình MTQG NTM giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh còn có một số điểm chưa phù hợp như: Phụ lục 02 quy định mức hỗ trợ NSNN cho các huyện NTM chưa hướng dẫn việc hỗ trợ vốn NSTW “NSTW hỗ trợ tối đa cho một công trình, dự án không quá 70% đối với các huyện miền núi, không quá 50% đối với các huyện còn lại” theo quy định tại điểm 1b Mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg; điểm b khoản 1 Điều 1 quy định đối tượng hưởng hỗ trợ nguồn vốn NSNN theo Cơ chế đặc thù áp dụng cho cả khu vực đô thị là chưa phù hợp quy định tại Mục II Quyết định số 263/QĐ-TTg;	UBND tỉnh Bình Phước chỉ đạo đơn vị liên quan rà soát, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 quy định mức hỗ trợ và nguồn NSNN thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
19	UBND tỉnh Lâm Đồng		Bổ sung văn bản hướng dẫn	Công ty Công ty PHTT KCN Lộc Sơn - Phú Hội xác định và thực hiện miễn tiền thuê lại đất cho 48 doanh nghiệp trong KCN là chưa được quy định trong chức năng, nhiệm vụ mà UBND tỉnh quy định. UBND tỉnh Lâm Đồng cho phép Công ty thực hiện thu phí sử dụng hạ tầng của các doanh nghiệp thứ cấp (thu, nộp 100% vào NSNN) không thuộc danh mục phí được quy định tại Luật Phí và lệ phí năm 2015.	Chỉ đạo Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng khẩn trương tham mưu cho UBND Tỉnh ban hành giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn NSĐP tại các KCN trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thay thế phí sử dụng hạ tầng đang áp dụng không thuộc danh mục phí theo quy định tại Luật Phí và lệ phí năm 2015	Chuyên đề đánh giá tính hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư và việc đầu tư xây dựng dự án đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2022

20	UBND tỉnh Quảng Ninh		Bổ sung văn bản hướng dẫn	Dự toán lập đang áp dụng định mức trồng và bảo dưỡng cây xanh đã hết hiệu lực (hiện tại chưa có định mức mới để thay thế), trong khi khoản 6 Điều 20 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư quy định (Bộ Xây dựng tổ chức xây dựng, ban hành định mức xây dựng sử dụng chung trong phạm vi cả nước. Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức xây dựng, ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù của chuyên ngành, UBND cấp tỉnh tổ chức xây dựng, ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù của địa phương)	Tổ chức xây dựng, ban hành định mức dự toán cho công tác trồng cây mới và bảo dưỡng cây xanh 90 ngày theo quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng làm căn cứ để Chủ đầu tư phê duyệt dự toán đối với hạng mục trồng cây mới và bảo dưỡng cây xanh 90 ngày đối với 02 dự án được kiểm toán và thực hiện các bước tiếp theo để việc sử dụng ngân sách được hiệu quả, tránh thất thoát	Hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án nhóm B tại tỉnh Quảng Ninh: Dự án mở rộng đường 334 đoạn từ sân golf Ao Tiên đến nút giao giữa đường 334 và đường vào công viên phức hợp Khu kinh tế Vân Đồn; Dự án tuyến đường trục chính trung tâm khu đô thị Cái Rồng - Giai đoạn 2, Khu kinh tế Vân Đồn
21	Bộ Tài chính		Hủy bỏ văn bản	Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện trích lập Quỹ dự phòng chung của dự án IFAD theo văn bản số 239/TC-TCĐN ngày 20/9/1995 của Bộ Tài chính về lãi suất khoản vay IFAD - Tuyên Quang cho NHNo vay lại (văn bản hướng dẫn thực hiện trích lập quỹ dự phòng rủi ro mang tính cá biệt tại thời điểm ký kết hiệp định vay lại). Từ năm 2016, văn bản số 239/TC-TCĐN đã mâu thuẫn với Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính, cụ thể: Theo văn bản số 239/TC-TCĐN chỉ quy định mức trích lập 0,25%/tháng tính trên tổng dư nợ; không quy định số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa là chưa phù hợp với quy định tại khoản 3 “Mức trích dự phòng chung bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh tại thời Điểm lập dự phòng” và khoản 4 Điều 8 Thông tư số 62/2016/TT-BTC “Số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng tổng số dư nợ quá hạn và nợ khoanh tại thời Điểm trích lập. Trường hợp số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng lớn hơn mức tối đa, Ngân hàng Chính sách xã hội thực	Bộ Tài chính xem xét hủy bỏ văn bản số 239/TC-TCĐN ngày 20/9/1995 và có hướng dẫn mới về trích lập dự phòng chung của dự án IFAD cho phù hợp với quy định hiện hành	Ngân hàng Chính sách xã hội

				hiện hoàn nhập phần chênh lệch thừa vào thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp số rủi ro trong năm, Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định”. Cụ thể, tại ngày 31/12/2022 số dư Quỹ dự phòng rủi ro là 30.668 triệu đồng, tổng số dư nợ quá hạn và nợ khoanh là 302,5 triệu đồng, như vậy số dư Quỹ dự phòng rủi ro lớn hơn tổng số dư nợ quá hạn và nợ khoanh là 30.365,5 triệu đồng.		
22	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Sửa đổi, bổ sung	Ngày 29/5/2023, Cơ quan thanh tra giám sát (CQTTGS) ban hành Quyết định số 277/QĐ-TTGSNH4 (Quyết định số 277/QĐ-NHNN ngày 29/5/2023 quy định ngưỡng giám sát an toàn với một số chỉ tiêu: Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi, tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn, tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, tỷ lệ dự trữ thanh khoản, tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với VNĐ, tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với ngoại tệ) về ngưỡng giám sát an toàn vi mô, ngưỡng giám sát an toàn vĩ mô theo quy định tại Thông tư 08/2022/TT-NHNN nhưng còn bất cập sau: (i) Chưa đưa ra các ngưỡng giám sát vi mô quan trọng khi đánh giá tình hình hoạt động của TCTD như tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất, tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ nợ xấu và nợ tiềm ẩn nợ xấu, tốc độ tăng trưởng tín dụng so với quy định của NHNN trong từng thời kỳ,...; (ii) Việc quy định ngưỡng giám sát vi mô đối với tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ 8% (Theo Quyết định số 277/QĐ-TTGSNH4 ngày 24/5/2023 quy định 3 ngưỡng tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ đối với Khối NHTMNN, NHTMCP. Trong đó ngưỡng 3 là 8% - khi tỷ lệ CAR dưới 8% cán bộ giám sát cần thực hiện các hành vi giám sát theo quy định của pháp luật khi đối tượng giám sát vi phạm các tỷ lệ an toàn) đối với NHTMNN và NHTMCP là chưa phù hợp với một số NHTM (Đến 31/12/2022, toàn hệ thống có 06 NHTM đang tính tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ theo Thông tư số 22/2019/TT-NHNN: Agribank, Baovietbank, PVcombank, DongAbank, NCB, SCB. Đến thời điểm kiểm toán một số NHTM đã tính tỷ lệ an toàn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN: Agribank, Baovietbank) đang áp dụng tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ theo Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tỷ lệ CAR tối thiểu là 9% (Khoản 2, Điều 9, Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định “Từng ngân hàng phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ 9%”).	Sửa đổi bổ sung Quyết định số 277/QĐ-TTGSNH4 ngày 29/5/2023 theo hướng: (i) đưa ra các ngưỡng giám sát vi mô quan trọng khi đánh giá tình hình hoạt động của TCTD như tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất, tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ nợ xấu và nợ tiềm ẩn nợ xấu, tốc độ tăng trưởng tín dụng so với quy định của NHNN trong từng thời kỳ; (ii) xác định ngưỡng giám sát đối với tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ phù hợp tất cả các NHTM.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	

23	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội		Sửa đổi, bổ sung	<p>Điều lệ tổ chức và hoạt động (Ban hành kèm theo Nghị định số 05/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) của Công ty mẹ - Tập đoàn Viettel có một số nội dung thay đổi do các quy định pháp luật đã thay đổi (Luật đấu thầu 2023; Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Đầu tư 2020; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp 2018; Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước; Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 của Chính phủ về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh) nhưng chưa được cập nhật, sửa đổi, bổ sung (Điều lệ tổ chức hoạt động, một số nội dung chưa cập nhật, sửa đổi, bổ sung như (i) Điều 1 Nghị định số 05/2018/NĐ-CP chưa cập nhật, sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 16/2023/NĐ-CP; (ii) Điều 26 Nghị định số 05/2018/NĐ-CP chưa cập nhật, sửa đổi, bổ sung theo khoản 3 Điều 11 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP; (iii) Điều 13, 14 Nghị định số 05/2018/NĐ-CP chưa cập nhật, sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu 2023; (iv) Khoản 7,8 Điều 25 Nghị định số 05/2018/NĐ-CP chưa cập nhật, sửa đổi, bổ sung theo khoản 1,3,4 Điều 31 Luật Đầu tư 2020; (v) Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 05/2018/NĐ-CP chưa cập nhật, sửa đổi, bổ sung theo khoản 3 Điều 54 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP; (vi) Điểm i khoản 4 Điều 45 Nghị định số 05/2018/NĐ-CP chưa thống nhất theo khoản 1 Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp 2018...).</p>	<p>Chỉ đạo Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội từng bước phối hợp cùng cơ quan chức năng có liên quan tổ chức nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động tại Nghị định số 05/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội để trình cấp có thẩm quyền ban hành hành văn bản phê duyệt sửa đổi, bổ sung Nghị định số 05/2018/NĐ-CP cho phù hợp với quy định của pháp luật</p>	<p>Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội</p>
24	Bộ Tài nguyên và Môi trường		Sửa đổi, bổ sung	<p>Bộ TN&MT chưa kịp thời triển khai chỉ đạo "Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 22:2009/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ TN&MT" của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ (nay là Chủ tịch Quốc hội) tại cuộc họp về phương án điều chỉnh giá điện khi nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải của các NMNĐ tại Văn bản số 384/TB-VPCP ngày 02/10/2018 của Văn phòng Chính phủ. Đến thời điểm kiểm toán (tháng 10/2023), Bộ TN&MT đã xây dựng Dự thảo QCVN về bụi, khí công nghiệp thay thế các QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN</p>	<p>Chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương, Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi, khí công nghiệp</p>	<p>kiểm toán công tác quản lý, bảo vệ môi trường (BVMT) đối với các nhà máy nhiệt điện than (NMNĐT) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2022</p>

				20:2009/BTNMT, QCVN 21:2009/BTNMT, QCVN 22:2009/BTNMT, QCVN 23:2009/BTNMT, QCVN 34:2009/BTNMT, QCVN 51:2009/BTNMT và đang lấy ý kiến các đơn vị có liên quan.		
25	Bộ Tài nguyên và Môi trường		Ban hành văn bản hướng dẫn	Chưa ban hành hướng dẫn kỹ thuật hoạt động tự kiểm toán môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Luật BVMT năm 2020.	Nghiên cứu, xây dựng và ban hành Hướng dẫn kỹ thuật hoạt động tự kiểm toán môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	Công tác quản lý, bảo vệ môi trường (BVMT) đối với các nhà máy nhiệt điện than (NMNĐT) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2022
26	Bộ Tài nguyên và Môi trường		Ban hành văn bản hướng dẫn	Điểm d khoản 2 Điều 53 Luật BVMT và khoản 4 Điều 52 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định “Bộ TN&MT chủ trì xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 53 Luật BVMT, trừ quy định tại khoản 3 Điều này”. Hiện Bộ TN&MT đang triển khai nhiệm vụ: “Điều tra, xây dựng khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu vực dân cư của cơ sở sản xuất kinh dịch vụ và kho tàng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường” tại Quyết định số 2316/QĐ-BTNMT ngày 14/8/2023 làm cơ sở ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khoảng cách an toàn môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng.	Nghiên cứu, xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng.	Công tác quản lý, bảo vệ môi trường (BVMT) đối với các nhà máy nhiệt điện than (NMNĐT) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2022
27	Bộ Tài nguyên và Môi trường		Ban hành văn bản hướng dẫn	Chưa ban hành quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật về xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao, chất thải công nghiệp thông thường khác để hoàn nguyên các khu vực đã kết thúc khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và đáp ứng yêu cầu BVMT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 65 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022.	Nghiên cứu, xây dựng và ban hành Quy quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật về xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao, chất thải công nghiệp thông thường khác để hoàn nguyên các khu vực đã kết thúc khai thác khoáng sản.	Công tác quản lý, bảo vệ môi trường (BVMT) đối với các nhà máy nhiệt điện than (NMNĐT) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2022
28	Bộ Tài nguyên và Môi trường		Ban hành văn bản hướng dẫn	Chưa ban hành quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật về xử lý, sử dụng, tái sử dụng CTNH theo quy định tại khoản 5 Điều 70 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022.	Nghiên cứu, xây dựng và ban hành các quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật cho việc sử dụng, tái sử dụng CTNH.	kiểm toán công tác quản lý, bảo vệ môi trường (BVMT) đối với các nhà máy nhiệt điện than (NMNĐT) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2022
29	Bộ Tài nguyên và		Ban hành	Bộ TN&MT chưa kịp thời triển khai chỉ đạo "Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp và các cơ quan liên quan	Chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương, Bộ Tư pháp	kiểm toán công tác quản lý, bảo vệ môi trường (BVMT)

	Môi trường		văn bản hướng dẫn	đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 22:2009/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ TN&MT" của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ (nay là Chủ tịch Quốc hội) tại cuộc họp về phương án điều chỉnh giá điện khi nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải của các NMNĐ tại Văn bản số 384/TB-VPCP ngày 02/10/2018 của Văn phòng Chính phủ. Đến thời điểm kiểm toán (tháng 10/2023), Bộ TN&MT đã xây dựng Dự thảo QCVN về bụi, khí công nghiệp thay thế các QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT, QCVN 21:2009/BTNMT, QCVN 22:2009/BTNMT, QCVN 23:2009/BTNMT, QCVN 34:2009/BTNMT, QCVN 51:2009/BTNMT và đang lấy ý kiến các đơn vị có liên quan.	và các cơ quan có liên quan sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi, khí công nghiệp	đối với các nhà máy nhiệt điện than (NMNĐT) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2022
30	Bộ Tài nguyên và Môi trường		Ban hành văn bản hướng dẫn	Bộ TN&MT chưa thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 26/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các NMNĐ, hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong công trình xây dựng. Theo báo cáo tại văn bản số 9857/BTNMT-KSONMT ngày 20/11/2023 của Bộ TN&MT về việc bổ sung, làm rõ thông tin dự thảo Báo cáo kiểm toán, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bãi chôn lấp chất thải rắn. Phạm vi áp dụng của Quy chuẩn đối với các loại chất thải rắn nói chung, trong đó có tro, xỉ, thạch cao không thể sử dụng, tái chế.	Nghiên cứu, xây dựng và ban hành hướng dẫn việc chôn lấp tro, xỉ, thạch cao không thể sử dụng, tái chế.	kiểm toán công tác quản lý, bảo vệ môi trường (BVMT) đối với các nhà máy nhiệt điện than (NMNĐT) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2022
31	Bộ Tài nguyên và Môi trường		Ban hành văn bản hướng dẫn	Bộ TN&MT đã chủ trì xây dựng và tham mưu ban hành Luật BVMT năm 2020; xây dựng và ban hành Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định về quy trình cấp giấy phép môi trường, trong đó có nội dung về xả khí thải. Tuy nhiên, chưa ban hành Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về hoạt động kiểm kê khí nhà kính; đo đạc báo cáo, thẩm định, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực chất thải dự kiến ban hành năm 2023 làm cơ sở thực hiện các quy định về quản lý khí thải.	Nghiên cứu, xây dựng và ban hành Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về hoạt động kiểm kê khí nhà kính; đo đạc báo cáo, thẩm định, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực chất thải	kiểm toán công tác quản lý, bảo vệ môi trường (BVMT) đối với các nhà máy nhiệt điện than (NMNĐT) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2022
32	UBND tỉnh Yên Bái		Sửa đổi, bổ sung	Việc UBND tỉnh chưa quy định "mức điều tiết" cụ thể đối với diện tích rừng có mức chi trả DVMTR lớn hơn 2 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng tại khoản 2, Điều 1 Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 là chưa cụ thể hóa theo hướng dẫn tại tiết a khoản 1 mục II Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ	Xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 1 Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 về việc quy định một số nội dung chi trả DVMTR trên địa bàn tỉnh Yên Bái, cụ thể hóa "mức điều tiết" đối với diện tích rừng có mức chi trả DVMTR lớn hơn 2 lần mức	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Yên Bái; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Yên Bái

					hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng, theo hướng dẫn tại tiết a khoản 1 mục II Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP	
33	UBND tỉnh Yên Bái		Sửa đổi, bổ sung	- Tại quyết định ban hành quy chế quản lý tài chính Quỹ Bảo vệ môi trường quy định trong nguồn thu, nhiệm vụ chi của Quỹ có nội dung “Thu lãi từ hoạt động mua, bán trái phiếu” và “Chi cho hoạt động mua bán trái phiếu” là nội dung có thể rủi ro cho nguồn vốn hoạt động của Quỹ khi Quỹ mua trái phiếu của các doanh nghiệp, trong khi đó tại khoản 2 Điều 17 Thông tư 132/2015/TT-BTC ngày 28/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ BVMT Việt Nam đã quy định “Nghiêm cấm Quỹ BVMTVN: Huy động vốn dưới hình thức nhận tiền gửi, phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu, vay thương mại của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Sử dụng nguồn vốn hoạt động để thực hiện các mục đích kinh doanh tiền tệ, đầu tư chứng khoán, kinh doanh bất động sản và các hoạt động kinh doanh không được phép khác”.	Đề nghị UBND Tỉnh xem xét, sửa đổi Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh Yên Bái Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Yên Bái; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Yên Bái
34	UBND tỉnh Yên Bái		Hủy bỏ văn bản	Quỹ hỗ trợ nông dân còn ban hành Quy chế quản lý tài chính (Quyết định số 148-QĐ/HNDT ngày 20/11/2019 của Ban chấp hành Hội nông dân tỉnh Yên Bái) chưa đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ “ <i>Bộ Tài chính xây dựng cơ chế quản lý tài chính và giám sát việc thực hiện các cơ chế, chính sách..</i> ”	Quỹ Hỗ trợ nông dân: Bãi bỏ Quyết định số 148-QĐ/HNDT ngày 20/11/2019 của Ban chấp hành Hội nông dân tỉnh Yên Bái về Ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ nông dân	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Yên Bái; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Yên Bái
35	Bộ Thông tin và truyền thông		Hủy bỏ văn bản	Bộ trưởng Bộ TT&TT ban hành Quyết định số 2771/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2020 về việc tạm dừng thu đóng góp vào Quỹ DV VTCI VN, việc cho phép các đơn vị sử dụng 5% nguồn đóng góp vào Quỹ của các doanh nghiệp viễn thông là chưa đúng thẩm quyền, chưa hoàn tất thủ tục dừng thu đóng góp của doanh nghiệp cho Quỹ. Hai nội dung này phải được thực hiện bằng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bãi bỏ Quyết định số 2771/QĐ-BTTTT. Tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ: Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đúng quy định	Việc quản lý và sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam năm 2022
36	UBND tỉnh Tây Ninh		Sửa đổi hoặc hủy bỏ văn bản	Tại Quyết định số 1596/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 về công bố định mức dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn, Tỉnh chưa xây dựng định mức thu gom, vận chuyển RTSH cho xe có tải trọng trên 10 tấn theo hướng dẫn tại Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị, trong khi định mức chi phí nhân công và	Điều chỉnh Quyết định số 1596/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh về công bố định mức dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn Tỉnh theo	Hoạt động quản lý, công tác xử lý nước thải, rác thải; Chuyên đề việc chấp hành các quy định pháp luật về đầu tư, việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN đối với các doanh

				máy thi công cho các loại xe có tải trọng trên 10 tấn thấp hơn định mức chi phí cho các loại xe có tải trọng dưới 10 tấn. Trong thực tế, các đơn vị thu gom, vận chuyển rác thải sử dụng chủ yếu xe có tải trọng 15-16 tấn (vì Tỉnh chưa ban hành định mức, nên các huyện, thị áp dụng định mức chi phí cho xe có tải trọng 10 tấn) là chưa tiết kiệm.	hướng dẫn tại Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng.	ngành đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (KCN) và doanh nghiệp hoạt động trong KCN giai đoạn 2018-2022 tại tỉnh Tây Ninh
37	UBND tỉnh Tây Ninh		Sửa đổi hoặc hủy bỏ văn bản	Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND chỉ quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển RTSH mà không quy định giá dịch vụ xử lý RTSH của tổ chức và cá nhân trên địa bàn, theo quy định tại khoản 7 Điều 4 và khoản 1, khoản 2 Điều 25 Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu	Điều chỉnh hoặc hủy bỏ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh, về đơn giá thanh toán dịch vụ vận chuyển RTSH cho đơn vị cung ứng dịch vụ và mức thu giá dịch vụ xử lý RTSH theo đúng quy định	
38	UBND tỉnh Tây Ninh		Ban hành văn bản thay thế	Tỉnh chưa xem xét thay thế tỷ lệ chi phí quản lý chung bằng 43% chi phí nhân công tại Công văn số 1034/UBND-KTN ngày 07/5/2018 về việc công bố định mức tỷ lệ chi phí quản lý chung, do cơ cấu các khoản chi phí trong chi phí chung và chi phí nhân công đã thay đổi so với trước đó,	Ban hành văn bản thay thế Công văn số 1034/UBND-KTN ngày 07/5/2018 để xác định lại tỷ lệ chi phí quản lý chung phù hợp Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động thương binh – Xã hội.	Hoạt động quản lý, công tác xử lý nước thải, rác thải; Chuyên đề việc chấp hành các quy định pháp luật về đầu tư, việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN đối với các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (KCN) và doanh nghiệp hoạt động trong KCN giai đoạn 2018-2022 tại tỉnh Tây Ninh
39	UBND tỉnh Long An		Sửa đổi hoặc hủy bỏ văn bản	Quy định giá tối đa, đồng thời giao UBND cấp huyện ban hành mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR, RTSH trên địa bàn từng huyện là chưa phù hợp thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều 79 Luật BVMT năm 2020, khoản 6 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ hướng dẫn Luật BVMT	Xem xét điều chỉnh hoặc hủy bỏ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND về việc quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR, rác sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Long An	Hoạt động quản lý, công tác xử lý nước thải, rác thải; Chuyên đề việc chấp hành các quy định pháp luật về đầu tư, việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN đối với các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (KCN) và doanh nghiệp hoạt động trong KCN giai đoạn 2018-2022 tại tỉnh Long An
40	UBND thành phố Cần Thơ		Ban hành văn bản	UBND ban hành Công văn số 4952/UBND-KT ngày 22/12/2017 về thu và quản lý tiền dịch vụ thu, gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và tỷ lệ % để lại cho đơn vị thu giá dịch vụ tại các quận huyện. Sở Xây	Ban hành văn bản hướng dẫn thay thế Công văn số 4952/UBND-KT ngày	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí dịch vụ công giai đoạn 2021-2022 trên địa

			bản thay thế	dụng có Văn bản số 4518/SXD-HTKT ngày 29/12/2017 để hướng dẫn về thu và quản lý tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt kể từ năm 2018. Tuy nhiên, nội dung Công văn của UBND và hướng dẫn của Sở XD đều chưa cụ thể, đầy đủ về việc giao đơn vị trúng thầu tổ chức thu và chi trả chi phí thực hiện, như chưa hướng dẫn: mức thu; phạm vi chịu trách nhiệm vận chuyển rác thải thu gom; cơ chế quản lý, giám sát việc thu; quản lý chất lượng công tác thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt. Kết quả kiểm toán cho thấy, UBND các quận được kiểm toán thực hiện chỉ đạo của UBND TPCT và hướng dẫn của Sở Xây dựng khác nhau.	22/12/2017 về việc thu và quản lý tiền dịch vụ thu, gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và tỷ lệ % để lại cho đơn vị thu giá dịch vụ tại các quận huyện	bàn thành phố Cần Thơ
41	UBND thành phố Cần Thơ		Ban hành văn bản hướng dẫn, thay thế	UBND chưa ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, DVC; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, DVC thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 của Nghị định 32/2019/NĐ-CP để các đơn vị quản lý DVC làm cơ sở lập dự toán, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và các mẫu hợp đồng. UBND TPCT chưa quyết định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (đang áp dụng mức lương cơ sở từ năm 2016 chưa có hệ số điều chỉnh do lương cơ sở tăng) để có cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công; đồng thời, chưa tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung đối với các định mức do UBND TPCT đã ban hành tại Quyết định 97/QĐ-SXD cho phù hợp, làm cơ sở cho việc xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 8 của Thông tư 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện và điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định 32/2019/NĐ-CP.	(1) Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; ban hành cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công, thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 của Nghị định 32/2019/NĐ-CP. (2) Rà soát, sửa đổi, bổ sung đối với các định mức sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của địa phương tại Quyết định 97/QĐ-SXD theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 của Nghị định 32/2019/NĐ-CP	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí dịch vụ công giai đoạn 2021-2022 trên địa bàn thành phố Cần Thơ
42	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kiên Giang		Sửa đổi, bổ sung	Sở KH&CN chưa tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang “Ban hành Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang” hiện có một số nội dung không còn phù hợp với quy định hiện hành (Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính và Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 8/5/2023 của Bộ KH&CN), cụ thể: khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KHCN có sử dụng ngân sách nhà nước; nội dung chi quản lý nhiệm vụ KHCN; định mức quản lý	Sở KH&CN tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung sửa đổi Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KHCN có sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo	NSĐP năm 2022 của tỉnh Kiên Giang; kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Kiên Giang

				nhiệm vụ KHCN... tuy nhiên vẫn chưa được UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, dẫn đến các đề tài, dự án phát sinh trong năm sau ngày 26/02/2023 (ngày Thông tư số 03/2023/TT-BTC có hiệu lực) vẫn tiếp tục thực hiện các định mức, nội dung chi theo Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang	
43	UBND tỉnh Sơn La		Ban hành văn bản hướng dẫn	Đến tháng 8/2023 tỉnh Sơn La chưa ban hành hướng dẫn quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do UBND tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.	Xem xét ban hành quy trình thẩm định, phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Sơn La; kiểm toán hoạt động đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La (đề án 666) tại tỉnh Sơn La
44	Hội Nông dân Việt Nam		Sửa đổi, bổ sung	Tại khoản 1 Điều 32 của Quyết định số 908/QĐ-HNDTW ngày 15/11/2011 của Ban chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân và khoản 1 Điều 27 của Quyết định số 273/QĐ-UBND quy định “Quỹ Hỗ trợ nông dân được tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động trước pháp luật, bảo đảm an toàn vốn và không phải nộp thuế cho ngân sách nhà nước” không phù hợp với quy định điểm n khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 69/2013/TT-BTC và điểm c khoản 1 Điều 35 của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.	Điều chỉnh khoản 1 Điều 32 của Quyết định số 908/QĐ-HNDTW cho phù hợp với quy định tại điểm n khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 69/2013/TT-BTC và điểm c khoản 1 Điều 35 của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Điện Biên; kiểm toán hoạt động đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La tại tỉnh Điện Biên
45	HĐND tỉnh Sơn La		Sửa đổi, bổ sung	Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định danh sách các xã khu vực I, khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2016-2020 chưa sửa đổi danh sách các xã khu vực I, khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2021-2025	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La	Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 của tỉnh Sơn La
47	UBND tỉnh Lai Châu		Ban hành văn bản hướng dẫn	- UBND tỉnh có Văn bản số 3832/UBND-TH ngày 18/11/2021 về việc triển khai Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ nhưng chưa ban hành văn bản quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư, sở, phòng, ban thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư	Ban hành văn bản quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư, sở, phòng, ban thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29	Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 của tỉnh Lai Châu

				<p>công</p> <p>- Sở Tài chính có Văn bản số 2299/STC-TCĐT ngày 24/12/2021 về việc xin ý kiến dự thảo hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư công thuộc nguồn vốn NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm, đến thời điểm kiểm toán Ủy ban nhân dân tỉnh chưa ban hành quy định trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn luật đối với vốn đầu tư công thuộc ngân sách của UBND cấp xã quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP</p>	Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ	
48	UBND tỉnh Sơn La		Sửa đổi, bổ sung	Văn phòng UBND tỉnh... Quy chế chi tiêu nội bộ về thanh toán tiền tàu xe nghỉ phép hằng năm chưa sửa đổi đối tượng so với khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 57/2014/TT-BTC ngày 6/5/2014	UBND tỉnh rà soát sửa Quy chế chi tiêu nội bộ về thanh toán tiền tàu xe nghỉ phép hằng năm đảm bảo đối tượng theo quy định Thông tư số 57/2014/TT-BTC ngày 6/5/2014.	Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 của tỉnh Sơn La
49	Bộ Tài chính	Văn bản khác	Ban hành văn bản hướng dẫn	Chi nhánh Công ty CP Thương mại Nguyễn Kim - Trung tâm mua sắm Nguyễn Kim Thuận An kê khai giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8% đối với các sản phẩm là những thiết bị điện tử dùng trong sinh hoạt của gia đình. Tại điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% không được giảm thuế GTGT gồm có nhóm hàng hóa, dịch vụ: “c) Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.”, tại mục III Phần B Phụ lục III Nghị định số 15/2022/NĐ-CP, ngoài nhóm sản phẩm thiết bị điện tử gia dụng đã nêu tại khoản 14 Điều 3 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP, còn quy định “Loại khác (*)”, nhưng không quy định rõ nhóm sản phẩm thiết bị điện tử gia dụng loại khác gồm những hàng hóa, dịch vụ gì cụ thể, nên chưa có cơ sở xác định các thiết bị điện tử dùng trong sinh hoạt của gia đình có tính năng điều khiển từ xa, hệ thống hẹn giờ nấu thông minh, điều khiển cảm ứng như Công ty Nguyễn Kim kê khai có thuộc trường hợp được giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8%;	Chỉ đạo Tổng cục Thuế nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể “Loại khác (*)” trong nhóm sản phẩm thiết bị điện tử gia dụng tại mục III Phần B Phụ lục III Nghị định số 15/2022/NĐ-CP của Chính phủ, nay là Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ.	NSDP năm 2022 của tỉnh Bình Dương và các chuyên đề lồng ghép
50	UBND tỉnh Hà Tĩnh		Sửa đổi, bổ sung	UBND tỉnh phân giao nhiệm vụ phân loại, đánh giá mức độ ô nhiễm và xây dựng kế hoạch xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề của địa phương cho UBND các huyện tại Điều 10 Quyết định 11/2018/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là chưa đúng quy định tại khoản 9 mục IV Quyết định số 577/QĐ- TTg ngày 11/4/2013	Nghiên cứu, sửa đổi Quyết định 11/2018/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 để phù hợp với quy định hiện hành	Hoạt động công tác quản lý, bảo vệ môi trường đối với các cụm công nghiệp và làng nghề của tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2020-2022
51	UBND tỉnh		Ban	UBND tỉnh chưa ban hành văn bản: Quy chế phối hợp các sở, ngành,	Khẩn trương ban hành đầy	Hoạt động công tác quản lý,

	Nam Định		hành văn bản hướng dẫn	Ủy ban nhân dân cấp huyện về quản lý CCN theo quy định tại khoản 2, Điều 42 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN và khoản Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về phát triển, quản lý cụm công nghiệp.	đủ, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý và sửa đổi, bổ sung các văn bản, cơ chế, chính sách: Quy chế phối hợp các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện về quản lý cụm công nghiệp	bảo vệ môi trường đối với các cụm công nghiệp và làng nghề của tỉnh Nam Định giai đoạn 2020-2022
52	UBND tỉnh Nam Định		Ban hành văn bản hướng dẫn	Chưa có cơ chế ưu tiên đúng mức trong việc phân bổ phê duyệt và đầu tư kinh phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển theo quy định tại Điều 18,19 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định một số điều của Luật BVMT 2014.	Khẩn trương ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý và sửa đổi, bổ sung các văn bản, cơ chế, chính sách. Văn bản về cơ chế ưu tiên trong việc phân bổ phê duyệt và đầu tư kinh phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho các làng nghề được khuyến khích phát triển	Hoạt động công tác quản lý, bảo vệ môi trường đối với các cụm công nghiệp và làng nghề của tỉnh Nam Định giai đoạn 2020-2022
53	UBND tỉnh Bắc Giang		Ban hành văn bản hướng dẫn	Sở TN&MT chưa phối hợp với Sở ban ngành liên quan để tham mưu UBND tỉnh ban hành kịp thời, đầy đủ các nội dung theo Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14: Quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; Quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp; Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn.; Quy định phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý phải có thiết bị định vị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, hoạt động theo tuyến đường và thời gian quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Quy định chất thải nguy hại khi vận chuyển phải được lưu chứa và vận chuyển bằng thiết bị, phương tiện chuyên dụng phù hợp đến cơ sở xử lý chất thải. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải lắp đặt thiết bị định vị; hoạt động theo tuyến đường và thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Khẩn trương ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý và sửa đổi, bổ sung các văn bản, cơ chế, chính sách: Quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; Quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp; Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho xây dựng cảnh quan,	Hoạt động công tác quản lý, bảo vệ môi trường đối với các cụm công nghiệp và làng nghề của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2022

					<p>bảo vệ môi trường nông thôn.; Quy định phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý phải có thiết bị định vị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, hoạt động theo tuyến đường và thời gian quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Quy định chất thải nguy hại khi vận chuyển phải được lưu chứa và vận chuyển bằng thiết bị, phương tiện chuyên dụng phù hợp đến cơ sở xử lý chất thải. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải lắp đặt thiết bị định vị; hoạt động theo tuyến đường và thời gian theo quy định của UBND cấp tỉnh.</p>	
54	UBND tỉnh Bắc Giang		Ban hành văn bản hướng dẫn	Sở NN&PTNT Chưa tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý làng nghề trên địa bàn tỉnh trong đó phân công cụ thể về trách nhiệm quản lý làng nghề giữa các sở, ban, ngành và chính quyền địa phương để triển khai phối hợp đồng bộ, hiệu quả theo kế hoạch số 1388/KH-UBND ngày 27/5/2014 về việc triển khai đề án bảo vệ tổng thể làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và Công văn số 388/UBND-NN ngày 11/02/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực ngành nghề nông thôn.	Khẩn trương ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý và sửa đổi, bổ sung các văn bản, cơ chế, chính sách: Quy định quản lý làng nghề trên địa bàn tỉnh	Hoạt động công tác quản lý, bảo vệ môi trường đối với các cụm công nghiệp và làng nghề của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2022
55	UBND tỉnh Bắc Giang		Ban hành văn bản hướng dẫn	Sở Công Thương Chưa tham mưu, soạn thảo xây dựng các chính sách, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017.	Khẩn trương ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý và sửa đổi, bổ sung các văn bản, cơ chế, chính sách: Các chính sách, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp	Hoạt động công tác quản lý, bảo vệ môi trường đối với các cụm công nghiệp và làng nghề của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2022
56	UBND tỉnh		Ban	UBND tỉnh chưa ban hành 14 văn bản, trong đó có một số văn bản	Ban hành đầy đủ, kịp thời	Hoạt động công tác quản lý,

	Thái Bình		hành văn bản hướng dẫn	quy định liên quan đến việc khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng BVMT đối với CCN theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 52 Luật BVMT năm 2020; quy định mức hỗ trợ đầu tư cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương (trong đó có nội dung hỗ trợ đầu tư, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề, bao gồm cả hệ thống tiêu, thoát nước) theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn...	các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý để triển khai đảm bảo hiệu lực các chính sách, quy định về quản lý, BVMT đối với CCN và làng nghề	bảo vệ môi trường đối với các cụm công nghiệp và làng nghề của tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020-2022
57	Bộ Y tế		Sửa đổi, bổ sung	Căn cứ xây dựng tiêu chí C4.5, C4.6 về quản lý chất thải tại Quyết định số 6858/QĐ-BYT đã hết hiệu lực, chưa được sửa đổi theo các văn bản hiện hành (Thông tư số 18/2009/TT-BYT ngày 14/10/2009 hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hết hiệu lực từ 01/10/2018, được thay thế bởi Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 về Quy chế quản lý chất thải y tế hết hiệu lực từ ngày 10/1/2022, được thay thế bởi Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế về quản lý chất thải trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế)	Xem xét sửa đổi các tiêu chí C4.5, C4.6 trong Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam ban hành tại Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế cho phù hợp với quy định hiện hành trong lĩnh vực quản lý chất thải y tế.	Hoạt động quản lý, công tác xử lý nước thải, rác thải; Chuyên đề việc chấp hành các quy định pháp luật về đầu tư, việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN đối với các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (KCN) và doanh nghiệp hoạt động trong KCN giai đoạn 2018-2022 tại tỉnh Long An
58	UBND thành phố Hà Nội	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	Tại quận Hoàn Kiếm: Thiết kế mẫu hè đường đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội có yêu cầu đối với vật liệu đá tự nhiên sử dụng để lát phải đảm bảo các thông số phù hợp với quy định tại tiêu chuẩn đá ốp lát tự nhiên TCVN 4732:2007, tuy nhiên đến nay TCVN 4732:2007 đã hết hiệu lực và được thay thế bằng TCVN 4732:2016 ban hành năm 2016. Mặc dù các dự án được kiểm toán, thiết kế đã căn cứ TCVN 4732:2016 để lựa chọn đá tự nhiên lát hè; tuy nhiên có thể dẫn đến việc nhầm lẫn và lựa chọn các loại đá không phù hợp với tiêu chuẩn mới khi thực hiện các dự án tương tự.	Xem xét sửa đổi văn bản: Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 21/03/2019 của UBND thành phố Hà Nội ban hành “Thiết kế mẫu hè đường đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội” phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 4732:2016 về “Vật liệu đá tự nhiên”.	NSDP năm 2022 và Chuyên đề lồng ghép của thành phố Hà Nội
59	UBND thành phố Hải Phòng	Quyết định của UBND	Sửa đổi bổ sung hoặc hủy bỏ	Tại thời điểm áp dụng đơn giá quy định tại Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 04/12/2014 của UBND thành phố Hải Phòng thì một số văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ xây dựng đơn giá nêu trên đã hết hiệu lực thi hành chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Đề nghị UBND thành phố Hải Phòng xem xét sửa đổi bổ sung hoặc bãi bỏ Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 04/12/2014 của UBND thành phố Hải Phòng theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại thành phố Hải Phòng

					phủ.	
60	HĐND tỉnh Đắk Lắk	Nghị quyết HĐND	Sửa đổi, bổ sung	Điều 2 Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND tỉnh Đắk Lắk giao UBND tỉnh quy định “quyết định tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp huyện với ngân sách cấp xã” chưa phù hợp theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 30 Luật NSNN.	Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 để HĐND tỉnh quyết định tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã phù hợp theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 30 Luật NSNN.	NSDP năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020 - 2022 của tỉnh Đắk Lắk
61	UBND huyện Krông Pắc	Quyết định của UBND	Hủy bỏ	UBND xã Ea Kênh, huyện Krông Pắc ban hành Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 để thành lập Câu lạc bộ Đàn tính - Hát Then thôn Thanh Xuân - Thanh Bình là chưa đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ.	Chỉ đạo UBND xã Ea Kênh thu hồi Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 quyết định thành lập Câu lạc bộ Đàn tính – Hát then thôn Thanh Xuân – Thanh Bình	NSDP năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020 - 2022 của tỉnh Đắk Lắk
62	UBND tỉnh Lâm Đồng	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	Xây dựng Quy chế quản lý nguồn vốn ủy thác và hoạt động của Quỹ phát triển đất có nội dung thực hiện nhiệm vụ cấp bách của địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (điểm d khoản 2 Điều 5 Quy chế) không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ PTĐ (Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).	Điều chỉnh bổ điểm d khoản 2 Điều 5 Quy chế quản lý nguồn vốn ủy thác và hoạt động Quỹ phát triển đất ban hành kèm theo Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng.	NSDP năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 - 2022 tại tỉnh Lâm Đồng
63	HĐND tỉnh Thanh Hóa	Nghị quyết HĐND	Sửa đổi, bổ sung hoặc Hủy bỏ	Nghị quyết số 188/2021/NQ-HĐND hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên cho Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa là không đúng nhiệm vụ chi của NSDP theo quy định tại khoản 9 Điều 9 Luật NSNN và không phù hợp trong điều kiện Thanh Hóa chưa tự cân đối được ngân sách. Thường trực HĐND tỉnh đã có ý kiến đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành liên quan nghiên cứu tham mưu trình HĐND tỉnh điều chỉnh, sửa đổi Nghị quyết tại Công văn số 612/HĐND-TT ngày 07/11/2022.	Xem xét điều chỉnh, bãi bỏ các nội dung hoặc Nghị quyết ban hành chưa phù hợp quy định	NSDP năm 2022 của tỉnh Thanh Hoá và các chuyên đề lồng ghép
64	HĐND tỉnh Thanh Hóa	Nghị quyết HĐND	Sửa đổi, bổ sung hoặc Hủy bỏ	Mục 19.2, bảng phụ lục tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp NSDP giai đoạn 2022 - 2025, tỉnh Thanh Hóa ban hành theo Nghị quyết số 176/2021/NQ-HĐND quy định ngân sách tỉnh Thanh Hóa được hưởng 50% tiền bán tài sản nhà nước (đất và tài sản gắn liền trên đất) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh, chưa đúng quy định tại điểm k khoản 1 Điều 35	Xem xét điều chỉnh, bãi bỏ các nội dung hoặc Nghị quyết ban hành chưa phù hợp quy định	NSDP năm 2022 của tỉnh Thanh Hoá và các chuyên đề lồng ghép

				Luật NSNN và khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 37/2021/QH15 của Quốc hội (ngân sách tỉnh Thanh Hóa được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất, không được phân chia khoản thu từ bán tài sản gắn liền trên đất).		
65	UBND tỉnh Thanh Hóa	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Thanh Hóa (có hiệu lực từ 02/3/2020) còn một số điểm chưa phù hợp với các quy định hiện hành về nguồn hoàn trả vốn ứng và cơ cấu tổ chức của quỹ.	Sửa đổi Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 về việc phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Thanh Hóa	NSDP năm 2022 của tỉnh Thanh Hoá và các chuyên đề lồng ghép
66	UBND tỉnh Thanh Hóa	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	Hiện nay, Sở KH&CN đang phối hợp với Sở Tài chính để tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quy định sửa đổi Quyết định số 5618/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 về Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 5618/2015/QĐ-UBND về Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	NSDP năm 2022 của tỉnh Thanh Hoá và các chuyên đề lồng ghép
67	UBND tỉnh Thanh Hóa	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	UBND tỉnh ban hành Điều 5 Quyết định số 4508/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 quy định cấp huyện tổ chức mời thầu và phê duyệt kết quả đấu thầu kinh doanh khai thác chợ là không đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 02/2003/NĐ-CP.	Sửa đổi Điều 5 Quyết định số 4508/2012/QĐ-UBND phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 02/2003/NĐ-CP.	NSDP năm 2022 của tỉnh Thanh Hoá và các chuyên đề lồng ghép

68	UBND tỉnh Nghệ An	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	<p>Một số quy định do địa phương ban hành đang còn hiệu lực thi hành nhưng có một số nội dung điều, khoản không phù hợp với quy định do Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và công nghệ ban hành, cụ thể:</p> <p>Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh Nghệ An: (i) Tại khoản 5 Điều 6 về Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định “<i>Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước và Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập</i>”. Tuy nhiên, Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 hết hiệu lực ngày 01/11/2018 và được thay thế bằng Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài Chính; Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 hết hiệu lực ngày 01/07/2017 và được thay thế bằng Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính; (ii) Tại khoản 6 Điều 6 quy định: Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê. Tuy nhiên, Thông tư số 58/2011/TT-BTC hết hiệu lực 01/1/2017 và được thay thế bằng Thông tư số 109/2016/TT-BTC, ngày 30/6/2016 của Bộ Tài Chính.</p>	<p>Chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các ngành chức năng liên quan thực hiện rà soát và tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung các Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh Nghệ An</p>	<p>NSDP năm 2022 của tỉnh Nghệ An và các chuyên đề lồng ghép</p>
69	UBND tỉnh Nghệ An	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	<p>UBND tỉnh Nghệ An ban hành Bảng giá đất tại thành phố Vinh theo Quyết định số 57/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019, trong đó lô đất số 56 tờ bản đồ số 26- Phường Hà Huy Tập của công ty TNHH Cửa Đông Miền Trung thuê đất có đơn giá 11 trđ là chưa đúng với thực tế hiện trạng và số xác định của cơ quan thuế là 27 triệu đồng</p>	<p>Chỉ đạo các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác định để điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 57/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An</p>	<p>NSDP năm 2022 của tỉnh Nghệ An và các chuyên đề lồng ghép</p>
70	UBND tỉnh Hưng Yên	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	<p>UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 quy định về tổ chức lại và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Hưng Yên còn một số điểm chưa phù hợp với quy định tại Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 ban hành quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất của Thủ tướng Chính phủ, Luật NSNN 2015 và Luật Đất đai 2013.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND quy định về tổ chức lại và quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Hưng Yên</p>	<p>NSDP năm 2022 của tỉnh Hưng Yên và các chuyên đề lồng ghép</p>
71	HĐND tỉnh	Nghị quyết	Sửa	<p>Việc ban hành các văn bản quản lý, điều hành của địa phương vẫn</p>	<p>Sửa đổi quy định tại khoản</p>	<p>NSDP và báo cáo quyết toán</p>

	Khánh Hòa	HĐND	đổi, bổ sung	còn tồn tại như sau: Tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 (được thay thế bằng Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022) có quy định phân bổ kinh phí chi lương cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: “Đảm bảo chi lương thực tế (mức lương không thấp hơn lương tối thiểu vùng theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ) theo chế độ tiền lương hiện hành đối với số người làm việc được cấp thẩm quyền phê duyệt đối với cơ quan hành chính, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cấp tỉnh, cấp huyện, các đơn vị thuộc ngành y tế, giáo dục - đào tạo, các đơn vị sự nghiệp được ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động (không áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần kinh phí)” không phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và Điều 12 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.	2 Điều 12 Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 cho phù hợp với Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ;	NSDP năm 2022 của tỉnh Khánh Hòa; và các chuyên đề lồng ghép
72	UBND tỉnh Ninh Bình	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	Điểm a khoản 1 Điều 9 Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND quy định Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Chủ tịch UBND tỉnh chưa phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất ban hành kèm Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất (Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg).	Rà soát, xem xét: Sửa đổi một số nội dung Quyết định 25/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Ninh Bình	NSDP năm 2022 của tỉnh Ninh Bình và các chuyên đề lồng ghép
73	UBND tỉnh Bình Dương	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	Chi cục Thủy lợi (trực thuộc Sở NN&PTNT) chi chế độ phụ cấp trực phòng chống thiên tai theo Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Bình Dương trên cơ sở chế độ quy định tại Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ và Quyết định số 44/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ đã hết hiệu lực từ ngày 01/01/2019 (được thay thế bởi Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai do Thủ tướng Chính phủ ban hành).	Rà soát để sửa đổi quy định về chế độ chi phụ cấp trực phòng chống thiên tai tại Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 để phù hợp với quy định tại Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021	NSDP năm 2022 của tỉnh Bình Dương và các chuyên đề lồng ghép
74	UBND tỉnh Bình Dương	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	- Quỹ phát triển KHCN chưa ban hành quy chế tài trợ, cho vay; giai đoạn 2020 - 2021, Quỹ chưa trích dự phòng rủi ro theo quy định tại Quyết định số 1435/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương, qua năm 2022 Quỹ mới thực hiện trích lập dự phòng rủi ro (mức trích 0,5% trên số dư nợ vay cuối năm 31/12/2022, số tiền đã trích trong năm 2022 là 37.034.150 đồng). - Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về phê duyệt Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ phát	Sửa đổi Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh Bình Dương đối với 2 nội dung: (i) lãi suất cho vay tại điểm e khoản 1 Điều 14; (ii) tổ chức nhận ủy thác tại khoản 3 Điều 14	NSDP năm 2022 của tỉnh Bình Dương và các chuyên đề lồng ghép

				<p>triển KH&CN tỉnh Bình Dương quy định có 2 điểm chưa phù hợp với Thông tư số 03/2015/TT-BKH&CN ngày 9/3/2015 của Bộ KH&CN, cụ thể: (i) Tại điểm e khoản 1 Điều 14 Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về phê duyệt Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN tỉnh Bình Dương quy định “Cho vay với lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay của Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương tại thời điểm do UBND tỉnh quyết định...”, không phù hợp với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 Thông tư số 03/2015/TT-BKH&CN ngày 9/3/2015 của Bộ KH&CN ban hành điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của... tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, quy định: “Cho vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước được Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong từng thời kỳ ...”; (ii) Hoạt động cho vay uỷ thác cho Quỹ ĐTPT tỉnh Bình Dương không đúng quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu theo quy định tại Thông tư số 03/2015/TT-BKH&CN của Bộ KH&CN vì Quỹ ĐTPT không phải là “tổ chức tín dụng” theo quy định tại khoản 1, 4, 5 Điều 4 và Điều 6 Luật các Tổ chức tín dụng.</p>	<p>Quyết định 1435/QĐ-UBND, không phù hợp với Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư số 03/2015/TT-BKH&CN ngày 9/3/2015 của Bộ KH&CN.</p>	
75	UBND tỉnh Vĩnh Phúc	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	<p>Giai đoạn 2020-2022: Bộ đơn giá Dịch vụ công ích đô thị tại Tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện theo Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh xây dựng và ban hành căn cứ theo các Nghị định, văn bản, thông tư trong đó có một số văn bản đã hết hiệu lực đối với giai đoạn 2020-2022 và đến thời điểm hiện tại, được thay thế bằng các Nghị định, văn bản và thông tư hiện hành. Tuy nhiên Sở Xây dựng chưa tham mưu đề UBND tỉnh ban hành sửa đổi, bổ sung Bộ đơn giá tại Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 14/8/2017, chưa tuân thủ theo quy định tại Khoản 2, Điều 26, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.</p>	<p>Rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh sửa đổi Bộ đơn giá dịch vụ công ích ban hành theo Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND Tỉnh Vĩnh Phúc đảm bảo đảm bảo cập nhật các văn bản quy định về đơn giá nhân công, máy thi công, ... phù hợp với các quy định hiện hành.</p>	<p>NSDP năm 2022 của tỉnh Vĩnh Phúc và các chuyên đề lồng ghép</p>
76	UBND thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	<p>Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn NSNN và giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn NSNN kèm theo tại Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND và các quận, huyện ban hành các quyết định đơn giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng vốn NSNN trên địa bàn quận, huyện không phù hợp về thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 58 Nghị định 08/2022/NĐ-CP; khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, nhưng Thành phố chưa ban hành văn bản thay thế;</p>	<p>Rà soát điều chỉnh nội dung văn bản sau: Quyết định 38/2018/QĐ-UBND, Quyết định 20/2021/QĐ-UBND về việc quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, rác sinh hoạt trên địa bàn TP.HCM phù hợp với Nghị định 08/2022/NĐ-CP</p>	<p>NSDP năm 2022 của TP Hồ Chí Minh và các chuyên đề lồng ghép</p>
77	UBND tỉnh	Quyết định	Sửa	<p>Một số quy định do địa phương ban hành đang còn hiệu lực thi hành</p>	<p>Chỉ đạo Sở Khoa học và</p>	<p>NSDP năm 2022 của tỉnh</p>

	Nghệ An	của UBND	đổi, bổ sung	nhưng có một số nội dung điều, khoản không phù hợp với quy định do Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và công nghệ ban hành, cụ thể: Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND tỉnh Nghệ An: (i) Tại Điều 31. Quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả quy định: Quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thực hiện theo Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định. Tuy nhiên, Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN hết hiệu lực 30/9/2020 và được thay thế bằng Thông tư 02/2020/TT-BKHCN ngày 10/8/2020 hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; (ii) Tại các Điều 6; Điều 10; Điều 12; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 25; Điều 29; Điều 37 và Điều 38 quy định cụ thể các nội dung thực hiện theo các mẫu của Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Quy định này. Tuy nhiên, các mẫu của Phụ lục I, II, III không được ban hành kèm theo quyết định (Công báo số 13+14 ngày 24/2/2016 – Trang 41 đến trang 64)	Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các ngành chức năng liên quan thực hiện rà soát và tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 cho phù hợp với các quy định do Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Nghệ An và các chuyên đề lồng ghép
78	HĐND tỉnh Khánh Hòa	Nghị quyết HĐND	Ban hành văn bản hướng dẫn	Địa phương chưa ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh Khánh Hòa quy định mức hỗ trợ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, nội dung và định mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng NSNN theo quy định tại điểm g, h khoản 9 Điều 30 Luật NSNN và Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính	Ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND theo thẩm quyền quy định tại điểm g, h khoản 9 Điều 30 Luật NSNN và Thông tư số 03/2023/TT-BTC	NSĐP và báo cáo quyết toán NSĐP năm 2022 của tỉnh Khánh Hòa; và các chuyên đề lồng ghép
79	UBND tỉnh Ninh Bình	Quyết định của UBND	Ban hành văn bản hướng dẫn	Một số dự án được Giám đốc Sở KH&ĐT ban hành quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở được giao nhiệm vụ tại Văn bản số 04/UBND-VP4 ngày 04/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh, tuy nhiên, tại Điều 73 của Luật Đấu thầu 43/2013/QH13 quy định người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, chưa có quy định của pháp luật về việc giao cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư là người có thẩm quyền chịu trách nhiệm phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu còn có nội dung chưa phù hợp với quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ KH&ĐT quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu; xác định thời gian thực hiện hợp đồng chưa phù hợp theo quy định tại khoản 7 Điều 35 Luật Đấu thầu	Rà soát, xem xét: Thay thế Văn bản số 04/UBND-VP4 ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho phù hợp với quy định	NSĐP năm 2022 của tỉnh Ninh Bình và các chuyên đề lồng ghép
80	Bộ Nông nghiệp và	Văn bản khác	Ban hành	1. Tại mục 2 phần II Phụ lục VII kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm	Ban hành văn bản quy định, hướng dẫn xác định	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát

	Phát triển nông thôn		văn bản hướng dẫn	<p>ngành có quy định “Hệ số K1 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo trữ lượng rừng, gồm rừng rất giàu và rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo. Hệ số K1 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng rất giàu và rừng giàu; 0,95 đối với rừng trung bình; 0,90 đối với rừng nghèo. Tiêu chí trữ lượng rừng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”. Qua kiểm toán cho thấy: (i) tại tỉnh Bắc Giang đã phát sinh trường hợp cần xác định chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với trường hợp xác định trữ lượng rừng trồng (rừng giàu, rừng nghèo) nhưng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn chưa có quy định, hướng dẫn xác định hệ số (K1) đối với trữ lượng rừng trồng để làm cơ sở cho việc thực hiện; (ii) Tại tỉnh Quảng Ninh khi xây dựng Đề án triển khai chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh đã phát sinh trường hợp cần xác định chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với trữ lượng rừng trồng nhưng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn chưa có quy định, hướng dẫn xác định hệ số (K1) đối với trữ lượng rừng trồng để làm cơ sở cho việc thực hiện.</p> <p>2. Tỉnh Nghệ An: UBND tỉnh hướng dẫn cách áp dụng hệ số K1, K3, K4 = 1, chưa đảm bảo phù hợp hiện trạng rừng thực tế của địa phương và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Tại mục 2 phần II Phụ lục VII kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 có quy định “Hệ số K1 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo trữ lượng rừng, gồm rừng rất giàu và rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo. Hệ số K1 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng rất giàu và rừng giàu; 0,95 đối với rừng trung bình; 0,90 đối với rừng nghèo. Tiêu chí trữ lượng rừng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”. Tuy nhiên tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng chưa hướng dẫn tiêu chí xác định trữ lượng đối với rừng trồng (Thông tư này mới chỉ hướng dẫn tiêu chí xác định trữ lượng đối với rừng tự nhiên) do đó địa phương không có cơ sở xác định giá trị K1 đối với rừng trồng.</p>	hệ số điều chỉnh (K1) mức chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với trữ lượng rừng cho rừng trồng làm cơ sở xác định số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng.	triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bắc Giang; NSDP năm 2022 của tỉnh Nghệ An và các chuyên đề lồng ghép
81	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn bản khác	Sửa đổi, bổ sung	Bất cập về cơ chế chính sách: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, trong đó đã quy định xử phạt hành vi “vi phạm quy định về trồng rừng thay thế”, tuy nhiên không có quy định hành vi “vi phạm chậm nộp tiền trồng rừng thay thế”.	Xem xét, báo cáo Chính phủ xem xét ban hành bổ sung quy định để xử lý việc chậm nộp tiền trồng rừng thay thế của các chủ dự án khi được phép chuyển đổi đất rừng sang mục đích khác	NSDP và báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 của tỉnh Khánh Hòa; và các chuyên đề lồng ghép
82	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam	Văn bản khác	Ban hành văn bản	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam chưa có hướng dẫn Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ninh trong việc chuyển về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam kinh phí trồng rừng thay thế đã thu, quá thời hạn 12 tháng kể từ khi chủ dự án nộp tiền nhưng địa phương	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam: Sớm có văn bản hướng dẫn Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bắc Giang,

			hướng dẫn	không bố trí được hoặc không bố trí đủ diện tích đất trồng rừng thay thế theo đúng quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 13/2019/TT-BNN&PTNT.	tỉnh Quảng Ninh thực hiện đúng quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 13/2019/TT-BNN&PTNT	Quảng Ninh
83	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn bản khác	Sửa đổi, bổ sung	Qua kiểm toán cho thấy trên địa bàn: (i) tỉnh Bắc Giang đã phát sinh nhiều trường hợp chậm nộp tiền trồng rừng thay thế so với thời hạn được quy định tại khoản 3 điều 4 Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Tại thời điểm đơn vị thực hiện nộp tiền trồng rừng thay thế thì đơn giá để thực hiện trồng rừng thay thế đã thay đổi (xu hướng tăng lên) so với đơn giá được phê duyệt tại thời điểm chấp thuận phương án trồng rừng thay thế từ đó dẫn đến tiền thu để trồng rừng thay thế không đủ chi trồng bù diện tích rừng đã chuyển đổi (chi tiết tại phụ lục 09/BCKT-QBVPTR); (ii) tỉnh Hải Dương đã phát sinh các trường hợp chậm nộp tiền trồng rừng thay thế so với thời hạn được quy định tại khoản 3 điều 4 Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Tại thời điểm đơn vị thực hiện nộp tiền trồng rừng thay thế thì đơn giá để thực hiện trồng rừng thay thế đã thay đổi (xu hướng tăng lên) so với đơn giá được phê duyệt tại thời điểm chấp thuận phương án trồng rừng thay thế từ đó dẫn đến tiền thu để trồng rừng thay thế không đủ chi trồng bù diện tích rừng đã chuyển đổi; (iii) tỉnh Quảng Ninh phát sinh các trường hợp (<i>Dự án đầu tư xây dựng Đường giao thông từ Tài Chi đi Hang Vây; Dự án mở khai thác đất thuộc địa phận núi Nhà Thờ; Dự án Đường đầu nối quốc lộ 279 đến tỉnh lộ 342 tp Hạ Long; Dự án xử lý điểm sạt lở dốc U Bò (QL18C), xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái</i>) chậm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định tại khoản 3, điều 4 Thông tư 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Tại thời điểm đơn vị thực hiện nộp tiền trồng rừng thay thế thì đơn giá để thực hiện trồng rừng thay thế đã thay đổi (xu hướng tăng lên) so với đơn giá được phê duyệt từ đó dẫn đến tiền thu trồng rừng thay thế không đủ chi trồng đủ diện tích rừng đã chuyển đổi	Xem xét, báo cáo Chính phủ xem xét ban hành bổ sung quy định để xử lý việc chậm nộp tiền trồng rừng thay thế của các chủ dự án khi được phép chuyển đổi đất rừng sang mục đích khác và quy định tính lại đơn giá thu tiền trồng rừng thay thế tại thời điểm chủ dự án nộp tiền trồng rừng thay thế.	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bắc Giang, tỉnh Hải Dương, tỉnh Quảng Ninh
84	Tổng Cục thuế	Văn bản khác	Sửa đổi bổ sung	Quy trình thanh tra thuế ban hành kèm theo Quyết định số 1404/QĐ-TCT của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế còn có nội dung chưa phù hợp với Thông tư số 06/2021/TT-TTCT của Thanh tra Chính phủ. Cụ thể: Quy trình thanh tra thuế chưa quy định: (i) Xây dựng Đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 06/2021/TT-TTCT; (ii) Chưa quy định về yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu; việc giao nhận hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Điều	Rà soát, bổ sung các quy định về Quy trình thanh tra thuế tại Quyết định số 1404/QĐ-TCT cho phù hợp với Thông tư số 06/2021/TT-TTCT	NSDP năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020 - 2022 của tỉnh Đắk Lắk

				21 Thông tư số 06/2021/TT-TTTP; (iii) Chưa quy định về thành phần hồ sơ thanh tra theo quy định tại Điều 49 Thông tư số 06/2021/TT-TTTP		
85	Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk	Văn bản khác	Sửa đổi, bổ sung	Sở Tài chính ban hành Công văn số 2240/STC-HCSN ngày 03/8/2022 về kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP chưa phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/QH15.	Sửa đổi nội dung hướng dẫn sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn tại địa phương để chi trả cho đối tượng chính sách tại Công văn số 2240/STC-HCSN ngày 03/8/2022 của Sở Tài chính chưa phù hợp quy định.	NSDP năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020 - 2022 của tỉnh Đắk Lắk
86	UBND tỉnh Nghệ An	Văn bản khác	Sửa đổi, bổ sung	UBND tỉnh hướng dẫn áp dụng các hệ số K1, K3, K4 = 1 tại Công văn số 6646/UBND-NN ngày 19/9/2019 theo đề nghị của Hội đồng Quản lý Quỹ, để quy đổi diện tích rừng làm cơ sở tính toán tiền chi trả DVMTR, chưa phù hợp hiện trạng rừng thực tế của địa phương và hướng dẫn tại khoản 2 Mục II Phụ lục VII Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Việc quy định 1 hệ số K giống nhau dẫn đến chi trả dịch vụ môi trường rừng chưa đảm bảo tính công bằng đối với các lô rừng có trữ lượng rừng, nguồn gốc hình thành rừng, mức độ khó khăn về địa bàn khác nhau.	Chỉ đạo Quỹ BVPTR và các đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát và tham mưu điều chỉnh việc xác định hệ số K1, K3, K4 phù hợp với quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.	NSDP năm 2022 của tỉnh Nghệ An và các chuyên đề lồng ghép
87	HĐND tỉnh Nghệ An, UBND tỉnh Nghệ An	Văn bản khác	Ban hành văn bản hướng dẫn	(1) Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông: Địa phương chưa xây dựng, phân bổ và giao dự toán kinh phí để trang bị đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm thực hiện chính sách và lộ trình về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo quy định tại khoản d Điều 12 Thông tư số 61/2021/TT-BTC. (2) Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ: Năm 2022, UBND tỉnh chưa triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm theo quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ dẫn đến sinh viên ngành sư phạm thuộc đối tượng điều chỉnh của nghị định chưa được hưởng kinh phí hỗ trợ học phí, chi phí học tập và các quyền lợi khác từ nguồn lực đảm bảo sinh xã hội của nhà nước theo quy định của Chính phủ.	Chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan tham mưu ban hành văn bản để triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành	NSDP năm 2022 của tỉnh Nghệ An và các chuyên đề lồng ghép
88	HĐND tỉnh Nghệ An, UBND tỉnh Nghệ An	Văn bản khác	Ban hành văn bản	HĐND tỉnh chưa ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP để làm cơ sở cho việc giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. UBND tỉnh chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ	Chỉ đạo các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự	NSDP năm 2022 của tỉnh Nghệ An và các chuyên đề lồng ghép

			hướng dẫn	thuật làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 60/2021/NĐ - CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ	ng nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở ban hành giá dịch vụ theo Nghị định số 60/2021/NĐ - CP ngày 21/6/2021	
89	Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk	Văn bản khác	Sửa đổi, bổ sung	Tại tiết 3.1 khoản 3 mục II Phần I Thuyết minh và hướng dẫn áp dụng kèm theo văn bản số 313/SXD-KTVLXD quy định về thành phần giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng là chưa phù hợp với quy định tại mục I Phụ lục V của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 và điểm c khoản 5 Điều 8 Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng, vì một số thiết bị không phát sinh chi phí nhiên liệu, năng lượng như: kích nâng, rơ mooc, sà lan, phao thép,...	Điều chỉnh nội dung “Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng” tại Công văn 313/SXD-KTVLXD theo đúng quy định tại mục I Phụ lục V Thông tư số 13/2021/TT-BXD và điểm c khoản 5 Điều 8 Thông tư số 11/2021/TT-BXD	NSDP năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020 - 2022 của tỉnh Đắk Lắk
90	Cục thuế tỉnh Thanh Hóa	Văn bản khác	Hủy bỏ văn bản	Hồ sơ miễn tiền thuê đất của Công ty Cổ phần Long Phú: Cục Thuế miễn tiền thuê đất cho Công ty Cổ phần Long Phú tại Quyết định số 3264/QĐ-CT ngày 05/12/2022 số tiền 263.355.000 đồng không đúng quy định theo khoản 3 Điều 5 Thông tư số 333/2016/BTC, do Công ty không thuộc trường hợp " <i>phải tạm ngừng hoạt động dự án từ do các nguyên nhân bất khả kháng quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ</i> ". Theo văn bản số 20/BC-UBND ngày 31/5/2016 của UBND xã Quảng Thái và văn bản số 2996/STNMT-TNN ngày 05/7/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi UBND tỉnh, trong quá trình nuôi tôm, công ty Long Phú đã không thực hiện đúng cam kết bảo vệ môi trường chưa thực hiện quan trắc, giám sát môi trường hàng năm và báo cáo về cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật..., trong quá trình khai thác nước biển và xử lý nước thải sau mỗi vụ nuôi tôm chưa có quy trình vận hành và chưa đăng ký, cấp phép theo quy định	Xem xét hủy bỏ quyết định miễn, giảm tiền thuê đất số 3264/QĐ-CT ngày 05/12/2022 do miễn giảm không đúng đối tượng theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 333/2016/BTC	NSDP năm 2022 của tỉnh Thanh Hoá và các chuyên đề lồng ghép
91	UBND tỉnh Hưng Yên	Văn bản khác	Ban hành văn bản hướng dẫn	Địa phương chưa có phương án tổng thể sắp xếp, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017, số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. Đến thời điểm kiểm toán, địa phương đang triển khai thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên	Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan có liên quan kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh: Xây dựng, ban hành Phương án tổng thể sắp xếp lại, xử lý đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý theo quy	NSDP năm 2022 của tỉnh Hưng Yên và các chuyên đề lồng ghép

					định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP của Chính phủ	
92	Cục Thuế tỉnh Đồng Nai	Văn bản khác	Sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ	Qua kiểm tra đối chiếu hồ sơ tại Cục Thuế cho thấy, Cục Thuế ban hành Quyết định số 2458/QĐ-CT ngày 26/12/2017 về việc miễn tiền thuê đất để xây dựng Cảng Phước An của Công ty CP Dầu khí đầu tư Khai thác Cảng Phước An (MST 3601010336), thời hạn được miễn 08 năm kể từ ngày 30/04/2017 đến ngày 30/04/2025, diện tích 1.572.896,40 m ² , số tiền được miễn 19.101.253.882 đồng; Tuy nhiên, theo văn bản đề nghị miễn giảm thuế của Công ty không có số, ghi ngày 24/11/2017 nhưng Cục thuế tỉnh Đồng Nai cho Công ty được miễn, giảm tiền thuê đất trong thời gian chưa đủ hồ sơ xin miễn giảm (7 tháng, từ ngày 30/04/2017 đến ngày 23/11/2017) là chưa phù hợp quy định là tại điểm b khoản 5 Điều 12 Mục 3 Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BTC ngày 25/06/2018 của Bộ Tài chính nêu rõ: “Người được Nhà nước cho thuê đất chỉ được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất sau khi làm các thủ tục để được miễn, giảm tiền thuê đất...”.	Cục Thuế tỉnh Đồng Nai thực hiện thu hồi hoặc điều chỉnh Quyết định số 2458/QĐ-CT về việc miễn tiền thuê đất để xây dựng Cảng Phước An chưa phù hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều 12 Mục 3 Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BTC ngày 25/06/2018 của Bộ Tài chính và thực hiện truy thu tiền thuê đất trong thời gian miễn tiền thuê đất không đúng quy định.	NSDP năm 2022 của tỉnh Đồng Nai và các chuyên đề lồng ghép
93	UBND tỉnh Đồng Nai	Văn bản khác	Sửa đổi bổ sung hoặc hủy bỏ	Đơn giá thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt tại các huyện, thành phố, thuê đơn vị thẩm định giá làm cơ sở lập dự toán giá gói thầu theo hướng dẫn của UBND Tỉnh (Công văn số 11091/UBND-KT ngày 17/11/2016 về việc thực hiện công tác đấu thầu dịch vụ công ích, xúc, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh), trong đó hướng dẫn xác định đơn giá trên cơ sở áp dụng thống nhất tỷ lệ xúc thủ công là 30%, xúc cơ giới là 70% là không phù hợp, do: (i) Công văn của Tỉnh chỉ hướng dẫn cho năm 2017; (ii) Áp dụng đơn giá như trên là không phù hợp với tính chất công việc	UBND tỉnh giao cơ quan chức năng kiểm tra, rà soát để thu hồi hoặc điều chỉnh lại Văn bản số 11091/UBND-KT ngày 17/11/2016 để đảm bảo phù hợp với tính chất công việc, tránh lãng phí NSNN.	NSDP năm 2022 của tỉnh Đồng Nai và các chuyên đề lồng ghép
94	UBND tỉnh Đồng Nai	Văn bản khác	Hủy bỏ văn bản	Ngân sách tỉnh cấp kinh phí khoán bảo vệ rừng theo định mức khoán tại Công văn số 10141/UBND-CNN ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai, vượt định mức 150.000 đồng/ha/năm so với quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Liên Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Từ đó làm phát sinh tăng thêm cho NSNN số tiền 304 tr	Rà soát thu hồi văn bản số 10141/UBND-CNN ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh về quy định mức hỗ trợ bảo vệ rừng, khoán nuôi tái sinh sản với mức khoán là 600.000 đồng áp theo Thông tư liên tịch số 80/2013/TTLT-BTC-BNN ngày 14/6/2013 đã hết hiệu lực từ năm 2018.	NSDP năm 2022 của tỉnh Đồng Nai và các chuyên đề lồng ghép
95	Bộ Tài nguyên và	Văn bản khác	Ban hành	Đến thời điểm hiện nay Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện nội dung này nên Tỉnh chưa có cơ sở để	Khẩn trương ban hành quy định hướng dẫn về: Hướng	NSDP năm 2022 của tỉnh Đồng Nai và các chuyên đề

	Môi trường		văn bản hướng dẫn	ban hành hướng dẫn (do đó Tỉnh chưa ban hành hướng dẫn việc kiểm định, nghiệm thu bùn thải sau xử lý nước thải và bùn thải nạo vét đầm bảo không phải là bùn thải nguy hại trước khi đưa đi chôn lấp (Theo Khoản 6, Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: Bộ Tài nguyên & Môi trường hướng dẫn về công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải tại chỗ); UBND Tỉnh chưa ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường 2020)	đẫn về công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải tại chỗ, kiểm tra quy trình và chất lượng nước, bùn thải sau khi xử lý của nhà máy xử lý nước thải; hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan; ban hành định mức, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo khoản 5 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.	lồng ghép
96	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn bản khác	Ban hành văn bản hướng dẫn	Theo quy định tại điểm 3 khoản 2 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP chưa hướng dẫn rõ, cụ thể cách tính định mức việc điều tiết cho các diện tích rừng có mức chi trả trên 01 ha từ thấp nhất trở lên từ nguồn tiền không xác định hoặc chưa xác định đối tượng nhận tiền	Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản hướng dẫn cách xác định số tiền điều tiết chi trả cho bên cung ứng có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với số tiền thu được từ bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng nhưng không xác định được hoặc chưa xác định được đối tượng nhận tiền dịch vụ môi trường rừng	NSDP năm 2022 của tỉnh Đồng Nai và các chuyên đề lồng ghép
97	Bộ Tài chính	Văn bản khác	Ban hành văn bản	Theo quy định của Luật Thuế GTGT, trong danh mục các hàng hóa, dịch vụ là đối tượng không chịu thuế GTGT không bao gồm tiền dịch vụ môi trường rừng. Trong khi đó, tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 11/6/2018 của Chính phủ nêu rõ: Bên	Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn việc kê khai thuế GTGT đối với nguồn thu dịch vụ môi trường	NSDP năm 2022 của tỉnh Đồng Nai và các chuyên đề lồng ghép

			hướng dẫn	cung ứng dịch vụ môi trường rừng có quyền quyết định việc sử dụng số tiền thu được từ dịch vụ môi trường rừng sau khi thực hiện nghĩa vụ về tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các đơn vị không kê khai thuế GTGT đối với tiền dịch vụ môi trường rừng được nhận.	rừng và giao Tổng cục Thuế chỉ đạo các Cục Thuế trong cả nước triển khai thực hiện thống nhất việc truy thu, tính tiền chậm nộp theo quy định của Luật Thuế GTGT và Luật Quản lý thuế	
98	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Văn bản khác	Sửa đổi, bổ sung	Chưa rà soát để điều chỉnh giảm mức kinh phí NSNN cấp cho đơn vị tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động thường xuyên và Công văn số 4488/UBND-KT ngày 28/11/2022 của UBND Thành phố hướng dẫn xây dựng dự toán năm 2023, theo đó tại điểm 4 quy định trích 40% số thu học phí để tạo nguồn CCTL do quy định tại tiết d khoản 3 Điều 4 Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính về trích lập nguồn CCTL từ nguồn thu học phí có sự thay đổi từ năm 2022 ; tăng mức ngân sách đảm bảo hoạt động thường xuyên giai đoạn 2021-2023 so với giai đoạn ổn định đã giao trước đó, trong khi không giao tăng nhiệm vụ và chưa thực hiện tinh giản biên chế, không phù hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính	UBND Thành phố Hồ Chí Minh: Rà soát điều chỉnh Công văn số 4488/UBND-KT của UBND TP.HCM về việc xây dựng dự toán năm 2023, trong đó trích 40% trên số thu học phí chưa trừ chi phí để tạo nguồn CCTL năm 2023 là chưa đúng quy định tại điểm d khoản 3 Điều 4 Thông tư số 122/2021/TT-BTC và tại điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách năm 2023.	NSDP năm 2022 của TP Hồ Chí Minh và các chuyên đề lồng ghép
99	UBND thành phố Hải Phòng	Văn bản khác	Ban hành văn bản hướng dẫn	UBND thành phố Hải Phòng chưa ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ;	Các cơ quan có liên quan kịp thời tham mưu cho UBND thành phố ban hành: Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế theo đúng quy định của Bộ Y tế	NSDP năm 2022 của TP Hải Phòng và các chuyên đề lồng ghép
100	UBND tỉnh Hưng Yên	Văn bản khác	Ban hành văn bản hướng dẫn	UBND tỉnh Hưng Yên chưa ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; chưa có phương án sắp xếp, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng dôi dư theo quy định tại Điều 24, Điều 25 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP; chưa thực hiện báo cáo Thủ	Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan có liên quan kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh: Xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng;	NSDP năm 2022 của tỉnh Hưng Yên và các chuyên đề lồng ghép

				tướng chính phủ đối với 19 ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP	phương án sắp xếp, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng dôi dư theo quy định của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP	
101	UBND thành phố Hải Phòng	Văn bản khác	Ban hành văn bản hướng dẫn	UBND thành phố Hải Phòng chưa ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP	Các cơ quan có liên quan kịp thời tham mưu cho UBND thành phố ban hành: Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP	NSDP năm 2022 của TP Hải Phòng và các chuyên đề lồng ghép
102	UBND thành phố Hải Phòng	Văn bản khác	Ban hành văn bản hướng dẫn	Thành phố Hải Phòng chưa có văn bản quy định cụ thể thời hạn gửi báo cáo quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ở địa phương theo hướng dẫn tại khoản 2, 3 Điều 4 Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính.	Các cơ quan có liên quan kịp thời tham mưu cho UBND thành phố ban hành: Quy định cụ thể thời hạn gửi báo cáo quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ở địa phương theo hướng dẫn tại khoản 2, 3 Điều 4 Thông tư số 137/2017/TT-BTC	NSDP năm 2022 của TP Hải Phòng và các chuyên đề lồng ghép
103	UBND thành phố Hải Phòng	Văn bản khác	Ban hành văn bản hướng dẫn	Địa phương chưa có phương án tổng thể sắp xếp, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017, số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. Đến thời điểm kiểm toán, địa phương đang triển khai thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng	Các cơ quan có liên quan kịp thời tham mưu cho UBND thành phố ban hành: Phương án tổng thể sắp xếp, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, số 67/2021/NĐ-CP của	NSDP năm 2022 của TP Hải Phòng và các chuyên đề lồng ghép

					Chính phủ	
104	UBND tỉnh Tiền Giang	Quyết định của UBND	Ban hành văn bản hướng dẫn	Qua rà soát văn bản quản lý kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng Quyết định 19/2018/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 và Quyết định 23/2021/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh Tiền Giang căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đã hết hiệu lực được thay thế bởi Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 có hiệu lực ngày 20/11/2022.	Kịp thời ban hành văn bản thay thế Quyết định 19/2018/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh Tiền Giang và Quyết định 23/2021/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh Tiền Giang	NSDP năm 2022 và chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Tiền Giang
105	UBND tỉnh Tiền Giang	Nghị quyết của HĐND	Sửa đổi, bổ sung	Một số nội dung về phân cấp và phân bổ dự toán thu tại Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2022-2025 chưa phù hợp quy định pháp luật: - Quy định các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100% gồm: a) Lệ phí môn bài, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với cá nhân, hộ kinh doanh do cấp xã quản lý thu; b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp; c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;... và quy định các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã đối với thuế giá trị gia tăng thu từ cá nhân, hộ kinh doanh do cấp xã quản lý thu là chưa phù hợp về nguồn thu ngân sách xã hưởng 100% được quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và về phân công quản lý thuế được quy định tại Luật quản lý thuế, Điều 7 Quyết định số 2845/QĐ-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính ban hành quy định phân công cơ quan thuế quản lý đối với người nộp thuế và thực tế tổ chức thu trên địa bàn (do cơ quan thuế quản lý thu) . - Nội dung quy định tại Nghị quyết 23/2021/NQ-HĐND: khoản thu thuế giá trị gia tăng thu từ cá nhân, hộ kinh doanh trùng lặp, vừa được phân cấp 100% ngân sách huyện hưởng vừa là khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách huyện, xã .	Rà soát nội dung phân cấp nguồn thu để trình HĐND tỉnh xem xét hiệu chỉnh Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 về phân cấp nguồn thu (các tiết a khoản 2.1 và tiết a khoản 2.3. Điều 3) để phù hợp quy định pháp luật và thực tế quản lý trên địa bàn tỉnh trên cơ sở các bất cập đã phát hiện qua kiểm toán;	NSDP năm 2022 và chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Tiền Giang
106	UBND tỉnh Tiền Giang	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	Dự toán chi cho các tổ chức hội được cơ quan tài chính (<i>tỉnh và các huyện Gò Công Tây, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Châu Thành</i>) tham mưu phân bổ theo số lượng người làm việc do UBND giao căn cứ Quyết định số 4185/QĐ-UBND ngày 23/12/2011 của UBND tỉnh quy định số lượng và chế độ thù lao đối với cán bộ chuyên trách tại các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, việc chi hỗ trợ cho các tổ chức hội của Tỉnh chưa tuân thủ các quy định tại khoản 3 Điều 2, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3, khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2011/TT-BTC. Việc xác định dự toán chi chưa đảm bảo gắn với nhiệm vụ được cấp có thẩm	Rà soát Quyết định số 4185/QĐ-UBND ngày 23/12/2011 để hiệu chỉnh phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (Điều 3 Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 09/5/2011 của Thủ tướng chính phủ; Thông tư số 01/2011/TT-BTC; khoản 1	NSDP năm 2022 và chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Tiền Giang

				quyền giao theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP.	Điều 10 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP)	
107	UBND tỉnh Tiền Giang	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	Để thực hiện hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức hội, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh ban hành Công văn số 6376/UBND-KTTC ngày 30/12/2020 quy định về định mức chi tiền công của người được giao thực hiện nhiệm vụ của các hội chưa được công nhận là hội đặc thù. Việc ban hành định mức chi trên của UBND tỉnh là chưa phù hợp quy định tại Điều 31 Luật NSNN năm 2015 về trách nhiệm, quyền hạn của UBND các cấp.	Xem xét Công văn số 6376/UBND-KTTC ngày 30/12/2020 quy định về định mức chi tiền công của người được giao thực hiện nhiệm vụ của các hội chưa được công nhận là hội đặc thù để hiệu chỉnh phù hợp thẩm quyền ban hành chế độ chi thuộc NSĐP.	NSĐP năm 2022 và chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Tiền Giang
108	UBND tỉnh Tiền Giang	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	Việc cơ quan thuế quản lý thu khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh Tiền Giang quy định mức thu, nộp, quản lý, sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Tiền Giang hiện không còn phù hợp quy định tại tiết b khoản 3 Điều 3 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 (kiểm toán tại huyện Gò Công Tây, huyện Chợ Gạo).	Rà soát, sửa đổi về cơ quan thu tại Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh Tiền Giang quy định mức thu, nộp, quản lý, sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh để phù hợp quy định tại tiết b khoản 3 Điều 3 Luật Quản lý thuế năm 2019, khoản 5 Điều 2 Thông tư số 18/2016/TT-BTC.	NSĐP năm 2022 và chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Tiền Giang
109	UBND tỉnh Tiền Giang	Văn bản khác	Ban hành văn bản hướng dẫn	UBND tỉnh, huyện Gò Công Tây chưa ban hành văn bản xây dựng, quản lý đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của địa phương	UBND tỉnh có hướng dẫn tổ chức xây dựng, quản lý đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của tỉnh theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020. Đồng thời chỉ đạo các UBND huyện, thị xã, thành phố rà soát có hướng dẫn tổ chức xây dựng, quản lý đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của huyện theo quy định tại	NSĐP năm 2022 và chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Tiền Giang

					Điều 15 Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020	
110	UBND tỉnh Tiền Giang	Văn bản khác	Ban hành văn bản hướng dẫn	Kết quả chọn mẫu đối chiếu dự án sử dụng kinh phí sự nghiệp ghi nhận một số tồn tại, hạn chế cần quan tâm chấn chỉnh như: khối lượng bùn nạo vét theo thuyết minh Báo cáo kinh tế kỹ thuật được đổ trên 2 bờ kênh, dời đất chỗ vị trí có đường dal bê tông và còn lại vận chuyển đến bãi trữ do địa phương vận động nhân dân hiến đất trong phạm vi 1km, nhưng thuyết minh Báo cáo kinh tế kỹ thuật chưa có biện pháp tổ chức quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	UBND tỉnh rà soát các quy định về quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có hướng dẫn quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 160 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.	NSDP năm 2022 và chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Tiền Giang
111	UBND tỉnh Tiền Giang	Văn bản khác	Sửa đổi, bổ sung	<p>- Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ PT KH&CN (Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Tiền Giang phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ PT KH&CN); tại khoản 1 Điều 6 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ quy định về điều kiện tài trợ “điều kiện tổ chức đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ” chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 03/2015/TT-BKHHCN ngày 09/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ ; và tại điểm e khoản 1 Điều 14 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ quy định hỗ trợ “lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của nhà nước được Bộ Tài chính quyết định trong từng thời kỳ đối với các dự án đổi mới công nghệ” chưa đúng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 Thông tư số 03/2015/TT-BKHHCN ngày 09/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ .</p> <p>- Quy chế tài trợ, cho vay của Quỹ PT KH&CN (Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Quy chế tài trợ, cho vay của Quỹ PT KH&CN); UBND tỉnh Tiền Giang quy định “lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của nhà nước được Bộ Tài chính quyết định trong từng thời kỳ đối với các dự án đổi mới công nghệ” chưa đúng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 Thông tư số 03/2015/TT-BKHHCN ngày 09/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và chưa sửa đổi theo kết luận, kiến nghị của KTNN tại Thông báo số 464/TB-KTNN ngày</p>	Rà soát, sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ và Quy chế tài trợ, cho vay của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Tiền Giang liên quan đến: (i) mức lãi suất cho vay, đối tượng tài trợ, cho vay; (ii) bổ sung đầy đủ quy định về điều kiện đăng ký tài trợ, vay vốn, hỗ trợ.	NSDP năm 2022 và chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Tiền Giang

				01/8/2022 của KTNN về kết quả kiểm toán NSDP năm 2021 của tỉnh Tiền Giang.		
112	Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang	Văn bản khác	Sửa đổi, bổ sung	<p>Công tác ban hành văn bản hướng dẫn, kiểm tra thực hiện: Giám đốc quỹ ĐTPT tham mưu Hội đồng quản lý Quỹ ban hành quy chế ứng vốn từ nguồn vốn phát triển tỉnh Tiền Giang tại Quyết định số 05/QĐ-HĐQL ngày 25/4/2022 của Hội đồng quản lý Quỹ ĐTPT ban hành quy chế ứng vốn từ nguồn vốn phát triển quỹ đất tỉnh Tiền Giang quy định các điều kiện về đối tượng ứng vốn, hoàn trả vốn ứng, chi phí sử dụng vốn quá hạn chưa đúng quy định các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, cụ thể:</p> <p>+ Đối tượng ứng vốn: Hội đồng quản lý Quỹ căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 11 Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ để ban hành Quy chế quy định đối tượng ứng vốn từ nguồn vốn quỹ phát triển không đúng quy định tại Điều 111 Luật đất đai 2013; khoản 3 Điều 6 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và Điều 2, Điều 156 Luật văn bản quy phạm pháp luật 2015 (trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn).</p> <p>+ Hoàn trả vốn ứng: tại điểm c khoản 1 Điều 10 Quyết định số 05/QĐ-HĐQL ngày 25/4/2022 của Hội đồng quản lý Quỹ ĐTPT ban hành quy chế ứng vốn từ nguồn vốn phát triển quỹ đất tỉnh Tiền Giang “1. Hoàn trả vốn ứng: ... c. Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch sau đó đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trên đất thì được hoàn trả từ tiền đấu giá quyền sử dụng đất hoặc tiền sử dụng đất thu được thông qua đấu giá trước khi nộp NSNN” không đúng quy định khoản 1 Điều 7 và khoản 4 Điều 8 Luật NSNN 2015; khoản 1 Điều 15 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và khoản 1 Điều 13 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.</p> <p>+ Chi phí sử dụng vốn quá hạn: tại Điều 13 Quyết định số 05/QĐ-HĐQL ngày 25/4/2022 của Hội đồng quản lý Quỹ ĐTPT ban hành quy chế ứng vốn từ nguồn vốn phát triển quỹ đất tỉnh Tiền Giang “Chi phí ứng vốn quá hạn = Số dư nợ ứng vốn quá hạn x (chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước/30)* 150%* số ngày ứng vốn quá hạn” chưa đúng quy định khoản 2 Điều 1 Thông tư số 97/2021/TT-BTC ngày 12/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của NSNN.</p>	Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang: Rà soát sửa đổi, bổ sung văn bản: (i) Quy chế ứng vốn quỹ phát triển đất: sửa đổi quy định về đối tượng ứng vốn, nguồn hoàn trả ứng vốn, phí sử dụng vốn quá hạn tại Quyết định số 05/QĐ-HĐQL ngày 25/4/2022 của Hội đồng quản lý Quỹ ĐTPT tỉnh Tiền Giang đảm bảo đúng quy định Luật NSNN và văn bản quy phạm pháp luật về đất; (ii) Quy chế chi tiêu nội bộ: bổ sung chi học tập kinh nghiệm.	NSDP năm 2022 và chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Tiền Giang

113	UBND tỉnh Lạng Sơn	Văn bản khác	Ban hành văn bản hướng dẫn	UBND tỉnh Lạng Sơn: (i) Chưa ban hành đơn giá xử lý chất thải rắn đô thị đối với nội dung xử lý chất thải rắn bằng phương pháp đốt theo quy định tại khoản 6, Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020	Ban hành bộ đơn giá xử lý chất thải rắn đô thị đối với nội dung xử lý chất thải rắn bằng phương pháp đốt theo quy định tại khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14	NSDP năm 2022 tỉnh Lạng Sơn; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Lạng Sơn.
114	UBND tỉnh Lạng Sơn	Văn bản khác	Ban hành văn bản hướng dẫn	UBND tỉnh Lạng Sơn: ii) Chưa ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1, Điều 36 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;	Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP.	NSDP năm 2022 tỉnh Lạng Sơn; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Lạng Sơn.
115	UBND tỉnh Lạng Sơn	Văn bản khác	Ban hành văn bản hướng dẫn	UBND tỉnh Lạng Sơn: Chưa ban hành định mức kinh tế kỹ thuật và giá dịch vụ đào tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 11 Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;	Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật và giá dịch vụ đào tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 11 Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT làm căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền xây dựng, phê duyệt đơn giá dịch vụ giáo dục đào tạo, dự toán kinh phí cung cấp dịch vụ giáo dục đào tạo sử dụng NSNN và quản lý kinh tế trong hoạt động giáo dục đào tạo;	NSDP năm 2022 tỉnh Lạng Sơn; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Lạng Sơn.
116	UBND tỉnh Lạng Sơn	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	Quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn áp dụng hệ số điều chỉnh với cả diện tích đất trong hạn mức và ngoài hạn mức đối với hộ gia đình, cá nhân “Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có nguồn gốc vi phạm pháp luật đất đai theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ hoặc đất được giao, được cho thuê không đúng thẩm quyền kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 nhưng nay phù hợp với quy hoạch sử dụng đất mà được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 9 Điều 210 Luật Đất đai” là chưa	UBND tỉnh Lạng Sơn sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn phù hợp với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP	NSDP năm 2022 tỉnh Lạng Sơn; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Lạng Sơn.

				phù hợp với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ;		
117	UBND tỉnh An Giang	Quyết định của UBND	Hủy bỏ văn bản	Qua rà soát văn bản quản lý kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh An Giang căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đã hết hiệu lực được thay thế bởi Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 có hiệu lực ngày 20/11/2022	Kịp thời ban hành văn bản thay thế Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh An Giang phù hợp Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính	NSDP năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 của tỉnh An Giang
118	Ban QLDA đầu tư xây dựng và Khu vực phát triển đô thị An Giang	Văn bản khác	Ban hành văn bản hướng dẫn	Việc giám sát dự án theo hình thức tự thực hiện tại các dự án do Ban QLDA ĐTXD và Khu vực phát triển đô thị An Giang làm chủ đầu tư[1] nhưng chưa quy định rõ năng lực của Ban Quản lý dự án là chưa phù hợp theo Điều 25 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13	Ban QLDA đầu tư xây dựng và Khu vực phát triển đô thị An Giang trình UBND tỉnh An Giang ban hành văn bản thay thế Công văn số 750/VPUBND-KTTH ngày 28/02/2017 về việc áp dụng hình thức tự thực hiện các dự án do Ban QLDA ĐTXD và Khu vực phát triển đô thị An Giang làm chủ đầu tư, do chưa quy định cụ thể về “năng lực kỹ thuật, tài chính và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu” quy định tại Điều 25 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 (nay là Điều 26 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15) và các văn bản hiện hành có liên quan	NSDP năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 của tỉnh An Giang
119	UBND tỉnh An Giang	Văn bản khác	Sửa đổi, bổ sung	biện pháp thi công nạo vét bùn chưa có biện pháp tổ chức quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	UBND tỉnh rà soát các quy định về quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có hướng dẫn quản lý	NSDP năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 của tỉnh An Giang

					bùn nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 160 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	
120	UBND tỉnh An Giang	Quyết định của UBND	Ban hành văn bản hướng dẫn	Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 18/5/2012 của UBND tỉnh An Giang quy định mức thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh, tại Điều 2, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 1 quy định số lượng phó chủ tịch hội cấp tỉnh, huyện và mức thù lao cho phó chủ tịch hội các cấp tỉnh, huyện, xã là chưa phù hợp quy định quy định tại Điều 1, khoản 1 Điều 2 Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội.	Rà soát một số nội dung tại Điều 1, Điều 2 Quyết định số 766/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang quy định mức thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh liên quan nội dung số lượng phó chủ tịch hội cấp tỉnh, huyện và mức thù lao cho phó chủ tịch hội các cấp tỉnh, huyện, xã chưa phù hợp quy định tại Điều 1, khoản 1 Điều 2 Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội để xem xét hiệu chỉnh phù hợp	NSDP năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 của tỉnh An Giang
121	UBND tỉnh Thái Nguyên	Văn bản khác	Ban hành văn bản hướng dẫn	Chưa ban hành đơn giá thực hiện đối với sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN làm căn cứ thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ; chậm bãi bỏ Quyết định 3381/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 của UBND tỉnh về việc công bố bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị tỉnh Thái Nguyên không còn phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên	Ban hành đơn giá thực hiện đối với sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ.	
122	UBND tỉnh	Văn bản	Ban	Chưa ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định	Ban hành hoặc phân cấp	

	Thái Nguyên	khác	hành văn bản hướng dẫn	mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ	thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ.	
123	UBND tỉnh Thái Nguyên	Quyết định của UBND	Hủy bỏ văn bản	Chưa bãi bỏ Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế tuyển sinh đào tạo nghề và quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đào tạo nghề tỉnh Thái Nguyên: Không còn phù hợp với quy định của các văn bản sau: (i) Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015, thay thế Luật Dạy nghề năm 2006); (ii) Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, hiệu lực từ 22/8/2021).	Bãi bỏ Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy chế tuyển sinh đào tạo nghề và quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đào tạo nghề tỉnh Thái Nguyên.	
124	UBND tỉnh Thái Nguyên	Văn bản khác	Hủy bỏ văn bản	Chưa bãi bỏ Văn bản số 2028/LS-LĐTBXH-TC-KH &ĐT ngày 20/9/2017 của liên sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về tuyển sinh và quản lý sử dụng nguồn kinh phí đào tạo nghề nghiệp tỉnh Thái Nguyên không còn phù hợp với các quy định của nhà nước	UBND tỉnh chỉ đạo các Sở: Lao động Thương binh và Xã hội - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư bãi bỏ Văn bản số 2028/LS-LĐTBXH-TC-KH &ĐT ngày 20/9/2017 về tuyển sinh và quản lý sử dụng nguồn kinh phí đào tạo nghề nghiệp tỉnh Thái Nguyên.	

125	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quyết định của Bộ	Sửa đổi, bổ sung	Bộ NN&PTNT chưa chủ động đề xuất, báo cáo Bộ KHCN khó khăn, bất cập, đề xuất sửa đổi, bổ sung thay thế Quyết định số 08/2008/QĐ-BKHCN, do hiện nay quyết định đang áp dụng một số văn bản đã hết hiệu lực; Nghị định số 115/2005/NĐ-CP hiện nay đã được thay thế bằng Nghị định 60/2021/NĐ-CP	Xem xét sửa đổi bổ sung kịp thời các bất cập tồn tại trong quản lý, điều hành phòng Thí nghiệm trọng điểm, do hiện nay, hoạt động của phòng Thí nghiệm trọng điểm được thực hiện trên cơ sở Quyết định số 08/2008/QĐ-TTg ban hành từ năm 2008, trong khi hệ thống văn bản hiện hành liên quan hầu hết đã được sửa đổi, thay thế bao gồm cả Luật Khoa học công nghệ và các quy định về cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập.	Việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực Khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
126	HĐND thành phố Đà Nẵng	Nghị quyết HĐND	Sửa đổi, bổ sung	Việc hỗ trợ (dùng Nguồn tăng thu NSTP năm 2022 địa phương chuyển nguồn sang năm 2023 để hỗ trợ UBND các quận chi đầu tư xây dựng các chương trình, dự án và thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, hỗ trợ cho đơn vị dự toán phường số tiền 396.547(trđ) thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 52/2021/NQ-HĐND của HĐND. Tuy nhiên, HĐND thành phố quy định hỗ trợ lại cho các quận 30% số tăng thu NS thành phố trong khi các quận không phải cấp ngân sách là không đúng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 59 Luật NSNN (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định về việc thương vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương). Đồng thời Nghị quyết số 52/2021/NQ-HĐND quy định cho phép Chủ tịch UBND quận quyết định sử dụng số kinh phí này để chi đầu tư xây dựng là không đúng với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về Thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng.	- UBND thành phố Báo cáo HĐND thành phố xem xét chỉnh sửa nội dung tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 52/2021/NQ-HĐND do quy định không phù hợp với khoản 2 Điều 59 Luật NSNN và Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về Thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng.	NSDP năm 2022 của thành phố Đà Nẵng và các chuyên đề lồng ghép
127	UBND thành phố Đà Nẵng	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 30/5/2022, trong đó tại tiết b khoản 2 Điều 2 quy định “ Đối với kinh phí trích để lại cho công tác bảo trì, duy tu sửa chữa thuyền xuyên nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và các khu ký túc xá sinh viên	- UBND thành phố sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 2 Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày	NSDP năm 2022 của thành phố Đà Nẵng và các chuyên đề lồng ghép

				chỉ sử dụng cho nhiệm vụ bảo trì, duy tu sửa chữa thường xuyên, cuối năm sử dụng không hết, được phép chuyển năm sau tiếp tục sử dụng” chưa phù hợp với quy định tại điểm 1 và điểm 3 Điều 11 Thông tư 124/2016/TT-BTC ngày 03/8/2016 của Bộ Tài chính, trong đó quy định tiền thu được từ việc cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước được sử dụng chi cho bảo trì nhà ở thuộc sở hữu nhà nước đang cho thuê, chi thanh toán các khoản chi quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước đang cho thuê được quyết toán, số tiền còn lại nộp vào NSNN theo quy định của pháp luật về NSNN.	30/5/2022 của UBND TP Đà Nẵng cho phù hợp với quy định tại Điều 11 Thông tư 124/2016/TT-BTC ngày 03/8/2016.	
128	UBND thành phố Đà Nẵng	Quyết định của UBND	Sửa đổi, bổ sung	Tại điểm d khoản 1 Điều 9 Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 quy định "Người quyết định đầu tư, người được ủy quyền quyết định đầu tư quyết định việc sử dụng chi phí dự phòng trong tổng mức đầu tư, trong dự toán xây dựng và trong dự toán gói thầu" là chưa phù hợp với quy định tại 5 Điều 15 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021. Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 36 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng quy định "Giá hợp đồng sau điều chỉnh không làm vượt giá gói thầu hoặc dự toán gói thầu được phê duyệt (bao gồm cả chi phí dự phòng cho gói thầu đó) thì chủ đầu tư được quyền quyết định điều chỉnh...". Như vậy điểm d khoản 1 Điều 9 Quyết định 32/QĐ-UBND là chưa phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật cao hơn.	UBND thành phố rà soát, điều chỉnh điểm d khoản 1 Điều 9 Quyết định 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND TP Đà Nẵng về Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn TP Đà Nẵng do chưa phù hợp với Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021; Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ.	NSĐP năm 2022 của thành phố Đà Nẵng và các chuyên đề lồng ghép
129	UBND tỉnh Quảng Ngãi	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung	Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 23 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND có nêu "Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ (đối với các trường hợp không thuộc điểm c khoản 2 Điều này)". Tuy nhiên khoản 2 Điều 23 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND không có điểm c	Rà soát để điều chỉnh nội dung: "đối với các trường hợp không thuộc điểm c khoản 2 Điều này (Điều 23)", lý do tại khoản 2 Điều 23 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND không có điểm c.	BCKT ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Quảng Ngãi; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Ngãi; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Ngãi; Chuyên đề công tác quản lý, sử dụng đất đai nhà nước
130	UBND tỉnh Quảng	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung	UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, theo đó cho phép bàn giao đất thực tế khi chưa ký kết hợp đồng thuê đất, chưa xác định tiền thuê đất, chưa	Điều chỉnh trình tự Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	

	Ngãi			nộp tiền thuê đất. Nội dung, trình tự quy định tại quyết định này trái với Khoản 3 Điều 68 Nghị Định 43/2014/NĐ-CP về hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Đất đai 2013 (trình tự được Chính phủ quy định là: (i) Quyết định cho thuê đất; (ii) ký hợp đồng thuê; (iii) nộp tiền thuê đất; (iv) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (v) tổ chức giao đất trên thực địa).	của UBND tỉnh Quảng Ngãi (Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này) để đảm bảo đúng trình tự quy định tại Khoản 3 Điều 68 Nghị Định 43/2014/NĐ-CP về hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Đất đai 2013 như sau: (i) Quyết định cho thuê đất; (ii) ký hợp đồng thuê; (iii) nộp tiền thuê đất; (iv) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (v) tổ chức giao đất trên thực địa).	cho thuê giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
131	UBND tỉnh Quảng Ngãi	Văn bản khác	Hủy bỏ	Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh Quảng Ngãi ban hành Thông báo số 530/TB-BQL ngày 28/4/2016 về ý kiến kết luận của Trưởng Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN cho phép đặc cách cấp giấy chứng nhận đầu tư trong thời gian chờ các cơ quan chức năng thẩm định nhu cầu sử dụng đất, môi trường là trái với quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ dẫn đến có 07 hồ sơ cho thuê đất không thực hiện thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai 2013	Chỉ đạo Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh Quảng Ngãi hủy bỏ Thông báo số 530/TB-BQL ngày 28/4/2016 về ý kiến kết luận của Trưởng Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh Quảng Ngãi cho phép đặc cách cấp giấy chứng nhận đầu tư trong thời gian chờ các cơ quan chức năng thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện cho thuê, không đúng với quy định tại khoản 1, Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày	

					15/5/2014 của Chính phủ.	
132	UBND tỉnh Phú Yên	Quyết định của UBND	Rà soát, xử lý theo quy định	Còn quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư do Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên tham mưu UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 2159/2008/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 không có trong quy định của pháp luật. Theo báo cáo của Ban quản lý Khu kinh tế, năm 2003 UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào các KCN để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào các KCN trên địa bàn căn cứ theo Luật về khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) năm 1998, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996 và các Nghị định, văn bản hướng dẫn có liên quan. Sau khi Luật Đầu tư năm 2005, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006, Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 và các quy định pháp luật khác tại thời điểm năm 2006 đã có hiệu lực thi hành, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban Quản lý các KCN (nay là Ban Quản lý KKT Phú Yên) phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành xem xét tình hình thực tế tại các KCN tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2159/2008/QĐ-UBND ngày 24/12/2008 của UBND tỉnh Phú Yên “về việc ban hành quy định một số ưu đãi và hỗ trợ đầu tư áp dụng tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên	Tổ chức kiểm tra, rà soát và xem xét xử lý theo quy định đối với việc: Ban hành Quyết định số 2159/2008/QĐ-UBND quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại các KCN không có trong quy định pháp luật và việc cho phép Công ty TNHH CCIPY Việt Nam được ổn định mức giá thuê lại đất hàng năm và tiền sử dụng hạ tầng trong suốt thời gian thực hiện dự án tại Công văn số 650/UBND-KT.	Đánh giá tính hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư và việc đầu tư xây dựng dự án đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú yên
133	UBND tỉnh Phú Yên	Văn bản khác	Rà soát, xử lý theo quy định	UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH CCIPY Việt Nam được ổn định mức giá thuê lại đất hàng năm và tiền sử dụng hạ tầng trong suốt thời gian thuê đất, không có trong quy định của pháp luật	Tổ chức kiểm tra, rà soát và xem xét xử lý theo quy định đối với việc cho phép Công ty TNHH CCIPY Việt Nam được ổn định mức giá thuê lại đất hàng năm và tiền sử dụng hạ tầng trong suốt thời gian thực hiện dự án tại Công văn số 650/UBND-KT.	
134	UBND tỉnh Phú Yên	Văn bản khác	Ban hành quyết định	Trung tâm dịch vụ công ích ban hành đơn giá xử lý nước thải tại các KCN chưa đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ	phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND Tỉnh quyết định đơn giá xử lý nước thải theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP	
135	UBND tỉnh	Văn bản	Sửa		UBND tỉnh Hải Dương	Chuyên đề việc quản lý, sử

	Hải Dương	khác	đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ	Việc áp dụng đơn giá thu tiền trồng rừng thay thế ban hành kèm theo Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh Hải Dương để tính tiền trồng rừng thay thế trong giai đoạn 2020 - 2022 không còn phù hợp. Nguyên nhân: (1) Một số văn bản làm căn cứ để xây dựng quyết định số 20/2018/QĐ-UBND đã được thay thế bằng các văn bản khác. (2) Quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định "Đơn giá trồng rừng thay thế được tính theo mức dự toán trồng rừng (phòng hộ, đặc dụng) trên địa bàn tỉnh tại thời điểm Chủ dự án đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế"	kiểm tra, rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ quy định xác định đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Hải Dương tại Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp, Nghị định 156/2018/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn hiện hành.	dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hải Dương
136	UBND huyện Kbang	Văn bản khác	Hủy bỏ văn bản	Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 19/02/2014 của UBND huyện Kbang quy định về phụ cấp cho công nhân viên quản lý công trình nước do tổ chức xã quản lý, căn cứ xây dựng Quyết định đến thời điểm hiện nay đã hết hiệu lực thi hành (<i>Quyết định 11/2013/QĐ-UBND ngày 07/6/2013 của UBND tỉnh quy định chi tiết một số nội dung thực hiện Nghị định 67/2012/NĐ-CP; Thông tư số 40/2011/TT-BNNPTNT ngày 27/05/2011 của Bộ NN&PTNT; Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/04/2013 của Bộ Tài chính</i>), chưa đúng thẩm quyền theo điểm d khoản 8 Điều 25 Luật NSNN 2002 và điểm h khoản 9 Điều 30 Luật NSNN 2015	UBND huyện Kbang: Hủy bỏ Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 19/2/2014 của UBND huyện do chưa đúng thẩm quyền theo quy định	NSDP năm 2022 tỉnh Gia Lai và các chuyên đề lồng ghép
137	HĐND huyện Phú Thiện	Văn bản khác	Hủy bỏ văn bản	Tiết 1.7.1 điểm 1.7 khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Phú Thiện quy định "bổ sung phụ cấp khuyến nông viên bằng 100% mức lương cơ bản/tháng" căn cứ văn bản hết hiệu lực (<i>Quyết định 43/2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh về chức danh, số lượng và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, làng, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai</i>) và không có trong quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành theo Nghị quyết số 123/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh	HĐND huyện Phú Thiện bãi bỏ quy định "Bổ sung phụ cấp khuyến nông viên bằng 100% mức lương cơ bản/tháng" tại tiết 1.7.1 điểm 1.7 khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện do không phù hợp quy định hiện hành	NSDP năm 2022 tỉnh Gia Lai và các chuyên đề lồng ghép
138	UBND tỉnh Kon Tum	Văn bản khác	Rà soát, sửa	UBND tỉnh ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh từ năm 2014, trong đó quy định nội dung về tỷ lệ trích lập từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất	Rà soát để sửa đổi khoản 2 Điều 9 Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày	Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 của tỉnh Kon Tum và các Chuyên đề lồng ghép

			đổi văn bản	<i>(Khoản 2 Điều 9 Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum quy định: “Hàng năm, Ngân sách tỉnh trích từ 30% đến 50% từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác) để bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ. Mức trích cụ thể do UBND tỉnh quyết định căn cứ vào dự toán NSNN được HĐND tỉnh quyết định) không còn phù hợp với các văn bản quy định hiện hành và quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành Quy định phân cấp NSNN tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2025 (Điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh ... 2% (Nguồn thu tiền sử dụng đất đã nộp vào NSNN) bổ sung cho Quỹ phát triển đất tỉnh).</i>	23/12/2014 của UBND tỉnh do quy định “Hàng năm, ngân sách tỉnh trích từ 30% đến 50% từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác) để bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ” còn bất cập, chưa phù hợp với tình hình thực tế trong quản lý, điều hành ngân sách của địa phương	
139	UBND tỉnh Kon Tum	Văn bản khác	Rà soát, hủy bỏ văn bản	<p>1. Khoản 1 Điều 8 Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ BVPTTR tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND tỉnh Kon Tum quy định kinh phí hoạt động Tổ chuyên viên giúp việc của Hội đồng quản lý được tính vào chi phí quản lý của Quỹ là chưa phù hợp với nội dung chi tại điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, mặt khác Tổ chuyên viên giúp việc của Hội đồng quản lý không có trong cơ cấu tổ chức bộ máy của Quỹ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 77 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.</p> <p>2. UBND tỉnh ban hành văn bản số 197/UBND-NNTN ngày 22/01/2018 thống nhất quy định mức chi phụ cấp kiêm nhiệm cho Tổ chuyên viên giúp việc Quỹ và các Ban chi trả cấp huyện là chưa phù hợp theo quy định (<i>Quy định chi tiền trách nhiệm quản lý, không quy định chi tiền phụ cấp kiêm nhiệm, không quy định chi cho Tổ chuyên viên giúp việc Quỹ BV&PTR, Ban chi trả cấp huyện.</i>)</p>	UBND tỉnh Kon Tum rà soát để bãi bỏ các quy định: (i) Kinh phí hoạt động của Tổ chuyên viên giúp việc của Hội đồng quản lý được quy định tại khoản 1 Điều 8 Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum; (ii) Nội dung chi phụ cấp kiêm nhiệm cho Tổ chuyên viên giúp việc Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng và Ban chi trả cấp huyện tại điểm 1 Công văn số 197/UBND-NNTN ngày 22/01/2018	Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 của tỉnh Kon Tum và các Chuyên đề lồng ghép

					của UBND tỉnh Kon Tum	
140	UBND tỉnh Kon Tum	Văn bản khác	Rà soát, bổ sung văn bản	Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Kon Tum: Toàn bộ nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã ban hành theo Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 và Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 7 Quyết định số 1204/QĐ-UBND của UBND tỉnh không còn phù hợp theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã.	UBND tỉnh Kon Tum rà soát đề ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP	Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 của tỉnh Kon Tum và các Chuyên đề lồng ghép
141	UBND tỉnh Đắk Nông	Văn bản khác		UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Văn bản số 3859/UBND-KTN ngày 21/7/2021 có nội dung “yêu cầu kể từ quý III/2021 trở đi các đơn vị thực hiện trích lập Quỹ phát triển đất hàng quý theo số thu tiền sử dụng đất thực tế và chuyển kinh phí trích lập Quỹ phát triển đất trước ngày 15 của tháng đầu tư quý tiếp theo” chưa phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, số tiền sử dụng đất đã nộp về Quỹ phát triển đất tương ứng với số thu tiền sử dụng đất thực thu trong 03 năm (2020-2022) là 271.043,8 trđ, vượt so với KHĐT công hàng năm đã được phê duyệt là 79.043,8 trđ và việc cấp vốn cho Quỹ chưa theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP; chưa theo trình tự, thủ tục thực hiện kế hoạch đầu tư công hàng năm theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP	UBND tỉnh Đắk Nông: Sửa đổi Văn bản số 3859/UBND-KTN ngày 21/7/2021 có nội dung chuyển kinh phí trích lập Quỹ phát triển đất (<i>Yêu cầu kể từ quý III/2021 trở đi các đơn vị thực hiện trích lập Quỹ phát triển đất hàng quý theo số thu tiền sử dụng đất thực tế</i>) chưa phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư số 342/2016/TT-BTC; chưa phù hợp trình tự, thủ tục thực hiện kế hoạch đầu tư công hàng năm theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP	Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Đắk Nông và các Chuyên đề lồng ghép
142	HĐND tỉnh Lai Châu	Nghị Quyết HĐND	Sửa đổi, bổ sung	- Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và mức vốn đối ứng của NSDP thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh chưa quy định cụ thể tỷ lệ vốn đối ứng của NSDP cho chương trình theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo đó các địa phương nhận hỗ trợ từ	- Bổ sung quy định rõ mức đối ứng của NSDP để thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 của Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg vào Điều 5 của Nghị quyết số	BCQT NSDP năm 2022 của tỉnh Lai Châu

				ngân sách trung ương từ 70% trở lên: hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 3% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.	13/2022/NQ-HĐND	
143	HĐND tỉnh Lai Châu	Nghị quyết HĐND	Sửa đổi, bổ sung	<p>- Tại Điều 6 của Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND quy định “Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh - ngân sách cấp huyện - ngân sách cấp xã”:</p> <p>+ Tại khoản 3: quy định “Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thu từ hộ gia đình” là khoản thu được phân chia giữa các cấp ngân sách là chưa phù hợp với khoản 4 Điều 2 quy định: “Ngân sách cấp xã được phân chia nguồn thu từ các khoản: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;...”, do chưa đề cập đến tổ chức và chưa nhất quán với Phụ lục kèm theo quyết định.</p> <p>+ Tại khoản 2: quy định “Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình”, là khoản được phân chia giữa ngân sách các cấp, chưa nhất quán với Phụ lục kèm theo quyết định.</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND để quy định rõ, nhất quán các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở phần lời với Phụ lục kèm theo Nghị quyết đối với: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thu từ các tổ chức; Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình, tổ chức kinh tế; Thuế TNDN của các đơn vị khác thuộc ngân sách cấp huyện quản lý</p>	BCQT NSDP năm 2022 của tỉnh Lai Châu
144	UBND tỉnh Điện Biên	Quyết định UBND	Điều chỉnh, sửa đổi	<p>- UBND tỉnh chưa thực hiện điều chỉnh khoản 1 Điều 5 Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 08/10/2009 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Điện Biên (đang quy định mức vốn điều lệ của Quỹ là 3 tỷ đồng) về mức vốn điều lệ và lộ trình tăng vốn điều lệ cho phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 159 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.</p> <p>- UBND tỉnh chưa kịp thời điều chỉnh khoản 1 Điều 18 Quyết định số 1817/QĐ-UBND quy định “Cán bộ chuyên trách của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Điện Biên là viên chức sự nghiệp được hưởng lương từ ngân sách nhà nước” cho phù hợp với quy định tại khoản 11 Điều 8 Luật NSNN “Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách”.</p> <p>- Khoản 1 Điều 27 Quyết định số 273/QĐ-UBND quy định “Quỹ Hỗ trợ nông dân được tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động trước pháp luật, bảo đảm an toàn vốn và không phải nộp thuế cho ngân sách nhà nước” không phù hợp với quy định điểm n khoản 3 Điều 9 Thông tư số 69/2013/TT-BTC và điểm c khoản 1 Điều 35 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân</p>	<p>UBND tỉnh Điện Biên điều chỉnh, sửa đổi: (1) Quyết định số 1817/QĐ-UBND ngày 08/10/2009 của UBND tỉnh Điện Biên, cụ thể: (i) khoản 1 Điều 5 về mức vốn điều lệ và lộ trình tăng vốn điều lệ cho phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 159 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ; (ii) khoản 1 Điều 18 quy định “Cán bộ chuyên trách của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Điện Biên là viên chức sự nghiệp được hưởng lương từ ngân sách nhà nước” cho phù hợp với quy định tại khoản 11 Điều 8 Luật NSNN “Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí</p>	<p>Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Điện Biên; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La tại tỉnh Điện Biên</p>

					<p>hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách”;</p> <p>(2) Khoản 1 Điều 27 Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 10/4/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy chế hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Điện Biên quy định “Quỹ Hỗ trợ nông dân được tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động trước pháp luật, bảo đảm an toàn vốn và không phải nộp thuế cho ngân sách nhà nước” cho phù hợp với quy định tại điểm n khoản 3 Điều 9 Thông tư số 69/2013/TT-BTC và điểm c khoản 1 Điều 35 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ</p>	
145	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên	Văn bản khác	Sửa đổi	- Việc xác định số tiền ký quỹ hàng năm tại Văn bản số 774/STNMT-MT ngày 11/10/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường là không có cơ sở và không đúng với quy định về xác định số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản quy định tại Phụ lục 12 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT (có hiệu lực đến 10/01/2022), khoản 3 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (có hiệu lực từ 10/01/2022).	Sở Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Văn bản số 774/STNMT-MT ngày 11/10/2017 quy định xác định số tiền ký quỹ hàng năm của Quỹ Bảo vệ môi trường cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Điện Biên; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La tại tỉnh Điện Biên
146	Liên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển	Văn bản khác	Sửa đổi, điều chỉnh	- Hướng dẫn số 975/HDLN-SNNPTNT-STC ngày 10/5/2022 của Liên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Tài chính: + Không quy định về mức giữ lại của cấp huyện, cấp xã, mà đang nêu “UBND cấp xã tổ chức thu quỹ của các đối tượng được giao và nộp	- Liên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính sửa đổi, điều chỉnh: (1) điểm b Mục	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn

	nông thôn, Sở Tài chính			100% số thu được vào tài khoản thu quỹ PCTT cấp huyện được tính ủy quyền, phần được giữ lại quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP sẽ được UBND tỉnh quy định sau khi có hướng dẫn về cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán đối với Quỹ của Bộ Tài chính” là chưa đúng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ- CP. + Chưa kịp thời điều chỉnh điểm b Mục 2 đối với cách tính số tiền nộp Quỹ (hướng dẫn áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Nghị định số 90/2019/NĐ-CP) đối với người lao động trong các doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh Điện Biên khi có thay đổi mức lương tối thiểu vùng (Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2022 thay thế Nghị định số 90/2019/NĐ-CP).	2 của Hướng dẫn số 975/HDLN-SNNPTNT-STC đối với cách tính số tiền nộp Quỹ phòng, chống thiên tai đối với người lao động trong các doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh Điện Biên cho phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước; (2) Quy định về mức giữ lại Quỹ phòng, chống thiên tai của cấp huyện, cấp xã trong Hướng dẫn số 975/HDLN-SNNPTNT-STC phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP của Chính phủ.	2020-2022 tại tỉnh Điện Biên; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La tại tỉnh Điện Biên
147	Hội đồng quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Điện Biên	Văn bản khác	Sửa đổi, bổ sung	- Điều 25 Quyết định số 869/QĐ-HĐQLQ quy định về công khai nguồn thu, chi quỹ chưa quy định công khai bằng các hình thức nên năm 2021, 2022 việc công khai của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Điện Biên chưa gửi cơ quan quản lý Quỹ trung ương là chưa phù hợp với quy định tại Điều 20 của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP (Công khai bằng các hình thức).	- Hội đồng quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Điện Biên: Điều chỉnh Điều 25 Quyết định số 869/QĐ-HĐQLQ quy định về công khai nguồn thu, chi quỹ cho phù hợp với quy định tại Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP của Chính phủ.	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Điện Biên; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La tại tỉnh Điện Biên
148	UBND tỉnh Sơn La	Văn bản khác	Sửa đổi, bổ sung	- Theo tiêu mục 5 mục II phần thứ 2 Phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với các chủ đầu tư nộp tiền vào Quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 2/8/2018 của UBND tỉnh Sơn La quy định nộp bằng tiền mặt hoặc nộp qua ngân hàng là chưa phù hợp với điểm a khoản 6 Điều 4 Thông tư số 13/2019/TT-BTNMT ngày 25/10/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	UBND tỉnh sửa đổi tiêu mục 5 mục II phần thứ 2 Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 02/8/2018 của UBND tỉnh Sơn La quy định nộp bằng tiền mặt hoặc nộp qua Ngân hàng chưa phù hợp với điểm a khoản 6 Điều 4 của	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Sơn La; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La tại tỉnh Sơn La

					Thông tư số 13/2019/TT-BTNMT ngày 25/10/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	
149	UBND tỉnh Sơn La	Văn bản khác	Sửa đổi, bổ sung	<p>(1) UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ còn thiếu một số nội dung (số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ của Hội đồng; thủ tục giới thiệu thành viên hội đồng quản lý và bổ nhiệm chủ tịch hội đồng, thành viên nhiệm kỳ tiếp theo; quyết nghị của hội đồng quản lý...) theo hướng dẫn Khung quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý quỹ tại Phụ lục kèm theo của Thông tư số 41/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2018 của Bộ NN&PTNT.</p> <p>(2) UBND tỉnh Sơn La chưa giao nhiệm vụ phối hợp giữa Quỹ với các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước (Sở Xây dựng liên quan đến cung cấp thông tin về các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch tại đô thị; Ban Quản lý các khu công nghiệp của tỉnh liên quan đến các đơn vị cấp nước trong phạm vi các khu công nghiệp) trong Quyết định ban hành Quy chế phối hợp thực hiện DVMTR trên địa bàn tỉnh Sơn La.</p>	Chi đạo rà soát để sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ còn thiếu một số nội dung (số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ của Hội đồng; thủ tục giới thiệu và bổ nhiệm Chủ tịch, thành viên Hội đồng nhiệm kỳ tiếp theo; Quyết nghị của Hội đồng quản lý Quỹ); Quy chế phối hợp giữa các đơn vị bao quát đủ các cơ quan có liên quan đến thu tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Sơn La; kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La tại tỉnh Sơn La
150	HĐND tỉnh Yên Bái	Nghị Quyết HĐND	Sửa đổi, bổ sung	<p>- Quỹ BVMT: Trong giai đoạn 2020-2022 Quỹ được bổ sung kinh phí hoạt động từ 20% số thu phí BVMT là 34.665,8trđ, đây thực chất là cấp cho Quỹ từ NSDP.</p> <p>- Quỹ Phát triển đất: Giai đoạn 2020-2022 tỉnh cấp bổ sung kinh phí hoạt động cho Quỹ phát triển đất số tiền 41.185trđ (năm 2020 là 20.602trđ; năm 2021 là 8.591trđ; năm 2022 là 11.992trđ). Việc cấp bổ sung kinh phí hoạt động là từ nguồn thu tiền thuê đất đất hàng năm (ngân sách tỉnh được hưởng 30%) theo Nghị quyết HĐND tỉnh Yên Bái....</p>	Sửa đổi quy định ngân sách cấp tỉnh được hưởng 20% (để bổ sung cho Quỹ bảo vệ môi trường của tỉnh); 30% nguồn thu tiền thuê đất đất hàng năm cho Quỹ Phát triển đất tại Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 thời kỳ ổn định ngân sách (2017-2020); Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 7/12/2021 thời kỳ ổn định 2022-2025) về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp NSDP của thời kỳ ổn định ngân sách.	Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Yên Bái; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Yên Bái

151	HĐND tỉnh Lào Cai	Nghị Quyết HDND	Sửa đổi, bổ sung	HĐND tỉnh Lào Cai có Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 phân cấp cho UBND tỉnh Lào Cai tổ chức thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư, tuy nhiên nội dung tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND đang quy định “Trong thời gian giữa 02 kỳ họp, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án cần thiết, thuộc quy mô nhóm C theo quy định tại Điều 8 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14...” tuy nhiên quy định tại Điều 8 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 là phân loại dự án nhóm A là chưa phù hợp.	Rà soát, chỉnh sửa nội dung tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND đang quy định “Trong thời gian giữa 02 kỳ họp, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án cần thiết, thuộc quy mô nhóm C theo quy định tại Điều 8 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14...” thành “Trong thời gian giữa 02 kỳ họp, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án cần thiết, thuộc quy mô nhóm C theo quy định tại Điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14...”, cho phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.	NSDP năm 2022 của tỉnh Lào Cai và Chuyên đề “Việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tỉnh Lào Cai”
152	Tổng cục Thuế	Quyết định của Tổng Cục Thuế	Sửa đổi, bổ sung	- Đối với công tác kê khai thuế: Tại khoản 3.3.2 Mục I Phần II của Quyết định số 879/QĐ-TCT ngày 15/5/2015 của Tổng cục Thuế về quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế: Quy định việc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuế: “Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày biên bản vi phạm pháp luật thuế được lập giữa cơ quan thuế và người nộp thuế” là không phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 66 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử phạt vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020, quy định: “Thời hạn ra quyết định xử phạt là 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính”. Việc bắt cập chế độ, chính sách dẫn đến có 02/5 hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính về thuế quá thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại khoản 3.3.2 Mục I Phần II của Quyết định số 879/QĐ-TCT ngày 15/5/2015, nhưng không quá thời hạn 07 ngày	Khi sửa đổi Quyết định số 879/QĐ-TCT ngày 15/5/2015 của Tổng cục Thuế về quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế thì lưu ý: Sửa đổi khoản 3.3.2 Mục I Phần II của Quyết định số 879/QĐ-TCT ngày 15/5/2015 của Tổng cục Thuế đối với việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1	Ngân sách địa phương năm 2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Phú Thọ

				làm việc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 66 của Luật số 67/2020/QH14.	Điều 66 của Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính về thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuế.	
153	UBND tỉnh Phú Thọ	Quyết định UBND	Sửa đổi	Năm 2020 công tác quản lý các nhiệm vụ, chương trình phát triển tài sản trí tuệ thực hiện theo Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 03/11/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020 và năm 2021, 2022 thực hiện theo Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2030, trong đó quy định việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo quyết định chung của tỉnh vì vậy còn thiếu một số quy định so với văn bản của Trung ương.	Sửa đổi Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2030 (trong đó: quy định việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình phải áp dụng Thông tư số 03/2021/TT-BKHHCN ngày 11/6/2021 của Bộ KH&CN hoặc ban hành văn bản hướng dẫn triển khai nhiệm vụ thuộc Chương trình phù hợp với Thông tư này và các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ KH&CN).	Ngân sách địa phương năm 2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Phú Thọ.
154	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Văn bản khác	Bổ sung văn bản	Thành phố chưa ban hành giá dịch vụ duy tu, bảo dưỡng dịch vụ hạ tầng Khu nông nghiệp công nghệ cao theo quy định Luật Giá số 11/2012/QH13 và các văn bản liên quan (<i>năm 2022, đơn vị tạm thu giá duy tu, bảo dưỡng hạ tầng tại văn bản số 4088/UBND-CNN ngày 20/8/2010 của UBND TP.HCM về đơn giá thuê đất và chi phí duy tu, bảo dưỡng hạ tầng đối với các dự án đầu tư trong Khu NNCNC tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi</i>)	UBND Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các sở, ngành chức năng có liên quan thực hiện các nội dung sau: tham mưu cho UBND Thành phố ban hành phương án giá dịch vụ duy tu, bảo dưỡng dịch vụ hạ tầng Khu nông nghiệp công nghệ cao.	ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 - 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh.
155	UBND	Văn bản	Bổ	chưa xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế -	UBND Thành phố Hồ Chí	ngân sách địa phương năm

	Thành phố Hồ Chí Minh	khác	sung văn bản	kỹ thuật đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN để đặt hàng, đấu thầu theo quy định (các ngành đào tạo, các dịch vụ giáo dục đào tạo theo quy định Thông tư 14/2019/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT).	Minh chỉ đạo các sở, ngành chức năng có liên quan thực hiện các nội dung sau: tham mưu cho UBND Thành phố ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với lĩnh vực sự nghiệp do Nhà nước tổ chức đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ từ nguồn kinh phí NSNN theo quy định (các ngành đào tạo, các dịch vụ giáo dục đào tạo theo quy định Thông tư 14/2019/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT).	2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 - 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh.
156	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Văn bản khác	Rà soát, sửa đổi văn bản	Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của UBND TP.HCM về định mức dự toán công tác quản lý chất thải rắn đô thị chưa có các quy định về định mức và đơn giá đối với Công tác vệ sinh mặt đường, mặt cầu dẫn đến các huyện khó khăn khi áp dụng.	Sở Tài nguyên và Môi trường: (i) rà soát Bộ định mức dự toán công tác quản lý chất thải rắn đô thị được ban hành tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của UBND Thành phố.	ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 - 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh.
157	UBND Quận 6	Văn bản khác	Rà soát, sửa đổi hoặc hủy bỏ văn bản	Đối với lĩnh vực chi các dịch vụ công ích đô thị: các quận, huyện (<i>Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND Quận 6</i>) ban hành các quyết định đơn giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng vốn NSNN trên địa bàn quận, huyện không phù hợp về thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 58 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.	UBND Quận 6: Xem xét điều chỉnh hoặc hủy bỏ Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 về việc quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR, rác sinh hoạt trên địa bàn Quận 6 phù hợp với quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP.	ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 - 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh.